

HỒ SƠ ĐỆ TỬ QUỐC TẾ VIỆT NAM
(TẬP 1)

TỬ SÁCH NGHIÊN CỨU
2000

Hồ sơ Đệ tứ Quốc tế Việt Nam (tập 1)

**Tái bản lần thứ nhất,
có sửa chữa và bổ sung**

**Tủ sách Nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11
France**

MÁY LỜI NÓI ĐẦU

VỀ PHONG TRÀO ĐỆ TỬ VIỆT NAM*

(Hoàng Khoa Khôi)

Thưa các anh, các chị,

Tôi xin thành thực cảm ơn báo "*Thông luận*" đã mời tôi trình bày về "*Phong trào Đệ tử Quốc tế*", một vấn đề "*cấm kỵ*", không những trên đất nước Việt Nam hiện nay mà còn ngay cả trong nhiều tổ chức hay hội đoàn của Việt kiều ta ở hải ngoại.

Tôi xin thành thực cảm ơn các anh chị đã dành cho tôi một khoảng thì giờ quý báu của mình ngồi nghe tôi phát biểu, mặc dầu biết rằng Đệ tử Quốc tế là phong trào theo chủ nghĩa mác-xít, một chủ nghĩa đang bị một trào lưu mạnh mẽ xua đuổi. Cuộc họp hôm nay chứng tỏ chúng ta đã thực thi dân chủ không những trong lời nói mà trong thực hành. Về điểm này, báo "*Thông luận*" đã có công đi hàng đầu, nêu ra một tiền lệ cho phong trào đòi dân chủ đa nguyên của chúng ta hiện nay.

Thưa các anh, các chị,

Nói tới mấy chữ "*quốc tế*", chắc có nhiều anh, chị đặt câu hỏi: "*Mình là người Việt Nam, sao lại nói quốc tế?*" Cách đây mấy chục năm, chính tôi cũng đặt cho mình câu hỏi như thế! Nhưng thực tế đã cho thấy, dầu muốn hay không, nhìn về phía nào, Việt Nam cũng không tránh khỏi ảnh hưởng và sự chi phối của các điều kiện quốc tế. Hơn nữa, vấn đề tôi đề cập hôm nay có liên quan mật thiết tới một giai đoạn lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta, trong đó, hai tổ chức Đệ tam và Đệ tứ đã để lại những dấu ấn không thể phủ nhận. Hôm nay tôi ráng trình bày sự khác biệt giữa hai tổ chức này và ráng giải thích vì sao đảng Cộng sản Việt Nam (Đệ tam Quốc tế) đang đi vào đổ vỡ, theo chân các đảng Cộng sản Đông Âu và Liên Xô

Khi bàn tới tính quốc tế của vấn đề Việt Nam, chúng ta còn nhớ, vào đầu thế kỷ này, các bậc tiền bối quốc gia cách mạng, để tìm đường cứu nước, đã tìm tiếp thu tư tưởng cách mạng của Trung Quốc và Nhật Bản và tìm dựa vào lực lượng của hai nước này. Sau đó, vào khoảng những năm 30, những người cộng sản cũng hành động tương tự. Từ nước ngoài, họ đã tìm cách du nhập vào Việt Nam tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa mác-xít. Chỗ khác nhau là một bên tìm vào sức mạnh của những quốc gia nước ngoài, một bên tìm dựa vào động lực đấu tranh của phong trào lao động quốc tế. Theo học thuyết mác-xít, phong trào lao động chống bóc lột ở các xứ tư bản và phong trào giải phóng dân tộc các nước bị trị có cùng một đối tượng: tư bản đế quốc hoàn cầu.

Nhưng, sự du nhập chủ nghĩa mác-xít vào Việt Nam không đơn thuần như nhiều người tưởng và không như đảng Cộng sản Việt Nam đã trình bày. Ngay từ buổi đầu, vào những năm 30, đã có sự phân chia ra hai trường phái, nói gián dị hơn, hai khuynh hướng: xta-lin-nít và trót-kit, Đệ tam và Đệ tứ. Đệ tam do Nguyễn Ái Quốc, sau này là Hồ Chí Minh, đứng đầu. Đệ tứ do Tạ Thu Thâu đại diện. Khuynh hướng thứ nhất xuất phát từ Stalin, người cầm đầu đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế Cộng sản (Đệ tam Quốc tế). Khuynh hướng thứ hai bắt nguồn từ tổ chức *Tả đối lập* do Trotsky thủ xướng, chống lại Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít, được coi là chủ nghĩa tiêu biểu cho đám quan liêu đang

* Bài phát biểu trong cuộc hội luận do báo "*Thông luận*" (Paris) tổ chức vào ngày chủ nhật 15-12-1989.

bành trướng ở Liên Xô. Tôi nói hai khuynh hướng bởi vì trong thời gian trước đó, cả Trotsky lẫn Stalin đều là ủy viên Bộ Chính trị của đảng Cộng sản Nga, đều là những cộng sự thân cận Lenin trong ban lãnh đạo cách mạng tháng Mười 1917 ở Nga. Sau khi Lenin mất (1924), cuộc cách mạng này bị phản bội rồi bị suy thoái. Năm 1938, nhận thấy đảng Cộng sản Nga và Đệ tam Quốc tế quá suy đồi, không thể cải đổi được nữa, và chính quyền ở Liên Xô đã hoàn toàn lọt vào tay đám quan liêu phản cách mạng "*thermidor*"¹, Trotsky và *Tả đối lập* đã tuyên bố thành lập Đệ tứ Quốc tế.

Trong giới hạn thì giờ, tôi không thể trình bày đầy đủ cương lĩnh và hoạt động của Đệ tứ Quốc tế gồm 30 phân bộ trên thế giới. Tôi chỉ xin nói về Việt Nam và ở đây cũng xin nói sơ lược.

Năm 1929, khi còn ở Pháp. Tạ Thu Thâu và các đồng chí tham gia *Tả đối lập* của Trotsky. Cũng vào thời điểm này, ở Hồng Kông, Hồ Chí Minh vận động thành lập đảng Cộng sản Việt Nam. Ở Pháp, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo gia nhập đảng Cộng sản Pháp và Đệ tam Quốc tế. **Vào lúc ấy, sự lựa chọn giữa khuynh hướng trốt-kít và khuynh hướng xta-lin-nít, giữa Đệ tứ và Đệ tam, là sự lựa chọn đầy thử thách.** Đệ tam có cả một quốc gia Liên Xô đứng sau và đứng đầu là Stalin, người mà hầu hết lao động trên thế giới coi là "*bậc thiên tài lỗi lạc*", "*một lãnh tụ nhân tài, bác ái*", "*đáng kính, đáng yêu*" của phong trào lao động quốc tế. Đệ tứ chỉ có một nhóm nhỏ người, gia dĩ lại bị trên đe dưới búa. Một đảng bị các lực lượng đàn áp của các nước tư bản săn đuổi, đảng khác, bị Stalin và các đảng xta-lin-nít, thông qua bộ máy tuyên truyền khổng lồ của họ, dán cho cái nhãn hiệu "*gián điệp*", "*tay sai đế quốc tư bản*", "*tay sai phát-xít Đức, Nhật*" v.v... Năm 1939, trong ba bức thư² gửi từ Trung Quốc về cho đảng Cộng sản Việt Nam, ông Hồ Chí Minh nói Trotsky và chủ nghĩa trốt-kít không còn là một khuynh hướng chính trị nữa, mà đã trở thành "*một đàn chó săn của phát-xít Nhật và phát-xít quốc tế*". Cũng trong những bức thư ấy, ông Hồ tán thành những vụ án ngục tạo mà Stalin dựng nên ở Moscow từ năm 1936 đến năm 1938, nhằm đàn áp và diệt trừ những người trốt-kít. Xuyên qua những vụ án này, 70% ủy viên Ban Trung ương đảng Cộng sản Nga và hầu hết các ủy viên Bộ Chính trị, trừ Stalin, bị xử bắn hoặc ám sát. Trong số 1.956 đại biểu của Đại hội XVII, có 1.108 người - nghĩa là hơn nửa số đại biểu - bị bắt và thủ tiêu vì tội "*phản cách mạng*"³. Hơn 10 triệu nhân dân Liên Xô, trong đó có hàng triệu đảng viên cộng sản, bị bỏ mạng. Khẩu hiệu của Stalin đưa ra cho các đảng Cộng sản các nước là phải "*diệt trừ bọn trốt-kít phản cách mạng*". Để xướng họa, trong bức thư gửi Ban chấp hành Đệ tam Quốc tế năm 1939, ông Hồ Chí Minh viết: "*Phải diệt trừ bọn trốt-kít bằng chính trị*". Năm 1945, ở miền Nam, Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai đã chấp hành chỉ lệnh ấy bằng khẩu hiệu ngắn gọn hơn: "*Phải triệt ngay bọn trốt-kít!*"⁴

Mặc dầu những cuộc đàn áp chưa từng có ấy, mặc dầu khủng bố, dọa nạt, vu cáo, những người trốt-kít Việt Nam vẫn bền vững tiếp tục đường đi của mình vì họ tin rằng sự thật sẽ thắng dối trá, chủ nghĩa vô nhân đạo của Stalin và bè đảng sẽ không thể tồn tại đứng trước cuộc tiến hóa của lịch sử.

Năm 1930, bị trục xuất khỏi nước Pháp, sau cuộc biểu tình trước dinh tổng thống Pháp (Điện Elysées) phản đối vụ xử tử những chiến sĩ Quốc dân đảng ở Yên Bái, Tạ Thu Thâu cùng các đồng chí Huỳnh Văn Phuong, Phan Văn Chánh... về nước. Năm 1931, Tạ Thu Thâu tổ chức *Tả đối lập* ở miền Nam, sau đổi thành Đông Dương Cộng sản đảng. Ảnh hưởng của trốt-kít lan rộng nhanh chóng. Do đó, năm 1931, phái xta-lin-nít của Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai công nhận bắt tay với trốt-kít, thành lập "*chiến tuyến duy nhất*"

¹- Âm chi đám người phản cách mạng xuất hiện sau cuộc cách mạng tư sản Pháp, họ dựa vào thoải trào cách mạng, mở cuộc tàn sát những người cách mạng.

²- Coi "*Hồ Chí Minh toàn tập*", tập 3, trang 97-100.

³- Coi "*Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin*" (Tạp chí Nghiên cứu số 9, trang 21), do Nhóm trốt-kít Việt Nam xuất bản tại Pháp năm 1983.

⁴- Coi tạp chí "*Cahiers Léon Trotsky*" số 46, trang 59 (Juillet 1991).

(front unique) đứng xung quanh tờ báo "*La Lutte*" (Tranh đấu) xuất bản bằng tiếng Pháp, trên cơ sở "*báo vệ quyền lợi của thợ thuyền*". Hai bên giao kết đình chỉ việc chỉ trích lẫn nhau: phía trốt-kít tạm gác sự phê bình Liên Xô, Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít, phía xta-lin-nít thôi không vu cáo trốt-kít.

Trong thời kỳ hợp tác này, từ 1934 đến 1937, nhóm "*La Lutte*" tham dự nhiều cuộc bầu cử như Hội đồng Thành phố, Hội đồng Quản hạt v.v... Danh sách bầu cử gồm nhiều thành viên Đệ tứ lẫn Đệ tam. Nhiều lần, đảng viên đôi bên đều được trúng cử. Năm 1936, nhân cơ hội chính phủ Mặt trận Bình dân ra đời ở Pháp, nhóm "*La Lutte*" đề nghị liên hiệp với nhóm Quốc gia Lập hiến, thành lập Đông Dương Đại hội (Congrès Indochinois), mục đích thảo ra "*yếu sách dân chủ*" gửi cho chính phủ Pháp. Năm 1937, theo lệnh đảng Cộng sản Pháp (coi bức thư của Guitton đề ngày 19-5-1937), các đảng viên của đảng Cộng sản Việt Nam rút khỏi nhóm "*La Lutte*". Chiếm đại đa số trong bộ biên tập nhờ có khả năng viết báo, phái trốt-kít đứng ra nắm giữ tờ "*La Lutte*", tiếp tục xuất bản và thêm mục viết bằng tiếng Việt. (Sau này, ông Hồ Chí Minh và ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam công kích và kiểm thảo việc hợp tác với trốt-kít).

"*Chiến tuyến duy nhất*" của nhóm "*La Lutte*" tan vỡ sau ba năm hoạt động. Cuộc bút chiến giữa Đệ tứ và Đệ tam tái diễn, náo nhiệt và căng thẳng như lúc đầu. Đệ tứ chỉ trích những quan điểm như "*thực hiện chủ nghĩa xã hội trong một nước*", "*cách mạng từng giai đoạn*", "*chế độ độc đảng và đảng độc khối*", "*chính sách manh động trong cuộc nổi dậy của Xô-viết Nghệ Tĩnh*", "*vai trò của nông dân trong cách mạng*" và đặc biệt là vấn đề dân chủ đa nguyên trong phong trào lao động. Đệ tứ kịch liệt chống sự sùng bái cá nhân Stalin và sự lệ thuộc vào chính sách sai lầm của Stalin và Đệ tam Quốc tế, bằng chứng rõ rệt nhất là việc ủng hộ "*phiếu quốc trái 33 triệu đồng*" của chính phủ thực dân lập ra để "*phòng thủ Đông Dương*". Theo chân đảng Cộng sản Pháp, đảng Cộng sản Việt Nam đứng ra tuyên truyền cổ động nhân dân Việt Nam mua phiếu quốc trái của thực dân Pháp. Bởi lẽ Liên Xô vừa ký hiệp ước tương trợ với Pháp (Hiệp ước Stalin Laval năm 1935), nước Pháp trở thành đồng minh của Liên Xô, các đảng Cộng sản có nhiệm vụ phải bảo vệ nước Pháp, bảo vệ bờ cõi thuộc địa của Pháp. Người ta quên rằng "*phòng thủ Đông Dương*" tức là giúp cho chế độ thực dân Pháp kéo dài nên thống trị của họ trên đất nước Việt Nam. Dựa trên quan điểm này, Đệ tứ Việt Nam kịch liệt công kích việc mua phiếu quốc trái. Nhờ có thái độ đó, trong cuộc bầu cử Hội đồng Quản hạt, bảng cử của Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch được thắng cử toàn diện. Bảng cử của phái Đệ tam Nguyễn Văn Tạo hoàn toàn bị thất bại, không một ai trúng cử.

Trong thời kỳ làm báo "*La Lutte*" và tham gia các cuộc bầu cử, những đảng viên Đệ tứ cũng như Đệ tam đều bị truy tố hoặc bị xử tù. Riêng Tạ Thu Thâu năm lần bị bắt và bị đưa ra tòa án, ba lần bị xử hai năm tù, một lần ba tháng. Hai lần tuyệt thực, lần đầu 11 ngày, lần thứ hai 12 ngày. Năm 1939, tờ "*La Lutte*" bị cấm. Tạ Thu Thâu bị xử năm năm tù, 10 năm quản thúc và mất công quyền. Tháng Mười 1940, ông bị đày Côn Đảo cùng với nhiều đồng chí trốt-kít khác như Phan Văn Hùm (giáo sư), Trần Văn Thạch (giáo sư), Nguyễn Văn Sô (nhà giáo), Trần Văn Sĩ v.v...

Cuối năm 1944, sau khi được trả tự do từ Côn Đảo, Tạ Thu Thâu dự bị thành lập đảng Xã hội Thợ thuyền. Khoảng giữa năm 1945, ông ra Bắc, mục đích bắt liên lạc với các đồng chí trốt-kít như Lương Đức Thiệp, Khương Hữu An đang xuất bản tờ báo "*Chiến đấu*", cơ quan của đảng Xã hội Thợ thuyền ở miền Bắc. Ông tham dự các cuộc họp bí mật của lao động và nông dân ở Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương. Khi trở về Nam, Tạ Thu Thâu bị Việt Minh đón bắt ở Quảng Ngãi rồi bị bắn chết vào tháng Chín 1945. Năm 1946, trả lời nhà văn Daniel Guérin, ông Hồ Chí Minh nói: "*Tạ Thu Thâu là một nhà yêu nước có tâm cỡ (grandpatriote), tôi khóc cái chết của ông ấy*".¹ Nhưng, như tôi đã nói ở trên, ông Hồ Chí Minh năm 1939 lại bảo trốt-kít đã trở thành "*gián điệp*". Các sách báo của đảng Cộng

¹- Coi cuốn "*Au Service Des Colonisés*" của tác giả Daniel Guérin.

sản Việt Nam cứ công khai tiếp tục tố cáo Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông là "*mật thám*", "*tay sai của phát-xít Nhật*"... Huyền thoại này đã được lan truyền khắp thế giới, khiến nhiều nhà văn, nhà báo, sử gia quốc tế ngay thẳng như ông Jean Chesneaux (Pháp) hay J. Buttinger (Mỹ) v.v... tin là sự thật và chép lại những lời vu cáo ấy trong sách vở của họ. Sử gia Jean Chesneaux đã viết thư cho báo "*Chroniques Vietnamiennes*" (số 3, Juillet 87) xin lỗi và xin cải chính. Nhưng còn biết bao sử gia khác chưa có dịp nhìn ra sự thật!

Vào năm 1945-46, ngoài vụ Tạ Thu Thâu bị ám hại, còn rất nhiều các đồng chí của ông cũng bị ngã gục dưới bàn tay đẫm máu của Việt Minh. Cũng như hồi cách mạng Tây Ban Nha năm 1936, đối với Stalin và các đảng Cộng sản xta-lin-nít trên thế giới, kẻ thù chính không phải là đế quốc hay phát-xít mà là những người trót-kít và những ai dám lên tiếng đối lập với họ về chính trị. Trong số những người trót-kít bị hạ sát hồi cách mạng tháng Tám, có Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Sô, Lê Ngọc, Lê Văn Hương v.v..., phần đông đều là những người đã bị thực dân Pháp đem đi đày ở Côn Đảo vừa mới thả về. Năm 1948, bắt được liên lạc với mật khu kháng chiến, Nguyễn Văn Linh cùng với Lưu Khánh Thịnh và một đồng chí trót-kít người Hoa (Liu Jialiang) kéo nhau vào chiến khu, giữa đường bị Việt Minh nổ súng. Ba người đều bị chết ngày 13-5-1948. Sau đó, đài phát thanh kháng chiến gọi họ là "*tay sai của thực dân Pháp*"! Sử gia Daniel Hémery¹ đã có một nhận định rất chính xác: những người trót-kít đó đã bị giết hai lần, lần đầu bằng những viên đạn bắn vào gáy họ, lần thứ hai bằng những lời thóa mạ giội lên hương hồn họ.

Stalin giết hại trót-kít vì không thể tha thứ bên hông mình một tổ chức đối lập có khả năng chính trị và lý luận, đưa ra một đường lối có hệ thống, có thể chiêu mộ quần chúng đe dọa chính quyền của mình. ***Cũng đi từ quan niệm độc quyền lãnh đạo, ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam đã mở cuộc diệt trừ tử hưu, từ trót-kít đến quốc gia, không cho một mầm mống đối lập nào có thể trở lên được.*** Hơn nữa, trong giai đoạn sau cách mạng tháng Tám, chính phủ Hồ Chí Minh cần được rảnh tay để cầu hòa và thương thuyết với Pháp, giữa lúc đứng trước cuộc phản công của Pháp, trót-kít và quốc gia lại chống Pháp dữ dội. Đối với Việt Minh, nước Pháp khi đó không phải là kẻ thù trước mắt, kẻ thù nguy hiểm nhất là Trung Quốc và Tưởng Giới Thạch và đằng sau Tưởng là những đảng phái quốc gia thân Trung Quốc. Dưới mắt Việt Minh, nước Pháp còn là "*nước Pháp mới*", vì có đảng cộng sản Pháp đứng trong chính phủ De Gaulle. Nước Pháp của De Gaulle đang được Stalin o bế, ve vãn, kéo làm đồng minh của Liên Xô trong cuộc "*chiến tranh lạnh*" vừa mới mở đầu, giữa Liên Xô và Mỹ. Vì những lẽ nói trên, đảng Cộng sản Pháp không muốn Đông Dương rời bỏ nước Pháp, sợ sẽ "*roi vào tay Mỹ*". Chính phủ Hồ Chí Minh cũng không muốn rời khỏi Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp!

Thực tế lại oái oăm, chính "*nước Pháp mới*" đã đem quân sang đổ bộ ở Việt Nam nhằm thôn tính lại Đông Dương. Chính quân đội Pháp chứ không phải quân đội Trung Quốc của Tưởng, đã mở các cuộc tấn công ở Hải Phòng và Hà Nội, xô đẩy Việt Nam vào vòng chiến tranh tai hại kéo dài đến gần mười năm. Rõ ràng ông Hồ Chí Minh và Việt Minh đã "*làm*" vì đã đánh giá sai kẻ thù... Nhưng cái "*làm*" này, mặc dầu có "*hại*" cho dân tộc và đất nước, lại có "*lợi*" cho đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ có Hiệp định Sơ bộ mong sáu tháng Ba (6-3-1946), chính phủ Hồ Chí Minh được chính thức công nhận, nghĩa là được hợp pháp hóa đối với dư luận trong và ngoài nước. Nhưng cũng Hiệp định ấy đã để cho quân đội tướng Leclerc đổ bộ ở Việt Nam, phân chia Việt Nam làm hai, tuy nhiên vẫn không tránh khỏi chiến tranh! Vấn đề này theo ý tôi, một ngày kia sẽ được lịch sử xét lại, chứ không như sự giải thích của đảng Cộng sản Việt Nam².

Vào những năm 1945-46, những người trót-kít Việt Nam hoàn toàn bất đồng ý kiến với chính sách của Việt Minh, đặc biệt là thái độ của Việt Minh đối với Pháp. Theo kinh

¹- Nhà sử học Daniel Hémery là người đã viết luận án tiến sĩ đại học về Tạ Thu Thâu và nhóm trót-kít ở Việt Nam.

²- Đảng Cộng sản Việt Nam giải thích sơ dĩ ký kết là để "*bảo toàn lực lượng*", "*tránh tình thế bất lợi*" v.v...

nghiêm, Đệ tứ hiểu rằng Việt Minh là đảng Cộng sản Việt Nam và đảng này tùy phục vào chính sách Stalin và Liên Xô. Các hiệp ước Yalta, Potsdam và Téhéran phân chia thế giới thành các vùng ảnh hưởng của ba đại cường quốc (Liên Xô, Mỹ và Anh). Chính sách của Stalin không phải là làm lan rộng cách mạng trên thế giới mà là bành trướng thế lực của Liên Xô ra ngoài biên giới nước này, khiến nước này trở thành một đại cường quốc. Stalin không giúp cho một nước nào làm cách mạng cả, càng không giúp cho Việt Nam đánh đuổi quân Pháp thực sự. Stalin (và Mao Trạch Đông cũng vậy) chỉ giúp Việt Nam ở chừng mực mà ảnh hưởng và uy quyền quốc gia của mình được lan rộng. Bài phát biểu của ông Nguyễn Cơ Thạch, cựu bộ trưởng ngoại giao, đọc trước Đại hội VII của đảng Cộng sản Việt Nam, đã gián tiếp công nhận điều này, một sự thực mà phần đông các chính giới phương Tây đều nhìn rõ. Nhưng khi những người trốt-kít nói ra, họ đã bị đảng Cộng sản Việt Nam buộc cho cái tội "*nói xấu Liên Xô*".

Đứng trước bối cảnh Việt Minh tìm đường hòa hoãn với Pháp, khẩu hiệu của những người trốt-kít đưa ra lúc đó - như "*Triệt để chống thực dân tư bản Pháp*", "*Đất về dân cày*", "*Xưởng máy về thợ*"... - là những khẩu hiệu ngược hẳn với đường lối của đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng đảng lẽ phải giải thích và tranh thủ bằng chính trị, đảng này đã dùng phương pháp "*diệt trừ*" theo lối Stalin!

Tổ chức những cuộc sát hại người trốt-kít, đảng Cộng sản Việt Nam tưởng rằng rồi đây sẽ không còn một bóng ma nào tới ám ảnh họ nữa. Nhưng người ta có thể diệt trừ thân thể những người trốt-kít, người ta khó có thể diệt trừ tư tưởng của họ. Năm 1946, khi qua Pháp thương thuyết, ông Hồ Chí Minh và phái đoàn theo ông, ngạc nhiên khi nhận thấy trốt-kít vẫn chưa chết. Ở khắp các căng trại của 15.000 công binh (thợ Việt Nam), họ nhận thấy trong hầu hết các ủy ban đại diện đều có bóng dáng những đại biểu trốt-kít. Đáng chú ý hơn nữa, đa số những ủy ban này đều lên tiếng phê bình những điều khoản của Hiệp định Sơ bộ mỏng sáu tháng Ba, chống Liên hiệp Pháp (được gọi là "*Đế quốc trá hình*"), chống khẩu hiệu "*Nước Pháp mới*" (được gọi là "*nước Pháp tư bản thực dân*"). Ngoài ra, trong tổ chức Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam (Délégation Générale des Indochinois, sau này đổi thành Việt Kiều Liên minh) thay mặt cho 25.000 Việt kiều, người ta nhận thấy có tới gần một phần tư đại biểu - trí thức có, lao động có - là người trốt-kít, bên cạnh những đại biểu trí thức, lao động quốc gia.

Tóm lại, phong trào Việt kiều tại Pháp chống chiến tranh thực dân ở Việt Nam đã lọt ngoài vòng ảnh hưởng của đảng Cộng sản (P.C.F.) Pháp và ngoài sự kiểm soát của Việt Minh. Phong trào này lại là một phong trào có tính chất tiến bộ, như đòi cho thợ Việt Nam được học chữ học nghề, được ăn lương như thợ Pháp, đòi được kiểm soát kho lương thực, quần áo, vệ sinh, nhà ở trong trại, cổ động thể dục, thể thao, cổ động chống nạn cờ bạc, cổ động vào nghiệp đoàn, gây tình thân thiện với lao động và nhân dân Pháp. Một thành công đáng ghi nhớ là chiến dịch chống nạn mù chữ đã đạt tới kết quả 90%; cần biết rằng tới đại đa số công binh lúc ra đi không biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ.

Một phong trào như thế, nhất định Việt Minh phải bao trùm, không thể để cho nó đứng ở vị trí độc lập. Chiến thuật của ông Hồ Chí Minh là tìm cách đập tan khối đoàn kết (chúng tôi gọi là khối "*chiến tuyến duy nhất*") giữa người lao động và trí thức quốc gia với những người trốt-kít. Quả nhiên ông đã thành công! Nhưng chỉ thành công một nửa. Được trân trọng "*chiêu hồi*", một số trí thức quốc gia đã từ bỏ sự hợp tác với trốt-kít, đi theo tiếng gọi của Việt Minh, nhưng đa số công binh trong các căng trại lại cứng đầu không chịu. Sau đó, ông Trần Ngọc Danh, đại biểu của chính phủ Hồ Chí Minh tại Pháp, đã phải dùng tới một phương pháp "*manh*" hơn: đánh vào các ủy ban đại diện trong các căng trại, phân rẽ ai chống, ai theo? Để thực hiện ý đồ này, ông không ngần ngại dựa vào đám côn đồ là những phần tử muốn phá tổ chức và trật tự trong trại để được tự do rượu chè, cờ bạc, gác đi... Ông Danh có ngờ đâu, ông đã gây ra một thảm họa vượt ngoài ý muốn! Vào một buổi tối (đêm 15-5-1948) ở trại Mazargues (gần tỉnh Marseilles), mụm cờ mở cuộc họp để tổ chức sinh nhật Hồ Chí Minh, bọn côn đồ cùng với một số thân hữu của họ tuyên bố những

lời khiêu khích đối với ban trật tự trong trại. Tức thời, một phản ứng mạnh mẽ nổi dậy và lan ra trong trại. Một cuộc ẩu đả đáng tiếc đã xảy ra. Kết quả sáu người chết (trong đó có một người trách nhiệm ủy ban trật tự bị cảnh sát Pháp tới can thiệp bắn chết) và hơn ba mươi người bị thương nặng. Lúc đầu, báo chí Pháp trình bày sự kiện đó như một "*cuộc sát phạt của những người theo Việt Minh loại trừ những người theo Bảo Đại*". Sau đó, họ dần dần đổi giọng, cho nó là một cuộc "*chém giết giữa Đệ tứ và Đệ tam*". Tờ nhật báo "*Humanité*" (Nhân đạo), cơ quan ngôn luận của đảng Cộng sản Pháp, không ngần ngại vạch mặt, chỉ tên "*bọn trót-kít khiêu khích*"! Sau này, ở Việt Nam, mấy nhà báo, nhà văn bồi bút, cũng viết theo lập luận của đảng Cộng sản Pháp. Sự thật, những người chết không có ai là Đệ tam và những người bị thương hay dự cuộc cũng không có ai là Đệ tứ. Đây chỉ là một cuộc ẩu đả, giữa một bên là công binh bị khiêu khích và một bên là côn đồ kéo theo một số nhỏ người cả tin và thiếu suy nghĩ. Một điều đáng chú ý: ở trại này, đại biểu trót-kít rất ít vì lẽ trước đó, nhiều người đã bị nhà cầm quyền Pháp bắt giải về nước. (Ngày 31-1-1948, lính Pháp đến vây trại, bắt 126 đại biểu và những người trách nhiệm trong trại, áp giải về Việt Nam).

Công binh mà nói, công binh hầu hết các căng trại hồi đó đều ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh, tôn trọng Hồ Chí Minh như một vị chủ tịch, mặc dầu không nơi nào làm lễ sinh nhật Hồ Chí Minh và không nơi nào có sự thờ phụng Hồ Chí Minh như đảng Cộng sản Việt Nam mong muốn. Về mặt chính trị, công binh có thái độ "*ủng hộ phê bình*" (soutien critique). Ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh chống ngoại xâm, nhưng phê bình những gì không đồng ý, ví dụ: Hiệp định Sơ bộ, Thỏa hiệp án, Liên hiệp Pháp, "*nước Pháp mới*" v.v... Ngoài ra, báo chí của công binh có thái độ chỉ trích đối với đảng Cộng sản Pháp, đối với Stalin và đối với Liên Xô. Bằng ấy thứ cũng đủ cho người ta chụp cho họ cái mũ "*trót-kít*". Thực ra, đại đa số công binh chỉ là những người quốc gia tiến bộ, trọng lẽ phải trong sự thực. Họ đã đấu tranh với những người trót-kít, họ không thể chấp nhận những lối vu cáo cho trót-kít là "*tay sai để quốc*", "*phát-xít Tito*" v.v... mà các cơ quan báo chí của phái xta-lin-nít, dưới quyền chỉ đạo của đảng Cộng sản Pháp, tung ra thời đó. Dĩ nhiên, một số thái độ chính trị của công binh gần gũi với thái độ trót-kít và chính vì thế mà nhiều người đã gọi phong trào công binh là trót-kít.

Nhóm trót-kít Việt Nam được phát triển nhờ có phong trào công binh. Nó xuất phát từ nhóm "*Tranh đấu*" mà cơ quan ngôn luận là tờ báo "*Tranh đấu*" xuất bản sau hồi nước Pháp được giải phóng. Nhóm "*Tranh đấu*" là một "*chiến tuyến*" bao gồm đa số những người quốc gia và một số nhỏ những người trót-kít. Đứng trước Hiệp định Sơ bộ mông sáu tháng Ba do Hồ Chí Minh ký kết với Pháp, nhóm "*Tranh đấu*" bị phân hóa. Một bộ phận dao động, ngừng hoạt động, một vài phần tử theo Việt Minh. Bộ phận căn bản và quả quyết nhất thành lập Nhóm trót-kít Việt Nam tại Pháp. Ngoài sự phát hành những tờ báo tiếng Việt như "*Vô sản*", "*Tranh đấu*", "*Tiếng thợ*", "*Diễn đàn mác-xít*", "*Quan sát*", "*Nghiên cứu*" v.v..., chúng tôi còn phiên dịch những tập sách do Đệ tứ Quốc tế xuất bản bằng tiếng Pháp. Năm 1981, chúng tôi là những người Việt Nam đầu tiên dịch "*Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin*", phát hành 2.000 số. Trong những năm 50, báo "*Tiếng thợ*" và "*Vô sản*" viết nhiều bài tranh luận với các ông Trần Đức Thảo, Nguyễn Khắc Viện về chế độ Liên Xô, về chủ nghĩa xta-lin-nít, chủ nghĩa mao-ít v.v... Năm 1948, đứng trước vụ xung đột giữa Stalin và Tito, chúng tôi mở một chiến dịch chống sự vu cáo của Stalin đối với Nam Tư, bút chiến với các tờ báo như "*Công nhân*", "*Văn hóa Liên hiệp*" v. v..., lúc ấy vào hòa với Stalin và đảng Cộng sản Pháp. Năm 1950, chúng tôi tổ chức một đoàn đại biểu gồm 30 thanh niên lao động và sinh viên Việt Nam, đáp xe lửa sang Nam Tư khảo cứu về tình hình xứ này, xem có phải là một xứ "*phát-xít*" như các đảng Cộng sản xta-lin-nít trên thế giới tuyên truyền hay không? Đứng trước những biến động ở Đông Berlin năm 1953, ở Hungary năm 1956, ở Tiệp Khắc năm 1968, ở Ba Lan năm 1981 v.v..., nhất nhất chúng tôi đều có thái độ chống các ban lãnh đạo xta-lin-nít và chống sự can thiệp của quân đội Liên Xô vào những xứ này. Hiện nay, chúng tôi xuất bản tạp chí "*Chroniques Vietnamiennes*"

bằng tiếng Pháp, với mục tiêu phá cái bức tường kiên cố của đảng Cộng sản Việt Nam ngăn cách mọi nguồn thông tin giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài. Mùa xuân 1989, tờ "*Chroniques Vietnamiennes*" mở chiến dịch đòi "*phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu*"; tờ kêu gọi thu thập được hơn một trăm chữ ký của người Pháp và người Việt, đại đa số là những nhân vật nổi tiếng trong các giới chính trị, khoa học, trí thức và văn nghệ ở Pháp.

Đối với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chúng tôi đứng về phía kháng chiến, ủng hộ nhân dân đấu tranh giành độc lập. Đối với chính phủ Hồ Chí Minh, chúng tôi có thái độ "*ủng hộ phê bình*", ủng hộ chống ngoại xâm, nhưng phê bình phương pháp và đường lối mà điểm quan trọng nhất là vấn đề dân chủ lao động. Trên bình diện quốc tế, tất cả các phân bộ của Đệ tứ Quốc tế ở châu Âu, châu Á, ở Mỹ La Tinh v.v... và ở ngay cả sào huyệt nước Hoa Kỳ, đều có thái độ ủng hộ kháng chiến Việt Nam; ủng hộ không những bằng hành động chống chiến tranh mà còn là ủng hộ bằng tiền bạc. Thái độ ủng hộ này nằm trong chiến lược cách mạng hoàn cầu, một điểm căn bản của chương trình Đệ tứ. Đệ tứ ủng hộ kháng chiến Việt Nam cũng như ủng hộ kháng chiến Algeria, hoặc bất kể một cuộc kháng chiến nào nhằm mục tiêu chống ngoại xâm, đòi độc lập, đòi quyền dân tộc tự quyết. Đối với chúng tôi, đây là một vấn đề nguyên tắc. Một điều cần nêu ra: trong thời kỳ kháng chiến, đảng Cộng sản Việt Nam đã đón nhận mọi sự ủng hộ của các phân bộ Đệ tứ các nước, kể cả tiền bạc, nhưng không một lúc nào họ đăng trên báo chí cho nhân dân Việt Nam được biết.

Đứng trước Hiệp ước Genève (1954), chúng tôi nhận xét Hiệp ước này không tương xứng và không đáp ứng kết quả của thắng lợi Điện Biên Phủ. Bởi lẽ Trung Quốc và Liên Xô, vì quyền lợi quốc gia của họ, đã ép buộc Việt Nam phải ký kết. Chúng tôi dự báo hiệp ước đó chứa đựng mầm mống mâu thuẫn sẽ làm nảy sinh một cuộc chiến lần thứ hai. Đứng trước Hiệp định Paris (1973), chúng tôi công nhận vai trò độc lập của đảng Cộng sản Việt Nam đối với Trung Quốc và Liên Xô, nhưng phê bình thái độ cực đoan của đảng đối với Mặt trận Giải phóng miền Nam, đối với vấn đề thống nhất và đối với nhân dân miền Nam. ***Thái độ này tạo ra cho nhân dân miền Nam ý nghĩ quân đội miền Bắc tới áp đặt cho họ một chế độ mà họ chưa chấp thuận.*** Đứng trước cuộc tiến quân sang Campuchia, chúng tôi triệt để chống lại. Vì động cơ của nó không phải là giúp cho nhân dân Campuchia tránh khỏi nạn diệt chủng của Polpot, mà là chủ mưu tạo dựng, bằng binh lực, một thứ "*Liên bang Đông Dương*", trong đó Việt Nam đóng vai trò "*đàn anh nước lớn*"! Sự can thiệp này không những đã làm cho Việt Nam hao tổn, kiệt quệ trong lúc cần xây dựng. Nó còn gây ra một tiền lệ cho Trung Quốc mượn cớ kéo quân sang Việt Nam tàn phá và giết hại dân chúng.

Ngoài những cuộc đấu tranh chính trị nói trên, chúng tôi còn đấu tranh bảo vệ những nguyên lý của chủ nghĩa mác-xít mà Stalin và các đảng Cộng sản xta-lin-nít đã sửa đổi, xuyên tạc. Về phương diện này, xin nêu vài điểm chính:

Thứ nhất: Vấn đề dân chủ.

Nhân danh "*tập trung dân chủ*", phái xta-lin-nít cho rằng trong một chế độ xã hội chủ nghĩa, chỉ có thể có một đảng độc nhất. Trong đảng chỉ có thể có một khuynh hướng, khuynh hướng của ban lãnh đạo. Mọi khuynh hướng khác đều bị coi là phản động. Họ viện Marx, viện Lenin, nhưng Lenin cũng như Marx không bao giờ và không ở đâu đã viết hoặc phát biểu những ý kiến như thế. Thời Lenin còn sống, trong đảng Cộng sản Nga, có ít nhất ba khuynh hướng. Mỗi khuynh hướng được quyền tổ chức trong đảng và được quyền đưa ra một lập trường tranh thủ chiếm đa số trong mỗi đại hội của đảng.

Trong một đảng, trong một giai cấp hay trong một nước, khuynh hướng là hiện tượng tự nhiên, do phản ánh của điều kiện đời sống, do tư duy khác biệt mỗi người. Ngăn cản việc lập khuynh hướng, lập đảng, lập các tổ chức chính trị là ngăn cản sự thực hiện dân chủ.

Khẩu hiệu "*tập trung dân chủ*" có hai vế: ***tập trung*** và ***dân chủ***. Dưới các chính thể xta-lin-nít, ***có tập trung nhưng không có dân chủ***. Dân chủ là phải công nhận cho các

khuyh hướng được quyền đối lập, phát biểu, tổ chức, trình bày ý kiến, lập trường... trước dư luận, tranh thủ từ thiểu số trở thành đa số. Quan niệm "độc đảng và đảng độc khối" dẫn đến "đồng thanh" (chứ không có đa số, thiểu số) và tạo ra chế độ độc tài quan liêu, độc tài đảng và độc tài lãnh tụ.

Không phải bây giờ mà đã từ lâu, Đệ tứ tranh đấu cho sự tự do khuyh hướng, tự do lập đảng, tự do lập tổ chức chính trị. Dựa theo kinh nghiệm, Đệ tứ còn ghi vào chương trình của mình một quan niệm chưa được đề cập tới vào thời Lenin, đó là tự do cho những người có khuyh hướng tư sản thành lập các chính đảng tư sản trong một chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai: Chuyên chính vô sản.

Quan niệm này cũng bị xuyên tạc như khẩu hiệu "*tập trung dân chủ*". Trong cuốn "*Nhà nước và cách mạng*" xuất bản mấy tháng trước cuộc cách mạng tháng Mười (năm 1917), Lenin giải thích rất rành mạch về vấn đề này. Mấy từ "*chuyên chính vô sản*" được nhắc tới là để so sánh với "*chuyên chính tư sản*" trong cuộc cách mạng tư sản và trong các chế độ tư sản. Theo ông, "*chuyên chính vô sản*" là sự cần thiết để đập tan bộ máy Nhà nước cũ, thành lập một Nhà nước mới. Cuộc cách mạng tư sản Pháp chẳng hạn, đã làm như thế đối với nhà nước phong kiến. ***Nhưng ngay khi được thành lập, Nhà nước vô sản phải dân chủ hóa để rồi đi vào quá trình "tiêu vong"***. Nghĩa là, nó phải dần dần trao lại những chức năng của mình cho ***xã hội dân sự*** (société civile). So với "*chuyên chính tư sản*" dựa vào thiểu số những người có tiền có của, "*chuyên chính vô sản*" dựa vào đại đa số dân chúng là lao động và nông dân, tự nó, nó có tính chất dân chủ hơn và tiến bộ hơn "*chuyên chính tư sản*". Như Lenin từng khẳng định, "*khi chính quyền càng được đa số đảm nhận, chính quyền đó sẽ mỗi ngày trở nên không cần thiết nữa.*" ("*Lenin toàn tập*", tập 25, trang 454). Nói một cách khác, khi chính quyền được xã hội dân sự đảm nhận, chính quyền đó sẽ mất những hình thức cưỡng chế để rồi không còn cần thiết nữa.

Sửa đổi tư tưởng nói trên của Lenin, Stalin nêu ra quan niệm "*càng đi tới xã hội chủ nghĩa, cuộc tranh đấu giai cấp càng gia tăng*", "*Nhà nước vô sản càng phải được củng cố.*" Tệ hại hơn nữa, thay vì Nhà nước, đảng đứng ra làm chuyên chính, áp đặt trên đầu xã hội dân sự một chính thể độc tài đảng trị, xô đẩy đất nước vào chỗ bế tắc không lối thoát.

Thứ ba: Thực hiện chủ nghĩa xã hội riêng biệt trong một nước.

Quan niệm này do Stalin đề xướng năm 1924, trái ngược hẳn với quan niệm của Lenin và các nhà lãnh đạo cách mạng tháng Mười năm 1917. Nó cũng trái ngược ngay cả với ý kiến mà Stalin từng phát biểu cho tới đó.

Theo quan niệm của Lenin đã trình bày trong nhiều văn kiện, đặc biệt trong các nghị quyết và tuyên ngôn của bốn đại hội đầu tiên của Quốc tế Cộng sản (từ năm 1919 đến năm 1920), cuộc cách mạng tháng Mười ở Nga chỉ là bước mở đầu cho các cuộc cách mạng quốc tế, nhằm mục tiêu lật đổ chế độ tư bản. Nếu không có cuộc cách mạng nổi dậy thắng lợi trong một số các nước tư bản tiên tiến ở châu Âu, cách mạng Nga sẽ bị cô lập giữa thế giới tư bản và sẽ đi vào con đường thoái hóa, "*mục nát dưới chân mình*". Vì lẽ đó, Lenin và đảng Cộng sản bôn-sê-vích Nga mới chủ trương thành lập Quốc tế Cộng sản (Đệ tam Quốc tế), chuẩn bị cho các đảng Cộng sản các nước giành chính quyền.

Thuyết "*thực hiện xã hội chủ nghĩa trong một nước*" đã biến đổi tổ chức Đệ tam Quốc tế thành một công cụ phục vụ cho chính sách ngoại giao của Liên Xô đối với các nước tư bản. Nhiều đảng Cộng sản các nước đặt nhiệm vụ đó vào hàng đầu, trong lúc đáng lẽ phải đấu tranh giành chính quyền hoặc đấu tranh chống tư bản xứ mình. Bởi vậy, nhiều phong trào cách mạng bùng nổ như ở Trung Quốc (1925-1927), ở Tây Ban Nha và Pháp (1936) và cuộc đấu tranh chống phát-xít ở Đức (1932-1933), đều đã thất bại vì thiếu sự lãnh đạo và dẫn thân của các đảng Cộng sản ở những xứ này. Những cuộc thất bại đó đã đưa phong trào cách mạng quốc tế vào chỗ bế tắc và càng bế tắc, càng "*chứng minh*" cho cái thuyết "*thực hiện xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô*" của Stalin.

Từ bỏ chủ nghĩa cách mạng quốc tế, Stalin và Đệ tam Quốc tế chỉ chăm lo bành trướng thế lực và đất đai của Liên Xô. Theo họ, "*Liên Xô trở nên hùng mạnh sẽ gây lực lượng cho sự giải phóng các dân tộc*". Nấp sau cái chiêu bài ấy, Stalin thực ra chỉ nhắm mục đích thực hiện cái mộng xây dựng một quốc gia "*Đại Nga*" (Grande russie) mà Lenin, năm 1924, đã phê phán rất nghiêm khắc trước khi qua đời. (Đây là một trong các nguyên nhân đã gây ra sự đoạn tuyệt chính trị giữa Lenin và Stalin, trước khi Lenin mất).

Chủ nghĩa cộng sản quốc tế trở thành chủ nghĩa "*cộng sản dân tộc*" (communisme national). Sau cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, nhiều đảng Cộng sản cũng học đòi Stalin. Mỗi đảng tìm cách xây dựng riêng lẻ "*chế độ xã hội chủ nghĩa*" ở nước mình. Kết quả, nhiều đảng Cộng sản, vì quyền lợi quốc gia, xâu xé, chém giết lẫn nhau: Trung Quốc chống Liên Xô, Việt Nam chống Trung Quốc, Polpot chống Việt Nam và cuối cùng, tất cả phải cầu cứu đến sự trọng tài của các nước tư bản. Việt Nam chinh chiến gần mười năm ở Campuchia, tiêu hao sức người, sức của và biết bao nhân mạng, để rồi phải rút quân về nước không trống, không kèn và phải yêu cầu ông cựu hoàng Xihanuc trở lại làm quốc trưởng, giải quyết vấn đề cho mình!

Bài học mà những người cộng sản cần rút ra: sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu là sự cáo chung vĩnh viễn của cái thuyết "*thực hiện xã hội chủ nghĩa riêng lẻ trong một nước*"!

Thứ tư: Vấn đề sáng tác văn nghệ.

Văn nghệ là sản phẩm đặc thù của trí tuệ, không thể coi là một phương tiện tuyên truyền chính trị, càng không thể coi là một thứ hàng hóa. Trotsky, trong cuốn "*Văn học và cách mạng*" (Littérature et Révolution) đã lên tiếng chống lại những quan niệm sai trái như "*văn nghệ vô sản*", "*văn nghệ phục vụ chính trị*", "*văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa*"... Ông đòi cho văn nghệ sĩ được tự do hoàn toàn sáng tác theo cảm hứng, cảm nghĩ, quý hồ không chống đối cách mạng trong thời kỳ cách mạng. Tóm lại, "*sáng tác văn nghệ phải trả lại cho văn nghệ sĩ*"!

Dựa vào quan niệm "*văn nghệ hiện thực xã hội*", phái xta-lin-nít buộc văn nghệ sĩ phải sản xuất theo đường lối chính trị của đảng Cộng sản và đúng với ý muốn của ban lãnh đạo. Văn nghệ sĩ chỉ được diễn tả những gì gọi là "*hiện thực*" tốt đẹp của chế độ. Những mặt trái của xã hội không được nói tới. Mọi sự phê bình, đối kháng, đầu chỉ bóng gió, đều bị coi là "*chống chế độ*", "*phản cách mạng*". Chẳng am hiểu gì về văn nghệ, Stalin đề xướng "*văn nghệ vô sản*". Không viết nổi một câu văn, Brezhnev, tổng bí thư đảng Cộng sản Liên Xô, được trao tặng giải thưởng văn học hạng nhất. Chỉ làm thơ và viết văn ở tầm cỡ trung bình, ông Hồ Chí Minh được đề cao như một nhà thơ nhà văn đại tài, xuất chúng, lỗi lạc, mặc dầu chính ông đã thú nhận "*bác không hay thơ và thơ bác cũng không hay*"! Năm 1936, sau khi Hiến pháp mới ra đời khẳng định Liên Xô đã thực hiện xong giai đoạn xã hội chủ nghĩa, thuyết "*văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa*" được tung hô, mặc dầu lao động ở Liên Xô chưa đạt tới trình độ sáng tác văn nghệ và mặc dầu xã hội Liên Xô chưa có một tí gì là "*xã hội chủ nghĩa*". Khi văn nghệ phục vụ chính trị, nó đẻ ra những quái thai như thế!

Trên đây, tôi chỉ nêu ra một vài nguyên lý căn bản và vạch ra một vài khác biệt về thuyết lý giữa Đệ tứ và Đệ tam. Đối với chúng tôi, ***thuyết mác-xít không phải là "Kinh Thánh" bất di, bất dịch***. Nó chỉ là một phương pháp suy luận. Ngoài ra nó cần phải biến chuyển và cần được bổ khuyết đồng nhịp với sự tiến hóa của xã hội. Thời Karl Marx, chưa có nguyên tử, chưa có máy tính điện tử, chưa có những phương tiện thông tin đại chúng nối liền năm châu trong khoảnh khắc như ngày nay. Nhưng sự bổ khuyết phải nhắm theo chiều hướng tiến bộ, tạo dựng những quan niệm, những chế độ dân chủ hơn, tự do hơn, công bằng và nhân đạo hơn... Nói tóm lại, phải đi tới cứu cánh giải phóng con người ra khỏi mọi ràng buộc vật chất và tinh thần, để con người được tự do nảy nở và phát triển.

Sự sửa đổi của Stalin và phái xta-lin-nít, ngược lại đã dẫn đến chế độ chuyên quyền,

độc tài, hạ thấp nhân phẩm con người. Bởi vì nó không nhằm giải phóng con người mà nó chỉ có mục đích bảo vệ quyền lực và quyền lợi chó đăm quan liêu ngự trị trên đầu dân chúng.

Trong cuốn "*Cuộc cách mạng bị phản bội*" viết vào năm 1936, Trotsky trình bày rất chi tiết sự thoái hóa của Liên Xô. (Cuốn sách này chúng tôi vừa dịch xong tiếng Việt và sẽ xuất bản nay mai). Độc giả chỉ cần thay chữ Liên Xô bằng hai chữ Việt Nam trong những trang sách, sẽ thấy hai chế độ Việt Nam và Liên Xô, mặc dầu hai thời điểm khác nhau, nhưng giống nhau như hệt. Cũng một quá trình quan liêu hóa đảng kéo theo sự quan liêu hóa Nhà nước. Cũng một tầng lớp quan liêu có đặc lợi, đặc quyền. Cũng những thói tục thờ phụng cá nhân, thần thánh hóa đảng và lãnh tụ. Cũng những tệ nạn xã hội: tham ô, đầu cơ, hối lộ. Nói dối, xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử. Giả dối, nghĩ một đảng, nói một nẻo. Cũng như thể chế làm tê liệt bộ máy sản xuất, tê liệt sáng kiến. Người tài không được sử dụng, kẻ nịnh bợ được thăng quan tiến chức. Cứ nói là xã hội chủ nghĩa mà năng xuất lao động chưa đạt tới một phần mười các nước tư sản! Cứ nói là nhân đạo, công bình mà xã hội đầy rẫy những bất công áp bức!

Cũng trong cuốn sách nói trên, Trotsky nêu ra ba giả thuyết về sự sụp đổ của chế độ:

1. Tầng lớp quan liêu bị đui ra khỏi chính quyền do một đảng cách mạng có tất cả những phẩm chất của chủ nghĩa Lenin. Đảng này quét sạch các cơ quan Nhà Nước, tẩy trừ bọn quan liêu, phục hồi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các Xô-viết và nghiệp đoàn, phục hồi quyền tự do của các đảng phái Xô-viết. Về phương diện kinh tế, duy trì chế độ công cộng và quốc hữu hóa, nhưng thay đổi cơ quan điều khiển.

2. Chế độ quan liêu bị một đảng tư sản lật đổ, lập lại chế độ tư sản. Ở trường hợp này, đại bộ phận tầng lớp quan liêu sẽ tự nguyện trở thành giai cấp tư sản mới.

3. Ở trường hợp cách mạng và phản cách mạng đều không nắm được chính quyền. Sự biến đổi tương quan xã hội ở Liên Xô vẫn không ngừng. Đại bộ phận quan liêu, để bảo vệ đặc lợi, đặc quyền cho vững chắc hơn, sẽ tranh thủ để trở thành giai cấp tư sản mới.

Trường hợp thứ ba đã xảy ra như lời Trotsky phỏng đoán, đại bộ phận quan liêu ở Liên Xô hiện nay đang chủ trương thiết lập một chế độ tư sản. Họ có làm nổi không? Đây là vấn đề khác!

Đứng trước những chuyên biến nói trên, chúng tôi nhận thấy có những mặt lạc quan và có những phương diện đáng lo ngại. Lạc quan bởi vì chế độ xta-lin-nít và chủ nghĩa xta-lin-nít sụp đổ, mở ra một khoảng tự do cho sự phát triển những tư tưởng tiến bộ và cách mạng. Hồi còn sinh thời, nhà triết học Jean Paul Sartre có nói: "*Chủ nghĩa xta-lin-nít đã làm cho chủ nghĩa mác-xít cứng đờ, không phát triển được trong cả một thời kỳ*". Từ nay, bức tường ngăn cản không cho chủ nghĩa mác-xít biểu lộ thực chất của nó không còn nữa. Sự sụp đổ của các chế độ xta-lin-nít sẽ giúp cho phong trào lao động toàn thế giới rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho cuộc đấu tranh ngày mai của họ. Chỗ đáng lo ngại là cuộc biến chuyên, tuy có sự tham gia của quần chúng, nhưng vai trò lãnh đạo vẫn nằm trong tay những người hôm qua còn nắm giữ những chức vụ quan trọng của chính quyền. Theo dõi những hành động của họ, chúng tôi thấy họ bảo vệ ghế ngồi và quyền lợi quan liêu của họ nhiều hơn là bảo vệ quyền lợi của quần chúng. Bỏ ngoài việc tái lập một chế độ kinh tế tư bản (điều này không phải là dễ), họ có thể tạo dựng một nền dân chủ theo mô hình các xứ phương Tây được không? Nhiều triệu chứng báo hiệu cho ta thấy khả năng tiến tới dân chủ rất ít mà viễn cảnh trở thành một xứ tư bản độc đoán như kiểu các xứ ở Mỹ La Tinh nhiều hơn. Một điều ai cũng thấy rõ, ***đám người hôm qua dựa vào chế độ công hữu để chiếm giữ đặc lợi đặc quyền hôm nay chuyên qua chế độ tư hữu một cách mau lẹ*** với tham vọng không giấu giếm là trở thành những tay triệu phú đô. Mía mai thay, một số trong bọn họ, trước đây lại là những lý thuyết gia có tiếng, đã từng giảng dạy thuyết mác-xít trong các cơ quan tuyên huấn hay trong các trường đại học! Hôm qua lên án sự bóc lột của chế độ tư bản. Hôm nay đề cao nó như một cứu tinh của xã hội. Dư luận không thể

không đặt câu hỏi: "*Lúc nào những người này thành thực với chính mình?*"

Ở Việt Nam, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây ra chuyển cơ "*thắt chặt*" về chính trị của đảng cộng sản Việt Nam. Chiến lược "*nới thả*" của ông Nguyễn Văn Linh bị bỏ rơi giữa đường và khó có khả năng tái diễn. Ban lãnh đạo sợ rằng chính sách "*mở cửa*" theo lối Gorbachev sẽ như anh phù thủy gọi ma tà về rồi không chế ngự nổi. Đường lối hiện nay là "*đóng cửa*" về chính trị và "*mở cửa*" về kinh tế. Người ta coi như có thể phát triển về kinh tế mà không cần có dân chủ. Nhưng người ta quên rằng kinh tế và dân chủ là hai mệnh đề có mối tương quan hỗ trợ. Người ta cũng quên rằng con người không những chỉ sống bằng cơm gạo mà còn sống bằng tự do tinh thần. Nhân dân xứ Tiệp Khắc, trước ngày đưa ông Havel lên chính quyền, cũng được ăn uống tương đối no đủ, không thiếu thốn như các nước khác ở Đông Âu. Thế mà họ đã xuống đường lật đổ chế độ! Ngăn cản tự do dân chủ, đảng cộng sản đang chứa chất nổ xung quanh mình. Sự sụp đổ của chế độ là điều khó tránh khỏi!

Chúng ta ở hải ngoại, có thể đóng góp tích cực vào phong trào đấu tranh trong và ngoài nước, bằng cách cùng nhau tìm ra mục tiêu chung mà mọi người có thể đồng thuận. Mục tiêu ấy, theo ý tôi, là đòi dân chủ đa nguyên, đa đảng, bầu cử và ứng cử thực sự tự do, bầu cử Quốc hội Lập hiến, bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp theo lối toàn dân đầu phiếu. Những yêu sách đó, đa số nhân dân trong nước và Việt kiều ngoài nước có thể chấp nhận, vì nó là những yêu sách tối thiểu. Đối với chúng tôi, nó là "*yêu sách dân chủ*" (revendications démocratiques) có ghi trong "*Chương trình giao thời*" của Đệ tứ Quốc tế. Dĩ nhiên chương trình tối đa và dài hạn của chúng tôi còn có nhiều điểm khác nữa và có thể khác với ý kiến của các anh em quốc gia. Nhưng đó là việc đấu tranh cho tương lai, không phải là vấn đề hiện tại. Trong hiện tại, đất nước đang đau khổ và bế tắc, chúng ta hãy cùng nhau tìm ra những mục tiêu chung, gây sức mạnh, đấu tranh cho một sự thay đổi ít tổn hại nhất. Về tương lai, mỗi tổ chức hay mỗi người chúng ta có thể có những nhận định và chủ đích khác nhau. Nói gì giữa chúng tôi với "*Thông luận*", ngay giữa "*Thông luận*" với các anh em quốc gia cũng có thể nảy sinh những tư tưởng bất đồng, có khi nan giải. Kinh nghiệm Ba Lan hay Tiệp Khắc cho thấy những nhóm chống chính quyền "*cộng sản*", hôm qua cộng tác với nhau lên chính quyền, hôm nay phân ra từng mảnh, đối chọi nhau kịch liệt.

Chúng tôi không giấu giếm, chúng tôi là những người cộng sản chân thành với lý tưởng. Cuộc đấu tranh của chúng tôi trong hơn 50 năm chống quan liêu và chủ nghĩa Stalin, hôm nay đã được thực tế xác nhận. Nhưng đây chỉ là một bộ phận của những họa động của Đệ tứ chúng tôi mà thôi. Phần khác, phần căn bản là cuộc đấu tranh chống chế độ và chủ nghĩa tư bản. Trong lúc mọi người hoan hô sự sụp đổ của các chế độ "*cộng sản*", nhiều người quên mất chế độ tư bản cũng chẳng hay ho gì hơn. Ba phần tư thế giới, gồm các nước chậm tiến, đang sống quằn quại trong đói nghèo, trong lúc các công ty tư bản ngoại quốc không thôi rút rìa những tài nguyên của những xứ này. Ở các nước tư bản tiên tiến, kỹ thuật càng tiến cao, đáng lẽ tạo ra đời sống tốt đẹp cho mọi người, thì lại ném ra via đường hàng triệu người thất nghiệp. Tiền bạc, hàng hóa các nước phương Tây chất đống, giữa lúc nhiều người đói ăn phải ngửa tay xin bát xúp bô thí. Các tệ nạn xã hội nảy ra còn nhiều hơn các xứ "*cộng sản*": ma túy, mại dâm, cướp của, giết người, tống tiền, bắt cóc, cướp trộm v.v... Nước Mỹ là nước giàu có nhất, nhưng cũng là nước chiếm kỷ lục cao nhất về các tệ nạn xã hội này! Một số đông thanh niên nam nữ sống sa ngã, đòi truy, không tương lai, không hy vọng. Nói về dân chủ thì chỉ có hình thức bề ngoài, bề trong trống rỗng. Ở một nước văn minh tiên tiến như nước Mỹ, mỗi lần bầu cử, chỉ có một nửa dân chúng đi bỏ phiếu. Một nửa nằm nhà vì không tin bầu cử. Mà không tin cũng đúng. Cả nước Mỹ chỉ có hai đảng (Cộng hòa và Dân chủ) đều là đảng của tư bản. Họ thay phiên nhau giữ chính quyền và giữ chức Tổng thống. Chẳng ai và chẳng đảng phái nào có thể chen vào đó được. Hai đảng này, đảng này mất tín nhiệm thì đảng kia đứng ra thay thế, tuy chương trình không khác nhau mấy. Nhưng họ tạo cho nhân dân Mỹ cái cảm tưởng có quyền "*tự do lựa chọn*". Một ông

tổng thống được đắc cử với một phần tư số phiếu của cử tri. Ông Kennedy, một ông tổng thống khác có tiếng là thông minh, là dân chủ, còn đem tiền nhờ bọn mafia mua các lá phiếu của cử tri để được trúng cử. Một chế độ như thế, một chế độ mà đồng đô-la ngự trị trên mọi giá trị, làm sao có thể gọi là một chế độ dân chủ kiểu mẫu?

Tư bản chưa "*rẫy chết*", nhưng không thể coi chế độ tư bản là lành mạnh. Một tờ báo Pháp mà không ai có thể nghi là thiên vị, tờ "*Le Monde Diplomatique*" (số tháng Novembre 91) đã phải đi đến kết luận: "Chế độ tư bản cũng như chế độ cộng sản" đều tỏ ra bất lực giải quyết vấn đề cơm áo và tự do cho nhân loại.

Nếu phải chọn cho Việt Nam một mô hình, cả hai mô hình đều không thích hợp. Người Việt Nam phải chọn cho mình mô hình thứ ba, chưa đâu có, rút từ những bài học của hiện tại. Nhiều người coi kinh tế thị trường là chìa khóa giải quyết mọi khó khăn, nhưng quên rằng nhiều nước lớn (ở Nam Mỹ chẳng hạn) có chế độ thị trường mà vẫn làm ăn lụn bại. Nước Việt Nam còn chậm tiến, một bộ phận của nền kinh tế tất nhiên phải là kinh tế thị trường. Nhưng nếu để kinh tế thị trường tràn ngập hết thảy các ngành công nghiệp cơ bản, lọt ngoài sự kiểm tra của nhà nước, vốn tư bản ngoại quốc tràn vào, Việt Nam sẽ mất độc lập. Chưa nói tới những hệ quả tất yếu của một nền kinh tế thị trường: tăng gia thất nghiệp, tăng gia chênh lệch xã hội, giảm lực mua của dân chúng v.v... Tóm lại, tất cả cái giá mà các nước chậm tiến hiện nay đang phải trả, một khi nền kinh tế hoàn toàn bị tư bản quốc tế chi phối!

Sự sụp đổ của các nước Đông Âu và Liên Xô không do bản chất của nền kinh tế kế hoạch Nhà nước, cũng không do sự công hữu hóa các phương tiện sản xuất như nhiều người nói. Nếu như thế, làm sao từ một nước lạc hậu thời Nga hoàng, Liên Xô đã trở nên một đại cường quốc, đứng hàng thứ hai trên thế giới. Trong những năm đầu sau cuộc cách mạng tháng Mười, chính nhờ có sự thay đổi quan hệ sản xuất, nền kinh tế của Liên Xô đã phát triển vượt bậc, với tỷ lệ cao hơn và nhanh hơn các nước tư bản Anh, Pháp, Mỹ¹. Vào những năm 60, sự phát triển vẫn còn tiếp tục, mặc dầu chậm hơn trước. Chỉ từ 1970, nền kinh tế Liên Xô mới bị cứng đờng. Nạn quan liêu đã tiến tới mức tác hại quyết định.

Sự sụp đổ, thực ra, là do nạn quan liêu đã ngự trị trên Nhà nước, chiếm đoạt hết thảy mọi quyền hành trong mọi ngành hoạt động, loại bỏ xã hội dân sự ra ngoài chức vụ kiểm tra và tham gia đời sống xã hội, kinh tế và chính trị. Do nạn quan liêu, xã hội trở nên tê liệt, không phát triển được. Sáng kiến, tài năng bị ngăn hãm. Thậm chí, nhân phẩm con người cũng bị chà đạp!

Đáng nhẽ phải đem ra giải pháp cắt bỏ chính quyền của đảng cấp quan liêu (nomenclatura), lập lại nền dân chủ xã hội Xô-viết thật sự, người ta lại đi tìm "*thu phạm*" ở cách mạng tháng Mười! Đáng nhẽ phải tẩy trừ hết thảy các nhân viên của ban lãnh đạo cũ, thay vào bằng lớp người mới, người ta lại thấy hiện ra sân khấu những con người cũ mà không ai có thể cam đoan họ đấu tranh cho một lý tưởng, vì sự chuyển đổi quá nhanh chóng trong các thái độ của họ.

Sự sụp đổ của chế độ Liên Xô và các xứ Đông Âu không phải là sự phá sản của chủ nghĩa mác-xít mà là sự cáo chung của chủ nghĩa xta-lin-nít. Hai chủ nghĩa này nhắm mục tiêu khác nhau. Một đảng đấu tranh cho sự giải phóng con người, một đảng buộc con người phải khuất phục quyền lực của một bọn quan liêu mà địa vị và quyền lợi không thể dung hòa với địa vị và quyền lợi của quần chúng. Mặc dầu những lời tuyên truyền dối trá, sự thực đã hiển nhiên: dưới các chính thể xta-lin-nít, con người không đáng kể, bộ máy để chế ngự con người là chính.

Ròng rã hơn nửa thế kỷ, bộ máy tuyên truyền khổng lồ của đảng cộng sản Liên

¹- Coi cuốn "*Cuộc cách mạng bị phản bội*" (La Révolution Trahie) của Leon Trotsky, Nhà xuất bản Les Editions De Minuit, Paris.

Xô và các đảng Cộng sản xta-lin-nít trên thế giới đã tổ chức một cuộc lừa đảo khổng lồ chưa từng có trong lịch sử. Họ đã che mắt hết thầy mọi người, kể cả những người minh mẫn và thực tâm nhất. từ 1924 đến 1956, trong vòng mấy chục năm, họ đã giấu giếm tờ "*di chúc chính trị*"¹ của Lenin, trong đó Lenin tuyên bố đoạn tuyệt với Stalin và đề nghị thay thế Stalin ở chức vụ tổng bí thư. Bằng những sự che đậy, giấu giếm, cắt xén, thêm bớt, giả mạo lịch sử, Stalin và đảng cấp quan liêu ở Liên Xô đã trình bày cho dư luận hiểu lầm họ là những người kế nghiệp Marx - Lenin. Cho nên khi chúng tôi thấy anh em quốc gia như "*Thông luận*" chẳng hạn, lên án chủ nghĩa "*cộng sản*", chúng tôi coi như lên án chủ nghĩa xta-lin-nít. Vì những điều bình luận, chỉ trích (như các vấn đề độc tài, độc đảng hay dân chủ v.v...) chĩa vào chủ nghĩa xta-lin-nít chứ không có dính dấp gì tới chủ nghĩa mác-xít. Khi chúng tôi thấy người ta lật đổ tượng Marx hay Lenin, sau khi đã lật đổ tượng Stalin, chúng tôi coi đó là lẽ dĩ nhiên, do một sự lẫn lộn của lịch sử. Thực tế rồi đây sẽ phân biệt trắng đen và sẽ đặt lại chân lý. Một điều chắc chắn mà mọi người có thể đồng ý vào lúc này: Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít đã bị cáo chung một cách vĩnh viễn.

Thưa các anh, các chị²,

Trước khi chấm dứt, tôi xin phép nói thêm vài lời về tổ chức Đệ tứ Quốc tế, nhận xét trên bình diện quốc tế.

Ra đời từ năm 1938 ở Pháp, Đệ tứ Quốc tế tiếp nối truyền thống phong trào lao động quốc tế. Trước đó, đã có Đệ nhất, Đệ nhị và Đệ tam Quốc tế. Mỗi Quốc tế có nhiệm vụ và vai trò, ở mỗi thời điểm lịch sử và đã để lại những dấu ấn trong phong trào lao động thế giới.

Đệ nhất Quốc tế thành lập ở Luân Đôn năm 1864, vào lúc chủ nghĩa tư bản còn phôi thai và phong trào lao động vừa mới chớm nở. Nhưng lúc ấy, những nhà tư tưởng như Karl Marx hiểu rằng chế độ tư bản sẽ bành trướng và lan rộng toàn thế giới. Để đương đầu với nó, phong trào lao động cần phải tổ chức và kết hợp lực lượng trên phạm vi thế giới. Sau thất bại của Công xã Paris (1871), Đệ nhất Quốc tế tự động giải tán (1876) vì bất lực đem ra một giải pháp đấu tranh hữu hiệu.

Sau đó Đệ nhị Quốc tế được thành lập năm 1889 ở Paris, đứng ra thay thế, gồm các đảng Xã hội Dân chủ. Quốc tế này đã có công xây dựng các chính đảng của lao động, có công phổ biến học thuyết mác-xít và có công bênh vực quyền lợi của lao động. Nhưng nó đã trở nên cái lương và tự nguyện giữ vai trò quản lý cho chế độ tư bản. Nó đã tỏ ra bất lực ngăn cản sự bùng nổ của cuộc chiến tranh đế quốc 1914-18, mặc dầu đã tự đặt cho mình cái sứ mệnh đó. Vì vậy, nó đã mất hết ảnh hưởng. Hiện nay, Đệ nhị Quốc tế vẫn còn, nhưng hữu danh vô thực, bao gồm một số các đảng Xã hội và Xã hội Dân chủ ở các nước châu Âu. Hàng năm, một số lãnh tụ hội họp đôi ba lần, trao đổi ý kiến, nhưng không lấy quyết nghị hành động. Đảng Xã hội Pháp của tổng thống Mitterrand là một trong những thành viên của Đệ nhị Quốc tế.

Đứng trước sự bất lực và suy thoái của Đệ nhị Quốc tế, năm 1919, hai năm sau thành công của cuộc cách mạng tháng Mười ở Nga, Lenin và đảng Cộng sản bôn-sê-vich Nga triệu tập đại hội ở Moscow, tuyên bố thành lập Đệ tam Quốc tế, gồm

¹- Tờ di chúc này, phong trào Đệ tứ Quốc tế đã nói tới từ lâu, nhưng mãi tới Đại hội XX (1956) của đảng Cộng sản Liên Xô, nó mới được Khrushchev đem ra công bố.

²- Vì thì giờ hạn hẹp, đoạn này không được đọc trong cuộc hội luận.

các đảng Cộng sản (gọi là các phân bộ) ở các nước. Sau khi Lenin mất (1924), Đệ tam Quốc tế, dưới quyền lãnh đạo của Stalin, trở nên suy đồi, biến thành công cụ phụng sự cho chính sách ngoại giao của Stalin và Liên Xô. Năm 1943, nhận thấy tổ chức này không còn lợi ích gì cho mình nữa và dưới áp lực của các nước tư bản, Stalin đã ra lệnh giải tán.

Nói theo tinh thần và truyền thống quốc tế nói trên, Đệ tứ chủ trương tập hợp lực lượng phong trào lao động các nước bằng sự thành lập phân bộ ở mỗi nước. Hiện nay Đệ tứ có 30 phân bộ, phần đông ở các nước tư bản tiên tiến như Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bỉ v.v... Ở các nước Mỹ La Tinh, Đệ tứ có nhiều phân bộ có lực lượng gây khó dễ cho các chính phủ tư bản ở những xứ này. Ngoài các phân bộ, còn có hơn mười tổ chức cảm tình, chưa gia nhập, nhưng có những hoạt động chung trên nhiều lĩnh vực.

Lập trường chính trị của Đệ tứ dựa trên tinh thần căn bản của bốn đại hội đầu tiên của Quốc tế Cộng sản (Đệ tam Quốc tế), thời Quốc tế này còn cách mạng. Thêm vào đó, còn có chương trình hoạt động, gọi là "*Chương trình giao thời*" đề ra các nhiệm vụ và khẩu hiệu giao thời cho các chiến sĩ hoạt động. Thí dụ về vấn đề Việt Nam, khẩu hiệu của chúng tôi lúc này là đấu tranh đòi "*dân chủ đa nguyên, đa đảng*", ***chủ yếu là đòi cho nhân dân Việt Nam được tự do phát biểu, ứng cử, bầu cử tự do chọn lựa chế độ tương lai của mình.***

Khác với tổ chức Đệ tam, các phân bộ Đệ tứ ở mỗi nước không bao giờ tự coi mình nắm giữ độc quyền chân lý. Không bao giờ tự coi tổ chức của mình là tổ chức độc nhất cách mạng. Các phân bộ Đệ tứ sẵn sàng kết hợp bình đẳng với các khuynh hướng khác, với các tổ chức khác, quý hồ nhắm mục tiêu chung là đấu tranh chống tư bản chủ nghĩa và bênh vực quyền lợi những người bị áp bức, bị bóc lột. Chiến lược kết hợp này đã và đang thực hiện ở nước Brasil, là một trong những nước lớn nhất ở Mỹ La Tinh (hơn 120 triệu dân, diện tích sáu lần to hơn nước Pháp). Ở đây đã được thành lập một chính đảng lấy tên là đảng Lao động Brasil (Parti Brésilien des Travaillieurs), gọi tắt là đảng P.T., do sự kết hợp của nhiều nhóm, nhiều đảng, nhiều khuynh hướng: trốt-kít (cả hai nhóm trốt-kít), Xã hội Dân chủ, cựu Đệ tam, cựu mao-ít v.v.. Hiện nay đảng P.T. có một nghị sĩ trong Thượng nghị viện, 35 nghị sĩ trong Hạ nghị viện và nắm giữ 25 Hội đồng Thành phố, trong đó có thành phố Sao Paulo là thành phố lớn nhất với hơn sáu triệu dân). Đảng P.T. có liên hệ chặt chẽ với Tổng công hội C.U.T. là nghiệp đoàn lớn nhất Brasil. Trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua (1989), đảng Lao động Brasil chiếm tới 47% số phiếu¹, nghĩa là chỉ còn thiếu hơn 3% sẽ được trúng cử.

Nhiều người thường coi Đệ tứ như một phong trào không hợp thời vì nó không lan rộng và không có tầm vóc như Đệ tam trước đây. Nói như thế là quên những điều kiện khách quan trong vòng mấy chục năm gần đây. Tiếp theo cuộc chiến tranh 1939-45 là cuộc "*chiến tranh lạnh*" chia thế giới làm hai khối: khối tư bản do Mỹ đứng đầu và khối Liên Xô tiêu biểu cho lao động thế giới. Những tổ chức hay trào lưu độc lập với hai khối này khó lòng mà tìm được một "*kẽ hở*" để bành trướng. Gia dĩ, phong trào lao động quốc tế lại bị đảng Cộng sản Liên Xô và các đảng Cộng sản xta-lin-nít chế ngự, phân vụn (atomisé), khiến lao động mất phương hướng và không thể tạo cho mình một đường lối đấu tranh độc lập. Thử nhìn tình hình lao động ở Nga hiện nay thì đủ rõ sự tác hại của chủ nghĩa xta-lin-nít trong hơn 50 năm

¹- Cui "*Le Monde*" ngày 4-12-1991 và "*Libération*" ngày 4-12-1991.

đã tới mức độ nào? Mặc dù những điều kiện khó khăn ấy, Đệ tứ vẫn giữ vững được lập trường và giữ vững được tổ chức. So với các khuynh hướng và các trào lưu khác, Đệ tứ là tổ chức độc nhất đã vượt qua nhiều thử thách mà không bị tiêu tán. Các tổ chức xuất hiện ở nước này hay nước khác đều tiếp nhau đi vào con đường đào thải. Chỉ trên phương diện này cũng đủ chứng tỏ lý thuyết của Trotsky là một lý thuyết có căn bản vững chắc. Hiện nay sách của ông dịch ra khắp thứ tiếng: Anh, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Trung Hoa, Nhật, Nam Tư, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hy Lạp v.v... Ở Pháp và ở Nhật đã thiết lập Viện Nghiên cứu Trotsky (Institut Trotsky)¹. Ở nước Nga, sách của Trotsky đã bắt đầu được ấn hành bởi một số sử gia đứng đắn, chú tâm tìm tòi sự thật. Trong các trường đại học, nhiều sinh viên Nga đòi hỏi được giải thích về chủ nghĩa trốt-kít và Trotsky mà họ coi là người đầu tiên đã vạch ra sự tai hại của Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít². Một điều đáng chú ý: năm 1989, Gorbachev và Bộ Chính trị đảng Cộng sản Nga đã phục hồi danh dự cho đại đa số các lãnh tụ của cách mạng tháng Mười, sau trở thành nạn nhân của Stalin. Tuy nhiên, Trotsky, nạn nhân chính của tệ bạo hành xta-lin-nít lại không được rửa tiếng, mặc dầu Séva Volkov, người cháu của ông, đã nhiều lần lên tiếng đòi hỏi. Vì sao? **Vì Trotsky không những chống Stalin mà còn chống cả tầng lớp quan liêu mà Stalin chỉ là người đại diện.** Tầng lớp quan liêu này, mặc dầu đã phân tán và loại bỏ lẫn nhau, nhưng vẫn còn đang nắm giữ chính quyền ở Liên Xô. Trước cũng như sau, họ coi Trotsky và những người trốt-kít là kẻ thù bất cộng đái thiên của họ. Sự im lặng của họ đối với Trotsky là một thái độ đầy ý nghĩa.

Ở Việt Nam, đảng Cộng sản chẳng những không phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông mà còn tìm cách xóa bỏ mọi vết tích dính líu xa gần tới những người trốt-kít. Cách đây chưa lâu, đảng ra lệnh xóa tên đường phố Tạ Thu Thâu ở gần chợ Bến Thành, đường phố Phan Văn Hùm ở Ngã Sáu và đường phố Trần Văn Thạch ở Phú Nhuận. Làm như thế, đảng tưởng rằng sẽ không còn ai biết tới tên tuổi những người trốt-kít nữa. Nhưng ở Pháp, vào dịp kỷ niệm 200 năm cuộc cách mạng Pháp, trong một cuộc triển lãm long trọng ở "Vòm trời hữu nghị" (Arche De La Fraternité) tại khu La Défense (Paris), "Ủy ban nước Pháp của kiều dân, nước Pháp của tự do" (France Des Immigrés, France des Libertés) đã trình bày ảnh và tiểu sử của Tạ Thu Thâu trên một bức tường lớn, bên cạnh ảnh và tiểu sử của Hồ Chí Minh. Hai nhân vật này được các sử gia Pháp của ban tổ chức cuộc triển lãm coi là những nhân vật đã đấu tranh cho nền độc lập của Việt Nam. Quan điểm đó hoàn toàn khác với quan điểm của đảng Cộng sản Việt Nam!

Xóa bỏ tên tuổi những người trốt-kít, đồng thời đảng lại tìm cách duy trì và bảo vệ tên tuổi Stalin! Nhà báo Thành Tín cho biết vào tháng 7-1989, một chỉ thị của Ban Tư tưởng và Văn hóa Trung ương đã được gửi đi cho tất cả những người phụ trách báo chí, đài phát thanh, truyền hình v.v..., cấm không ai được nói tới Stalin³. Đảng biết rằng, trong hoàn cảnh hiện nay, với tất cả sự phát giác về Stalin, nói tới Stalin là phải nói tới bản báo cáo "mật" của Khrushchev về những tội ác của Stalin (mà đảng vẫn giấu kín), phải nói tới những đường lối và chính sách của Stalin (mà đảng vẫn chưa gột rửa được hết), phải nói tới trách nhiệm của Stalin và

¹- Viện Nghiên cứu Trotsky ở Pháp xuất bản "Trotsky toàn tập", đã phát hành tới tập 43.

²- Coi báo "Libération" ngày 20-11-1991 (mục "URSS, Université").

³- Chỉ thị này cấm không được nói đến Stalin và không được nói tới đa đảng. (Coi "Hoa xuyên tụyết" của Thành Tín, trang 45-46, Nhà xuất bản Nhân Quyền năm 1991).

chủ nghĩa xta-lin-nít trong sự sụp đổ của chế độ Liên Xô và các xứ Đông Âu (mà đảng vẫn cứ muốn gán cho "*bàn tay và mưu mô của đế quốc*"!)

Đúng là hiện nay ở Việt Nam không ai dám nói tới Stalin! Nhưng các sách và tư liệu của đảng vẫn trưng bày đầy rẫy những lời ca ngợi và vẫn nhắc nhở những công ơn Stalin! Mở cuốn "*Hồ Chí Minh toàn tập*", tập 6, người ta thấy ngay những câu như sau của ông Hồ Chí Minh, viết nhân dịp đám tang của Stalin năm 1953:

... "*Được tin đồng chí Xtalin, vị lãnh tụ vĩ đại, người thầy yêu mến, người bạn thân thiết của chúng ta, của nhân dân lao động toàn thế giới, qua đời, toàn đảng và toàn dân Việt Nam vô cùng đau thương.*"

... "*Đối với nhân dân lao động toàn thế giới, đối với nhân dân Việt Nam, công đức của đồng chí Xtalin vô cùng to lớn. Đồng chí Xtalin mất là một sự thiệt thòi không bờ bến cho toàn thể loài người.*"¹

Cách đây hơn 50 năm, năm 1937, nói về Stalin, Leon Trotsky viết:

"...*Dưới sức nặng những tội ác của y, Stalin sẽ biến đi trên sân khấu chính trị như một người đã đào mồ chôn vùi cách mạng và có một bộ mặt ghê tởm nhất của lịch sử...*"

Ba năm sau khi viết những hàng chữ nói trên, năm 1940, Trotsky đã bị một tên thủ hạ của Stalin ám sát tại Mexico!

Theo ý tôi, những gì thuộc về sự kiện xác thực của lịch sử, không ai có quyền xóa bỏ, che dấu hay sửa chữa! Những câu văn nói trên cần được lưu giữ và công bố để cho thế hệ ngày nay và ngày mai suy ngẫm và để cho lịch sử phán quyết. Vấn đề tôi vừa nói ở trên, lịch sử đã phán quyết!

¹- Coi "*Hồ Chí Minh toàn tập*", tập 6, trang 384-385.

AI ĐÃ ÁM SÁT TẠ THU THÊU VÀ NHỮNG NGƯỜI TRỐT-KÍT VIỆT NAM?

(Hoàng Khoa Khôi)

Tên tuổi Tạ Thu Thâu đã gắn liền với cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp trong suốt các thập niên 30 và 40. Tham gia đảng Việt Nam Độc lập của Nguyễn Thế Truyền tại Pháp vào năm 1927, năm 1929, ông gia nhập *Tả đối lập* của Trotsky. Sau cuộc biểu tình trước Điện Elysée phản đối cuộc đàn áp khởi nghĩa Yên Bái, Tạ Thu Thâu bị trục xuất về nước năm 1930. Tại đây, ông tổ chức phong trào "Tả đối lập" trốt-kít và bắt đầu cuộc sống giữa các hoạt động cách mạng bằng mọi phương tiện (làm tờ "La Lutte", ứng cử Hội đồng Thành phố Sài Gòn, Hội đồng Thuộc địa...). Và những lần vào tù ra khám: từ 1932 đến 1940, ông bị bắt sáu lần và bị kết án năm lần, tổng cộng 13 năm tù và 10 năm biệt xứ. Từ Côn Đảo trở về, ông dự định thành lập đảng Xã hội Thợ thuyền vào năm 1944. Sau khi Nhật đầu hàng, trên đường từ Bắc về, Tạ Thu Thâu bị sát hại vào tháng 9-1945 tại Mỹ Khê thuộc tỉnh Quảng Ngãi, trên một cách đồng dương liễu trên bờ biển khi ông 39 tuổi.

*

Vào tháng 5-1978, nhà ngôn ngữ học Mỹ nổi tiếng thế giới Noam Chomsky viết thư cho sử gia Pháp Daniel Hémery, hỏi về vụ ám sát Tạ Thu Thâu và những người cầm đầu nhóm trốt-kít ở Việt Nam. Nguyên do lúc đó ở Mỹ nổi lên ý kiến chống đảng Cộng sản Việt Nam vì vụ ám sát này. Báo chí lợi dụng vấn đề để bài xích chế độ cộng sản. Ông Noam Chomsky là người đã phản đấu chống chiến tranh Mỹ ở Việt Nam, ông muốn hiểu rõ nguyên nhân sự thật để đối đáp với phe đối lập.

Thư ông Chomsky được ông Hémery trả lời ngày 5-5, sau đó, đăng trong tạp chí "*Cộng sản Phê bình*" (Critique Communiste) số 18 và 19, xuất bản tại Paris. Trong thư, ông Hémery nói mặc dầu đã điều tra công phu, ông vẫn chưa biết sự thật một cách đầy đủ. Tuy nhiên ông có thể chắc chắn một điều: "*Việt Minh đã hạ sát những người trốt-kít ở miền Nam Việt Nam.*" Nhưng ai là kẻ đứng đầu, ai là người ra lệnh? Ông chưa có bằng chứng. Theo ông, muốn hiểu rõ hết sự thực, cần phải nghiên cứu kho tài liệu của thực dân Pháp hiện đang lưu trữ tại tỉnh Aix en Provence ở miền Nam nước Pháp. Nhưng chưa ai được phép mở ra kho tài liệu này. Trong điều kiện hiện nay, ông chỉ có thể đưa ra ba giả thuyết:

1. Giả thuyết thứ nhất, cũng là giả thuyết của sử gia Philippe Devillers trong cuốn "Lịch sử Việt Nam", người chủ trì cuộc ám sát là Nguyễn Bình vì lúc ấy Nguyễn Bình là người chỉ huy quân đội ở miền Nam.

2. Giả thuyết thứ hai, có một số người đưa ra là, Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai, vì hai ông này là lãnh tụ công khai của đảng Cộng sản Việt Nam ở Sài Gòn và là những người khét tiếng là xta-lin-nít hạng nhất.

3. Giả thuyết thứ ba là chính ông Hồ Chí Minh đã ra lệnh. Về giả thuyết này, ông Hémery không tin, vì "*nó đi ngược lại với đường lối chính trị của Hồ Chí Minh hồi đó.*" Theo ông Hémery, "*ông Hồ Chí Minh không có lợi gì mà triệt tiêu những người trốt-kít, trừ phi muốn tăng thêm số kẻ thù, một điều vô lý về chính trị, trong lúc quân đội Trung Hoa và Pháp đang kéo tới. Công nhận những người quốc gia của Việt Nam Quốc dân đảng vào trong chính phủ miền Bắc và ám sát những người trốt-kít ở miền Nam là hai hành động trái ngược.*" Nhưng ông Hémery nói "*đây cũng chỉ là một giả thuyết mà thôi*", cần

được nghiên cứu thêm.

Còn một giả thuyết khác nữa là "*những người trót-kít bị hi sinh cho sự cứu vãn cái hi vọng mong manh hòa giải với Pháp.*" Giả thuyết này, ông Hémery coi như không có lập sở vững chắc.

Tóm lại, theo ông Hémery, người ra lệnh Tạ Thu Thâu và đồng bạn, không phải là ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam, càng không phải là Hồ Chí Minh. Theo ông, "*có lẽ là những cán bộ khu vực hay cục bộ.*" Nhiều "*người bạn Việt Nam*" cũng nói với ông rằng "*việc hành quyết những người trót-kít không do cấp lãnh đạo hỏi đó chủ tâm muốn như thế!*" Tuy nhiên, ông khẳng định: "*Về phương diện chính trị, đảng Cộng sản Việt Nam phải chịu trách nhiệm. Rộng hơn, tất cả những người cộng sản như trường hợp tôi trước đây¹ phải chịu trách nhiệm.*" Vì các vụ ấy "*là sự tiếp nối của các vụ án Moscow những năm 1936-1938.*"

Tiếp theo, ông Hémery nói "*mặc dầu những bạo hành, những sai lầm, những khủng bố, cuộc cách mạng Việt Nam không thể chỉ được coi là một cuộc tàn sát.*" Những sử gia, nhà báo xứng đáng với danh nghĩa của mình "*không thể chỉ căn cứ vào đó mà đánh giá lịch sử.*" Cũng như thể "*rút ngắn lại*" cuộc cách mạng Anh hay Pháp trong khuôn khổ những cuộc khủng bố "*Đầu tròn*" (Têtes Rondes) hay "*Tháng Chín*" (Septembre). Ông kết luận: "*Dẫu sao không thể xóa nhòa những vết thương đau khổ của những nạn nhân bị giết hại, cuộc đời của họ bị kết liễu bất công.*" Họ không những "*đã bị thủ tiêu về thể xác mà hương hồn họ còn bị vu khống, thóa mạ trong các sách báo lưu hành ở Hà Nội.*" Hầu như "*họ đã bị giết hai lần!*"

Rất nghiêm khắc đối với những chính sách khủng bố những người cách mạng, ông Hémery nói: "*Các vụ ám sát đất đã phải trả bằng giá rất đắt*", bởi vì nó đã "*tạo thêm khí giới*" cho sự tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy "*phải điều tra ai là kẻ trách nhiệm*". Theo ông: "*Những hành động ấy đi ngược với quyền lợi của cuộc cách mạng Việt Nam*" (À mon avis, ces acts allaient à l'encontre des intérêts de la révolution Vietnamienne).

Cuối thư, tác giả nhắc lại lời tường thuật của "*một người bạn Việt Nam*" nói rằng, năm trước đây, nhân dịp kỷ niệm tù nhân ở Côn Đảo, ông Lê Duẩn đã đọc diễn văn "*kính chào các chiến sĩ cộng sản, quốc gia và trót-kít, đã bỏ mình hoặc đã bị giam cầm ở nơi này.*" Hémery nói thêm: "*Tuần vừa qua, tờ báo "Le Monde" ra ngày 26-4-1978, dưới ngòi bút của Patrica De Beer, đăng tin đảng Cộng sản Việt Nam đã gửi quà tặng vợ một chiến sĩ trót-kít bị thực dân Pháp giết hại.*"

Đọc bức thư nói trên của ông Hémery, độc giả ai cũng phải công nhận sự thực tâm và thận trọng của ông trong việc đi tìm sự thật. Là một sử gia chuyên môn về vấn đề Việt Nam, ông đã viết rất nhiều sách báo về Việt Nam và đã chọn "*Phong trào trót-kít và Tạ Thu Thâu*" làm đề tài cho luận án tiến sĩ trình bày trước trường đại học Pháp. Với ngòi bút sắc sảo và chân thực, ông đã được các sử gia Pháp và các nước tôn trọng và trích dẫn. Việc nhà ngôn ngữ học nổi tiếng Noam Chomsky tìm hỏi ý kiến, chứng tỏ sự tin cậy của các sử gia và học giả thế giới đối với ông.

Nghiên cứu về các vụ ám sát trót-kít ở Việt Nam, ông Hémery đã gặp trở lực trước nhất là sự che giấu của đảng Cộng sản Việt Nam. Vì thiếu bằng chứng cụ thể, ông chỉ có thể nêu ra các "*giả thuyết*" và chọn "*giả thuyết*" nào đúng lý hơn. Chính vì chỗ đó, giả thuyết mà ông chọn đã thiếu căn bản vững chắc.

Từ ngày ông Hémery viết thư cho ông Chomsky tới nay, có nhiều sự kiện mới, một phần do sự tìm tòi của những người trót-kít còn sống sót, một phần do những sử liệu của đảng Cộng sản xuất bản gần đây, những ý kiến phỏng đoán của ông Hémery cần được bổ khuyết, đặc biệt về vấn đề ai đã chủ mưu và về thái độ của ông Hồ Chí Minh đối với những người trót-kít thời đó. Chúng tôi tin chắc, nếu ngày nay cần viết lại, ông Hémery sẽ viết

¹ Ông Hémery trước đây là đảng viên đảng Cộng sản Pháp.

một cách khác.

Giả thuyết thứ nhất, coi Nguyễn Bình là người chủ mưu, theo sự sưu tầm và nhận xét của chúng tôi, giả thuyết này không đúng. Thứ nhất, Nguyễn Bình (theo lời nói của sử gia Devillers) là cựu đảng viên của Quốc dân đảng. Giữa trót-kít và Quốc dân đảng xưa nay không có thâm thù gì đến nỗi Nguyễn Bình phải cho người đi lùng bắt và hạ thủ trót-kít, trong lúc cần tổ chức chống quân đội Pháp. Nếu ông ta làm việc ấy là do lệnh trên đưa xuống. Thứ hai, trong hệ thống tổ chức của đảng Cộng sản Việt Nam, người chỉ huy quân đội không phải là người chỉ huy chính trị. Mà ám sát tại Tạ Thu Thâu và những người trót-kít là một hành động chính trị. Đọc cuốn "*Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam*", trong đoạn nói về thời kỳ 1945 ở miền Nam, người ta không thấy tên tuổi Nguyễn Bình đâu cả. Người ta chỉ thấy tên những lãnh tụ xta-lin-nít như Hoàng Quốc Việt (trang 470), Lê Duẩn và Tôn Đức Thắng (trang 472) là những người đảng giao phó cho trách nhiệm điều khiển miền Nam. Thứ ba, vụ ám sát Phan Văn Hùng, Trần Văn Thạch, v.v... xảy ra tại Dĩ An, Thủ Đức ở miền Nam, còn vụ thủ tiêu Tạ Thu Thâu lại ở Quảng Ngãi, không trực thuộc khu vực của Nguyễn Bình.

Giả thuyết thứ hai: Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai là người thủ xướng. Giả thuyết này có lý ở chỗ hai ông Giàu và Mai được dư luận coi là xta-lin-nít hạng nhất, trung thành với Stalin hạng nhất. Nhưng theo sự sưu tầm của chúng tôi, hai ông này lúc đó chỉ là những "*lãnh tụ công khai*", họ không phải là lãnh tụ lãnh đạo thực sự ở miền Nam. Trong cuốn "*Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam*", tên tuổi của hai ông không thấy được ghi chép. Trong cuộc họp Xứ ủy Nam Bộ ở Cây Mai (Chợ Lớn) ngày 23-9-1945, cũng như cuộc họp Xứ ủy mở rộng ở Thiên Hộ (Mỹ Tho) ngày 25-10 để quyết định về việc đối phó với cuộc tiến công đánh chiếm của quân đội Pháp, người có trách nhiệm miền Nam không phải hai ông Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai mà là các ông Hoàng Quốc Việt, Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng.

Mùa hè năm 1989, nhân dịp qua Pháp, ông Trần Văn Giàu cũng chứng thực những điều nói trên. Khi hỏi về việc ai đã giết Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, ông Giàu quả quyết không phải ông vì lúc đó người trách nhiệm là ông Hoàng Quốc Việt được đảng cử ra thay ông (nguyên do ông bị kiềm thảo vì đã thực hiện một đường lối khác với đường lối của đảng). Ông Giàu gián tiếp nói những gì xảy ra trong giai đoạn này thuộc về trách nhiệm ông Hoàng Quốc Việt. Ông còn quả quyết nói thêm giữa ông và Tạ Thu Thâu có mối tình bằng hữu, không thể nào ông nhẫn tâm làm được việc ấy. Ông thuật lại chuyện ông đã được Tạ Thu Thâu nuôi ăn, nuôi ở trong nhà và được Tạ Thu Thâu vay tiền bà chị cấp cho ông xuất ngoại, trách việc lùng bắt của Sở Mật thám Pháp (những lời nói này của ông Giàu đã được ghi âm). Ở một buổi họp khác, ông "cao hứng" hứa hẹn khi ông trở về nước sẽ "*rửa tiếng*" cho Tạ Thu Thâu, nêu đảng Cộng sản Việt Nam không chịu "*rửa riêng*"! (Từ ấy đến nay đã hơn ba năm, ông Trần Văn Giàu vẫn im tiếng!)

Khi hỏi về các vụ ám sát các lãnh tụ trót-kít khác ở miền Nam như Phan Văn Hùng, Trần Văn Thạch, Huỳnh Văn Phuong, v.v... ông Trần Văn Giàu lại rất lúng túng, không quả quyết như câu trả lời về vụ ám sát Tạ Thu Thâu. Thái độ lúng túng ấy khiến cử tọa có cảm tưởng ông có dính líu đến những vụ này, hoặc ít ra ông cũng biết ai là thủ phạm.

Dù sao, cần phải xác định một điều: ông Trần Văn Giàu cũng chỉ là người thừa hành lệnh trên mà thôi. Không phải là điều tình cờ, vụ ám sát Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, miền Trung, xảy ra cùng một lúc với những cuộc ám sát những người trót-kít khác ở miền Nam. Điều này chứng tỏ tất cả các vụ ám sát đó đã theo một kế hoạch định sẵn và từ cấp trên đưa xuống.

Giả thuyết thứ ba mà ông Hémery đưa ra là vai trò và trách nhiệm của ông Hồ Chí Minh. Cứ theo lý luận thông thường, "*ông Hồ Chí Minh không có lợi gì mà triệt tiêu những người trót-kít*" vì lẽ lúc đó đảng Cộng sản Việt Nam thi hành chính sách "*thêm bạn bớt thù*", "*đoàn kết, đại đoàn kết*." Nhưng đây chỉ là mặt "*phải*" của vấn đề (chữ "*phải*" hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng). Mặt trái là sự liên hệ của ông Hồ Chí Minh với Đệ tam

Quốc tế, với Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít, trải qua một chuỗi dài lịch sử. Về điểm này, chúng tôi thấy công trình nghiên cứu của sử gia Hémery còn có nhiều chỗ trống.

Đúng như ông Hémery nói, ông Hồ Chí Minh "*căn bản và trước nhất là người yêu nước*" (cũng như các ông Mao Trạch Đông và Tito) vì nếu các ông này trung thành tuyệt đối 100% với Stalin thì không bao giờ các ông lên được chính quyền ở Việt Nam, Trung Quốc và Nam Tư. Nhưng từ đó mà đi đến kết luận họ không theo Stalin trong mọi vấn đề hệ trọng, là một thái độ thiếu lập sở vững chắc. Chỉ cần nói một điểm điển hình nhất là sự "*sùng bái cá nhân*": trong suốt cả một thời kỳ, sự sùng bái Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông, Tito không thua kém gì sự thờ phụng Stalin. Nếu Stalin được gọi là "*cha già các dân tộc*", Mao, Hồ, Tito cũng được gọi là "*cha già của dân tộc*". Ở bậc thấp hơn như Maurice Thorez, tổng thư ký đảng Cộng sản Pháp, được gọi là "*con của nhân dân*." Ngoài vấn đề thờ phụng cá nhân, còn cả một quan niệm về lý thuyết và chính trị, cả một quan niệm về phương pháp tổ chức và hoạt động.

Trên tất cả những lãnh vực cơ bản đó, Việt Nam, Trung Quốc, kể cả Nam Tư, đã rập khuôn theo mẫu Liên Xô, mặc dầu, trong giai đoạn này hay giai đoạn khác, có những khía cạnh khác biệt, nhưng căn bản là chính sách quan liêu, mệnh lệnh, nói dối, vu oan, chà đạp dân chủ, khinh thị quân chúng, tiêu diệt người đối lập.

Một trong những đặc tính của họ là chủ thuyết "*kết quả biện minh cho phương tiện*" (la fin justifie les moyens). Bất kể phương tiện gì, dù độc ác, xấu xa tới đâu, đều có thể sử dụng, quý hồ loại bỏ được đối phương trước mắt. Vụ giết hại 26 ngàn quân nhân và dân chúng Ba Lan ở rừng Katyn là bằng chứng điển hình¹.

Nói về sự trung thành đối với Stalin, ông Hồ Chí Minh là người trung thành nhất, so với Mao và Tito². Đời sống chính trị của ông gắn liền với Đệ tam Quốc tế, đặc biệt trong giai đoạn tổ chức này đã bị Stalin hoàn toàn khống chế. Nếu những lãnh tụ cộng sản như Togliatti (Ý), Thorez (Pháp) buổi đầu còn do dự với Stalin, ông Hồ Chí Minh không bao giờ có thái độ như thế. Từ lúc đặt chân đầu tiên lên Liên Xô (1924) tới khi Stalin chết (1953), xuyên qua những vụ án Moscow đẫm máu, ông được chứng kiến những cuộc đảo lộn, tẩy trừ mà 90% những cựu đồng chí của Lenin thuộc ban lãnh đạo Liên Xô bị giết hại, Hồ Chí Minh không hề đặt một câu hỏi, nói một câu hay viết một chữ tỏ ý bất đồng. Là đại diện của đảng mình trước Quốc tế Cộng sản, ông còn giữ chức vụ ủy viên Ban Chấp hành Đệ tam Quốc tế. Ông đã áp dụng trung thành đường lối của Stalin, trừ một giai đoạn rất ngắn, năm 1930, ông đưa ra lập trường dân tộc³, không phù hợp với lập trường "*giai cấp chống giai cấp*" của chuyển cơ chính trị mới của Quốc tế Cộng sản lúc đó. Nhưng sau khi bị "*kiểm thảo*", ông dẹp ngay chính kiến, trở lại đứng trong hàng ngũ và được Quốc tế Cộng sản giao cho những chức vụ quan trọng. Năm 1953, vào dịp Stalin mất, ông đã viết những câu xuất phát từ đáy lòng: "*Đối với nhân dân lao động thế giới, đối với nhân dân Việt Nam, công đức của đồng chí Stalin vô cùng to lớn. Đồng chí Stalin mất là một sự thiệt thòi không bờ bến cho toàn thể loài người*"⁴.

Năm 1956, Đại hội XX của đảng Cộng sản Liên Xô nêu ra các tội ác của Stalin, ông vẫn còn dai dẳng, bảo vệ Stalin bằng cách nói: "*Đồng chí Stalin có sai lầm, nhưng cũng có nhiều công trạng*." Cộng tội đem ra cân nhắc, công nhiều hơn tội!

Liên hệ giữa Hồ Chí Minh và Stalin là mối liên hệ hài hòa, không mâu thuẫn vì đồng tâm hợp ý. Đặc biệt là vấn đề đối xử với Trotsky và những người trót-kít. Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số tư liệu do tự tay ông Hồ Chí Minh viết về những người trót-kít.

¹- Ngày 14-10-1992, chính phủ Nga của ông Yeltsin công bố nghị quyết của Stalin hạ lệnh bắn không xét xử 26 ngàn quân nhân và thường dân Ba Lan bị bắt giam. (Coi báo "*Le Monde*" ngày 16-10-1992).

²- Mao và Tito đã có những thời kỳ chống đối Stalin.

³- Nhiều người mãi đi tìm sự khác biệt chính kiến giữa Hồ Chí Minh và Stalin, quên rằng lập trường dân tộc này sau đó đã được Stalin áp dụng ở Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát-xít Đức (1941-1944). Sau đó các đảng Cộng sản các nước, kể cả đảng Cộng sản Việt Nam, đã theo gương áp dụng vào xứ mình.

⁴- Coi "*Hồ Chí Minh toàn tập*" (tập 4, trang 384-385).

Tư liệu thứ nhất là tờ trình của Hồ Chí Minh năm 1939 gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, có đoạn:

*"Đối với bọn trót-kít, không thể có một thỏa hiệp nào, một nhân nhượng nào cả. Phải tìm mọi cách lột mặt nạ chúng như bọn tay sai của phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị"*¹.

Đã gọi trót-kít là tay sai của phát-xít thì làm sao có thể cộng tác được với những người trót-kít, trong cuộc chiến tranh chống phát-xít? Đó là điều mà sử gia Hémerly chưa lưu ý đúng mức.

Tài liệu thứ hai là ba bức thư² của ông Hồ Chí Minh, năm 1939, từ Trung Quốc gửi về Việt Nam. Ông viết:

*"Trước kia, chủ nghĩa Tờ-rốt-xki đối với tôi cũng như đối với nhiều người khác, hình như là một vấn đề tranh cãi trong nội bộ giữa các phe phái khác nhau (...) Nhưng ít lâu trước khi xảy ra chiến tranh (...) những sự cố động đầy tội lỗi của bọn tờ-rốt-xkit đã làm cho chúng tôi sáng mắt ra (...) Bọn tờ-rốt-xkit Trung-quốc (cũng như bọn tờ-rốt-xkit nước ngoài) (...) Chúng chỉ là những bè lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát-xít Nhật (và của chủ nghĩa phát-xít quốc tế)"*³.

Sự "sáng mắt ra" của Hồ Chí Minh, thực ra không do "sự cố động đầy tội lỗi" của những người trót-kít mà nó bắt nguồn từ một bài báo của Stalin đăng trong tờ "Pravda" (Sự thật) về những người trót-kít. Xin trích dẫn một đoạn bắt hủ như sau:

*"Chủ nghĩa trót-kít dùng phương pháp đấu tranh hèn hạ nhất, như bắn nhất, khôn nạn nhất. Chương trình của nó là tái thiết tư bản chủ nghĩa. Nấp sau bóng tối, đàn chó trót-kít tụ tập những kẻ đầu trâu mặt ngựa, những đứa không còn phẩm giá con người, những tên sẵn sàng gây mọi tội ác. Hiện nay bọn trót-kít đang bắt đầu chuẩn bị một loạt tội ác ghê tởm nhất trong lịch sử loài người (...). Bọn chúng đã bán rẻ tổ quốc từng mảnh và toàn bộ cho kẻ thù phá hoại. Chúng làm gián điệp cùng với bọn tay sai gián điệp phát-xít, chúng gây ra những vụ phá hoại, những khủng bố cá nhân chống phá cách mạng, chuẩn bị một sự phản bội khôn lường trong trường hợp xảy ra chiến tranh. Đó là phương pháp hành động của bọn chó săn trót-kít"*⁴.

Bài báo nói trên viết năm 1937 giữa lúc Stalin đang tổ chức các vụ ám sát, sau này gọi là "những vụ án Moscow". Đó là tiếng còi báo hiệu một cuộc tàn sát chưa từng có trong lịch sử. (Từ 1936 đến 1938, hàng vạn, hàng triệu chiến sĩ cộng sản, trót-kít và không trót-kít, đã bị xử tù, xử bắn, hoặc bị đày đi Gulag). Noi gương Stalin, ông Hồ Chí Minh cũng viết:

*"Bọn tờ-rốt-xkit không chỉ là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, mà còn là kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ. Đó là bọn phản bội và mật thám tội tệ nhất (...) Chắc các bạn đã đọc bản án xử bọn tờ-rốt-xkit ở Liên-xô. Nếu các bạn chưa đọc thì tôi khuyên các bạn nên đọc và làm cho bạn bè mình cũng đọc nó. Đọc bản án này rất bổ ích. Nó sẽ giúp các bạn thấy rõ bộ mặt thật đáng ghê tởm của chủ nghĩa Tờ-rốt-xki và bọn tờ-rốt-xkit"*⁵

Đem so sánh ba bức thư của Hồ Chí Minh viết năm 1939 với bài báo của Stalin viết năm 1937, người ta thấy nó giống nhau như hệt. Giống về nội dung, giống cả về từ ngữ. Stalin dùng chữ "đàn chó", "như bắn" để chỉ danh những người trót-kít, Hồ Chí Minh cũng dùng nguyên văn những danh từ đó. Stalin nói "ghê tởm", Hồ Chí Minh cũng nói "ghê tởm". Stalin viết "những kẻ đầu trâu mặt ngựa", Hồ Chí Minh cũng viết "một lũ bất lương." Những từ ngữ thóa mạ đó đã có chủ đích gán cho những người trót-kít cái tội "gián điệp", "mật thám", "tay sai cho phát-xít".

¹- Cui cuốn "Hồ Chí Minh viết tiếng Pháp", Nhà xuất bản Ngoại văn, Hà Nội (tập 2, trang 22, 1962).

²- Ba bức thư này viết tiếng Pháp, ký tên là Line, đăng trong tờ báo "Notre voix" (Tiếng nói của chúng ta), số tháng 6 và tháng 7-1939.

³- Cui "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 3, trang 97.

⁴- Báo "Pravda" ngày 14-2-1937.

⁵- "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 3, trang 99.

Sau Đại hội XX của đảng Cộng sản Liên Xô, ai ai cũng biết những vụ án Moscow (mà ông Hồ Chí Minh vỗ tay tán thành) chỉ là những vụ án bịa đặt, dựng nên với chủ đích diệt trừ trót-kít và những người đối lập. Kẻ bị buộc tội không phải là kẻ có tội. Kẻ có tội lại chính là Stalin, người đã chủ mưu cho ám sát Kirov, bạn của mình, rồi mượn cơ tẩy trừ nội bộ. Gia dĩ, theo lời của Khrushchev, đa số người bị buộc tội không phải là trót-kít mà là những đảng viên trung thành với đảng.

Những vụ án Moscow là như thế. Thái độ của ông Hồ Chí Minh đã bày tỏ trong ba bức thư là thế. Đảng Cộng sản Liên Xô và hầu hết các đảng Cộng sản trên thế giới, kể cả đảng Cộng sản Pháp, đều đã lên tiếng phê phán Stalin và tuyên bố phục hồi danh dự cho các nạn nhân. Riêng đảng Cộng sản Việt Nam vẫn bình chân như vại, không hề hối tiếc. Họ vẫn cho lưu hành ba bức thư của Hồ Chí Minh và các tài liệu vụ không Trotsky và những người trót-kít.

Đọc ba bức thư nói trên của ông Hồ Chí Minh, nhiều độc giả như chúng tôi có lúc phải sùng sốt, tự đặt câu hỏi một người được tiếng là thông minh, thẩm nhuần đạo lý Khổng - Mạnh, làm sao lại hạ mình viết những câu, những chữ như thế! Để bạn đọc hiểu kỹ hơn, chúng tôi xin trích thêm một vài đoạn nữa đáng ghi nhớ:

"Bọn tở-rót-xkít Nhật dụ dỗ thanh niên vào trong đồng minh rồi tiếp đó chúng đi tố cáo họ với sở cảnh sát."

"Sở mật thám Nhật thì cam kết sẽ trả cho nhóm tở-rót-xkít mỗi tháng 300 đô-la, cùng những khoản tiền trả thêm cho cân xứng với những "công việc đã làm được có kết quả". Thế là Trần-Độc-Tú và đồng bọn bắt tay ngay vào công việc."

"Bọn tở-rót-xkít ở Thượng-hải được lĩnh mỗi tháng 100.000 đô-la để làm việc tại miền Trung và miền Nam đất nước. Bọn ở Thiên-tân và Bắc-kinh mỗi tháng lĩnh 50.000 đô-la để làm việc tại Hoa Bắc, nhằm chống lại Bát lộ quân và những tổ chức yêu nước khác (...) Chúng xin vào Hồng quân với tư cách là những phần tử cách mạng và để gây tin nhiệm, lúc đầu chúng làm việc rất tích cực. Một khi được đề bạt lên những cương vị ít nhiều có trọng trách, chúng bắt đầu làm những công việc tội lỗi. Xin nêu vài ví dụ: Trong chiến đấu, khi cần phải rút lui thì chúng tiến và khi cần tiến thì chúng rút lui. Chúng gửi quân nhu súng đạn đến những nơi không cần, nhưng những chỗ đang cần thì chúng lại không gửi tới. Chúng bôi thuốc độc vào những vết thương của chiến sĩ - nhất là cán bộ quân đội - cốt làm cho tay chân họ bị cưa cụt đi, v.v... Những hành động tội lỗi đó đã được phát hiện khá sớm, thật may cho những người cộng sản!"

Như các vụ án Moscow đã chứng tỏ, những lời buộc tội nói trên đều lấy trong kho tàng bịa đặt của sở tình báo N.V.K.D. ở Liên Xô. Nó hoàn toàn vô lý. Nhưng càng vô lý chừng nào, tác động của nó càng tai hại chừng ấy.

Ở Việt Nam, khi cách mạng tháng Tám 1945 nổ ra, hành động đầu tiên của đảng Cộng sản là đi lùng bắt và thủ tiêu những người trót-kít. Và để chứng thực những cuộc thanh trừng, đảng viện các chứng cứ bịa đặt. Trong cuốn "*Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam*", người ta thấy đây rầy những loại "*chứng cứ*" bịa đặt đó:

"Ở miền Bắc, dựa vào thế Tướng, bọn Việt Quốc Việt Cách, tập hợp với bọn trót-kít và địa chủ tư sản" chống phá cách mạng, "tổ chức bắt cóc, tống tiền" (trang 434). Ở miền Nam, "khi quân Pháp được quân Anh, Nhật yểm trợ, bắt đầu nổ súng ở Sài Gòn (...) tất cả bọn phản cách mạng, bọn Đại Việt, bọn trót-kít, bọn phản động trong đạo giáo đều nhẩy ra làm tay sai cho Pháp" (trang 435).

Không úp mở, cuốn "*Cách mạng tháng Tám*"¹ của đảng còn nói toạc ra rằng đã mở cuộc khủng bố và bắt bớ những người trót-kít vì những người này đã đưa ra lập trường khác với đảng:

"Sau khi Việt Minh cướp chính quyền bọn trót-kít đã cho ra tờ báo lấy tên là "Độc lập", mục đích nhằm phá hoại chính sách của ta. Chúng đòi tịch thu hết thầy ruộng đất,

¹ - "*Cách mạng tháng Tám*", 2 tập (Nhà xuất bản Hà Nội 1960).

điền địa chia cho nông dân. Ta ra lệnh tịch thu từ "Độc lập", lật mặt nạ bọn phá hoại trước dân chúng. Đồng thời ta tổng giám bọn lãnh tụ của chúng đang lẩn trốn tại Dĩ An, Thủ Đức như Phan Văn Hùng, Nguyễn Văn Sô, Phan Văn Chánh, Trần Văn Thạch, v.v..."¹ (Tác giả những dòng này quên không nói, sau khi bị bắt, những người đó đã bị xử quyết).

Khi đảng nói "trốt-kít cộng tác với địa chủ và tư sản", khi thì nói "chúng đòi tịch thu hết thảy ruộng đất, điền địa chia cho nông dân." Hai hành động hoàn toàn trái ngược nhau. Nhưng trong việc viện cớ để diệt trừ đối lập, đảng chẳng cần bận tâm về những "chi tiết" đó.

Sự thực, trong cuộc cách mạng tháng Tám, những người trốt-kít chỉ có cái "tội": chống quân đội Pháp triệt để, đòi hoàn toàn độc lập, đòi chia ruộng đất cho nông dân², trong lúc đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương chính sách hòa giải với Pháp, công nhận đứng trong Liên hiệp Pháp, chống lại yêu sách đòi tịch thu điền địa chia cho dân cày.

Lịch sử đã xác nhận, ở mỗi giai đoạn bùng nổ phong trào quần chúng, các đảng xta-lin-nít ở mỗi nước tìm mọi phương kế diệt trừ đối lập và như thế bắt kể với phương tiện nào, miễn sao nắm được "độc quyền lãnh đạo" quần chúng³.

Họ không thể chấp nhận và tha thứ bất kể tổ chức nào có lập trường độc lập đứng bên cạnh, nhất là khi tổ chức đó lại đứng về phía tả của họ. Những gì đã xảy ra ở cuộc cách mạng tháng Tám ở Việt Nam năm 1945, cũng đã xảy ra trong cuộc cách mạng Tây Ban Nha năm 1936! Lịch sử đã chỉ diễn lại!

Trong ba bức thư của mình, đề cập cách mạng Tây Ban Nha, ông Hồ Chí Minh viết:

"Ở Tây-ban-nha, chúng gọi là "Đảng công nhân thống nhất mác-xít" hoặc "POUM". Chắc các bạn cũng biết rằng chính bọn chúng đã tổ chức tất cả những tổ do thám ở Ma-đơ-rit, ở Bác-xơ-lon và ở các nơi khác để phục vụ cho Phờ-răng-cô. Chính chúng đã tổ chức cái "đội quân thứ 5" nổi tiếng để giúp làm nội ứng cho các quân đội phát-xít Ý - Đức"⁴.

Mỗi câu là một chửi rủa thực tế! Bỏ ngoài việc gọi đảng P.O.U.M.⁵ là đảng trốt-kít, không đúng sự thực, coi đảng này là tổ chức "do thám phục vụ cho Franco" là một sự xuyên tạc ngoài mọi giới hạn. Cho tới nay, sách báo Tây phương viết rất nhiều về cuộc cách mạng Tây Ban Nha. Không một sử gia nào dám bịa đặt những điều quái gở như thế. Trái lại, mọi người đều công nhận đảng P.O.U.M. là đảng đã chịu đựng sự khủng bố hai mặt: Một mặt là sự khủng bố của Franco, một mặt là sự khủng bố của phái cộng sản xta-lin-nít xuyên qua cơ quan tình báo N.K.V.D. (tiền thân của K.G.B.) ở Liên Xô, hoành hành trên lãnh thổ Tây Ban Nha. Lãnh tụ của đảng POUM, Andrés Nin, bị bộ hạ của N.K.V.D. bắt cóc, rồi thủ tiêu không tang tích. Nhiều cán bộ khác của đảng P.O.U.M. cũng bị chung một số phận.

Lịch sử không dung thứ những xuyên tạc, che giấu, trá mạo. Sự thực chóng chày sẽ được phơi ra ánh sáng. Vụ ám sát Trotsky đã từng bị che giấu trong hơn ba mươi năm! Phái xta-lin-nít đã trình bày nó như một cuộc loại trừ lẫn nhau trong hàng ngũ những người trốt-kít. Mercader người đã ám sát Trotsky bằng một nhát búa bổ trên đầu, được trình bày như một "đảng viên trốt-kít" bị thất vọng bởi đường lối chính trị của Trotsky. Ngày nay, sự thực đã được phơi bày: Stalin là người đã chủ trương, tổ chức và điều khiển vụ ám sát này!

Sử gia của đảng Cộng sản Pháp, Jean Paul Scott, cho ta biết:

"Ngay từ tháng 10-1938, những nhân viên của Đệ tam Quốc tế dùng áp lực buộc đảng Cộng sản Mexico tổ chức ám sát Trotsky. Tổng bí thư⁶ đảng Cộng sản Mexico và nhiều

¹- "Cách mạng tháng Tám", tập 2, trang 319.

²- Khi cách mạng bùng nổ, đảng Cộng sản Việt Nam cấm ngặt việc tịch thu ruộng đất. Sau này đảng "tự phê bình".

³- Nhiều người không chú ý: "độc quyền lãnh đạo" không khởi đầu từ 1975 mà từ 1945.

⁴- Coi "Hồ Chí Minh toàn tập", tập 3, trang 98.

⁵- Đảng P.O.U.M. là một đảng trung tả phái, giống đảng P.S.U. của ông Rocard trước đây ở Pháp, có lập trường khác với Trotsky.

⁶- Ông này tên là Valentin Campa, có viết hồi ký tường thuật rất tỉ mỉ về vụ này.

lãnh tụ khác không đồng ý nên đã bị truất chức để vụ ám sát lần thứ nhất được tổ chức, nhưng không thành. Lần thứ hai mới có kết quả, do Ramon Mercader trà trộn vào đám những người thân cận Trotsky (...) do lệnh trên đưa xuống [lệnh của Stalin]. Trotsky bị hạ sát ngày 20-8-1940"¹.

Ở Việt Nam, ai đã hạ sát Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông? Sau khi điều tra, chúng tôi biết được ba thủ phạm. Họ đều là đảng viên đảng Cộng sản. Người thứ nhất là Kiều Đắc Thắng, trách nhiệm, nghiệp đoàn. Người là thứ hai tên Nguyễn Văn Trấn, đã từng đi học tập ở Moscow. Người thứ ba tên Nguyễn Văn Tây, cựu bộ trưởng chính phủ Trần Văn Giàu. Theo sự nhận xét của chúng tôi và dựa trên vụ ám sát Trotsky, người cầm dao hay nỏ súng chỉ là người thừa hành, không phải thủ phạm chính. Thủ phạm chính phải tìm trong đám người lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam. Kể cả Hồ Chí Minh. Thủ phạm chính là tác động của ba bức thư của Hồ Chí Minh và bài báo của Stalin đăng ở tờ "Pravda" về trót-kít. Thủ phạm chính là kẻ đã mài dao, lắp đạn cho dao thủ phủ.

Có người nói ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam đứng trong tổ chức Đệ tam Quốc tế, dầu muốn hay không, phải qui theo luật của tổ chức này. Nói như thế là quên cái nhân cách con người, chưa nói nhân cách con người cộng sản. Kỷ luật cũng có giới hạn. Nếu như tôn trọng kỷ luật mà trở thành đồng lõa với chính sách vu không, trá ma, diệt chủng, giết hại hàng triệu sinh linh vô tội như các vụ án Moscow, kỷ luật đó là thứ kỷ luật phản động, cần phải bài trừ.

Có người nhắc lại năm 1946, trong cuộc hội kiến với nhà văn Pháp Daniel Guérin ở Paris, ông Hồ Chí Minh tuyên bố: "*Tạ Thu Thâu là người yêu nước tâm cỡ lớn. Tôi khóc cái chết của ông ấy*"². Công nhận Tạ Thu Thâu là người yêu nước, ông Hồ Chí Minh không thể nhẫn tâm ra lệnh sát hại những người yêu nước! Đối với chúng tôi, lời tuyên bố nói trên của Hồ Chí Minh chỉ có giá trị ngoại giao đầu lưỡi! Khi trở về Việt Nam, ông sẽ nghĩ khác, nói khác, hành động khác. Bằng chứng: ông vẫn cho lưu hành ba bức thư viết năm 1939, làm cơ sở lý luận cho các cán bộ đảng viên tiếp tục viết bài trừ trót-kít. Những Thế Tập, Hà Huy Giáp, v.v... và nhiều lãnh tụ khác nữa, vẫn thu nhau viết những bài thóa mạ trót-kít, dựa trên tinh thần ba bức thư của Hồ Chí Minh năm 1939. Năm 1987, hơn 30 năm sau Đại hội XX phát hiện tội ác của Stalin, ông Hà Huy Giáp, một đồng chí thân cận của Hồ Chí Minh, một lãnh tụ cao cấp của đảng, vẫn còn lải nhải, lặp lại cái luận điệu "*bọn trót-kít giờ cao ngọn cờ thân Nhật*" và vẫn lải nhải tố cáo "*bọn trót-kít đã hoạt động cùng với Phòng Nhì [2ème Bureau]*" của sở mật thám Pháp, "*làm quân sư cho tổ chức Hòa Hảo*"³. Nhưng bọn trót-kít đó là ai, tên gì? Hà Huy Giáp quên không nói! Ông ta vẫn theo đường lối cũ, buộc tội đối phương nhưng không dẫn chứng, không nêu tên tuổi, cố ý đánh tráo hành động một vài cá nhân nào đó với đường lối của một tổ chức chính trị.

Trong cuốn "*Cách mạng tháng Tám*", người ta vẫn tiếp tục nêu ra "*sự kiện*" Tạ Thu Thâu, năm 1945, đã đem đặt "*người đồng chí*" của mình là bác sĩ Hồ Tá Khanh vào chính phủ Trần Trọng Kim để rồi sau đó "*thế chân Trần Trọng Kim, thực hiện chính sách thân Nhật*"⁴.

Bác sĩ Hồ Tá Khanh, hiện đang sống ở một vùng gần Paris, trong một cuộc phỏng vấn, tuyên bố với chúng tôi rằng: "*Chính Trần Văn Giàu*", đồng chí của Hồ Chí Minh, đã khuyên ông vào chính phủ Trần Trọng Kim, chứ "*không phải Tạ Thu Thâu*"! Bởi một lẽ giản dị: lúc đó ông không gặp mặt Tạ Thu Thâu. Trong cuộc phỏng vấn, bác sĩ Hồ Tá Khanh còn nói thêm rằng ông chỉ là một người quốc gia, bạn của Tạ Thu Thâu, chứ không phải là đảng viên của đảng trót-kít. (Chúng tôi được bác sĩ Khanh cho phép ghi âm và ghi

¹- Cui cuốn "*Trotsky Textes*" (Văn bản Trotsky) của Jean Paul Scott do Nhà xuất bản Editions Sociales của đảng Cộng sản Pháp xuất bản.

²- "*Ce fut un grand patriote, nous le pleurons!*" (cui cuốn "*Au Service Des Colonisés*" của Daniel Guérin, Nhà xuất bản Editions de Minuit, Paris).

³- Cui cuốn đặc san "*Những ngày cách mạng tháng Tám*" xuất bản ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 1986, trang 6.

⁴- Cui "*Cách mạng tháng Tám*", tập 2, trang 221 (Nhà xuất bản Hà Nội, 1960).

hình cuộc phỏng vấn này).

Các lãnh tụ Đệ tam được đào tạo ở trường học xta-lin-nít bao giờ cũng có nhiều giọng nói. Một giọng nói giữa lãnh tụ với nhau. Một giọng nói dành riêng cho đảng viên, cán bộ. Một giọng nói đối với quần chúng. Một giọng nói khác, đối với "*những người bạn Việt Nam*". Nhiều người còn nhớ cũng năm 1946 ấy, cũng ở tại Paris, tiếp chuyện phóng viên nhà báo Thụy Sĩ của tờ "*Tribune de Genève*", được hỏi về chủ nghĩa cộng sản, ông Hồ Chí Minh đã tuyên bố:

"*Các bạn hữu của Việt Nam đừng lo ngại chủ nghĩa cộng sản sẽ đặt được chân ở xứ tôi*"¹.

Nói một cách khác, ông cam đoan sẽ không du nhập chủ nghĩa mác-xít vào Việt Nam. Thế nhưng cũng năm đó, 1946, cuốn "*Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam*" sau này kể lại: mặc dầu tự giải thể, đảng đã vào bí mật, giữ nguyên vẹn tổ chức và tăng gia "*thu nạp và đào tạo*" chiến sĩ.

Có người đưa ra giả thuyết, ông Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam đã làm về Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít. Làm chính trị có ai tránh được sai lầm? Nếu như thế, tại sao ông Hồ Chí Minh (khi còn sống) và đảng Cộng sản (hiện nay) không thẳng thắn tự phê bình công khai, rút bài học của quá khứ, tìm ra đường lối mới, thích hợp với lòng mong đợi của nhân dân? Làm như thế, không những bảo vệ được thanh danh của Hồ Chí Minh mà còn cứu vãn được tổ chức. Nhưng cho tới nay, đảng vẫn ù lì, lẩn tránh trách nhiệm, giấu giếm sự thực. Thậm chí còn ngăn cấm báo chí, dư luận, không ai được dă động đến Stalin, người đã chôn vùi cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa cộng sản.

Dầu bị bung bít tới đâu, vụ ám sát Tạ Thu Thâu và đồng bạn, cũng như những vụ ám sát khác đối với những người quốc gia vô tội, sẽ chóng chày được nêu ra ánh sáng, vì nó là vết nhơ của lịch sử Việt Nam, cần phải rửa sạch.

Năm 1989, tờ "*Chroniques Vietnamiennes*" (Việt Nam thời đàm), cơ quan ngôn luận của nhóm trót-kít Việt Nam tại Pháp, mở chiến dịch đòi phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu và các đồng chí của ông. Chỉ trong vòng hơn một tháng, tờ kêu gọi có hơn một trăm chữ ký, gồm các nhân sĩ Pháp, Việt và phần đông là những người đã từng ủng hộ cuộc tranh đấu giành độc lập của Việt Nam. Phía quốc tế và Pháp có các ông Noam Chomsky, giáo sư đại học Mỹ, Jean Ziegler, giáo sư đại học Thụy Sĩ, Laurent Schwartz, giáo sư đại học Pháp, bà Madeleine Rébérioux, chủ tịch Hội Nhân quyền Pháp, v.v... Phía Việt Nam có sử gia Lê Thành Khôi, giáo sư đại học Trịnh Văn Thảo, giáo sư đại học nghiên cứu Viện C.N.R.S. Nguyễn Đức Nhuận, v.v...² Các nhân sĩ ký tên không phải là trót-kít, nhưng là những người tôn trọng sự thực và lẽ phải, muốn cho lịch sử Việt Nam được trong sáng để bước lên con đường tiến bộ.

Lời kêu gọi đó, ban lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam vẫn ngoảnh mặt làm ngơ. Họ không hiểu họ sẽ không thể cưỡng lại bước tiến của lịch sử. Sớm muộn, nhân dân Việt Nam sẽ nhìn ra sự thực, buộc họ phải công nhận trách nhiệm mà họ đang lẩn tránh. Vì một dân tộc muốn tiến lên, phải biết nhìn lại quá khứ của mình, gột bỏ các vết nhơ tiêu cực. Một dân tộc không có quá khứ trong sáng là một dân tộc không có tương lai!

Ngày nào mà ban lãnh đạo Việt Nam còn khước từ phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu và những người trót-kít, và khước từ việc phục hồi danh dự cho các chiến sĩ quốc gia bị vu cáo và giết hại, ngày nào họ còn giấu giếm trách nhiệm và lỗi lầm của đảng và của Hồ Chí Minh, che đậy vai trò phản động của Stalin và chủ nghĩa xta-lin-nít, ngày ấy nhân dân Việt Nam không thể tin được chính sách "*đổi mới*" hiện nay của họ. Nó chỉ là những tiếng trống rỗng, hữu danh vô thực, vì có "*đổi*" mà không "*mới*".

(Paris, Octobre 1992).

¹- "*No, amis n'ont pas besoin de craindre que le marxisme s'implante prochainement chez nous*". Coi cuốn "*Le President Ho*" do Phái đoàn Việt Nam ở Paris xuất bản và phát hành tháng 5-1947.

²- Tờ kêu gọi này đăng trên tờ "*Le Monde*" ở Pháp ngày 26-5-1989.

Tái bút: Đài truyền hình TV3 của Tây Ban Nha, sau khi khảo cứu kho tài liệu lưu trữ của sở mật thám K.G.B. vừa được mở ra ở Moscow, cho biết vụ ám sát Andrés Nin, lãnh tụ của đảng P.O.U.M., là do một nhân viên của sở mật thám N.K.V.D. (tiền thân của K.G.B.) tên là Alexandrov Orlov và một đồng phạm mang biệt hiệu "*Jusik*", cùng hai đảng viên cộng sản Tây Ban Nha thi hành.

Trong bức thư đề tháng 5-1937, Orlov tường thuật lại sở N.K.V.D. nhận được chỉ lệnh của Stalin, mở chiến dịch nêu ra bằng chứng (ông Hồ Chí Minh đã nói trong bức thư của ông) Andrés Nin là mật thám của Franco.

Sau, Andrés Nin bị bắt ở Barcelona, bị tra tấn rồi bị hành quyết. Coi "*Le Monde*" số ra ngày 12-11-1992.

Sinh hoạt của kiều dân VIỆT NAM tại PHÁP trong những năm 1940-1950
(Đặng Văn Long)

Vì đâu?*

(Nguyễn Khắc Viện)

Ai có dịp nhìn qua lịch sử thế giới 40 năm nay, có cái cảm tưởng đứng trước một cuốn tờ đã rơi sẵn lại phải một lũ trẻ con cầm chơi, kéo dằng này, lôi dằng nọ, nay khó mà gỡ ra được. Cuốn tờ rơi ấy là những mối quyền lợi, thù hằn, những lý thuyết, chủ nghĩa... của các dân tộc, quốc gia, giai cấp, đảng phái, công ti, hội xã... lũ trẻ con dụng ý hay vô tâm giằng kéo, là những nhà chính trị, kinh tế, ngoại giao, kỹ nghệ, báo chí... Ví họ với trẻ con, *vì trừ ra một vài người đủ nghị lực để theo một chương trình tự xếp sẵn*, phần đông chỉ bị những lợi quyền, dư luận, nóng lòng lôi kéo nay làm này, mai làm nọ, như một tụi trẻ con, không có ý từ gì nhất định cả. Trong giai đoạn lịch sử rối rắm ấy ta có thể điếm ra một vài thời sự quan yếu.

Trong cuộc ganh đua mở mang kỹ nghệ, buôn bán, giữa các nước Âu châu, cũng có kẻ trước người sau, kẻ hơn người kém. Nước nào đi muộn, đến sau, lúc đủ sức sinh sản hàng hóa để xuất cảng, thì thấy các thị trường đã bị chiếm hết, nhìn qua tìm thuộc địa thì chỉ còn cái những miếng xương khô thịt mốc. Lẽ tự nhiên là họ chen vào những thị trường đã có chủ, lẽ tự nhiên là các chủ cũ tìm cách rào che những đám vườn tốt đã dành riêng cho mình. Kỹ nghệ càng phát triển mối xung đột càng dữ dội. Vào khoảng 1900, Âu châu bắt đầu sống trong một bầu không khí thái bình nhưng đầy sát khí (paix armée). 1914-1918, bốn năm chiến tranh, người chết hàng triệu, của mất từng muôn; nhưng tờ hòa ước 1919 chỉ rót thêm dầu những sự bất bình. Thêm nữa, sau 1919, trên đàn quốc tế, lại thấy nổi lên những tay "anh chị" mới; hai nước ngoại Âu: Mỹ và Nhật, thừa nhíp [dịp] Âu châu đang mắc vào chiến tranh, mở mang kỹ nghệ chiếm vào những địa vị cốt yếu xưa nay dành cho người Âu.

Sau cuộc chiến tranh, sự nhu yếu hàng hóa càng gay gắt, kỹ nghệ buôn bán được một thời phồn thịnh khác thường, người ta liên tưởng rằng sẽ mãi mãi như vậy. Không đầy mười năm, cuộc kinh tế khủng hoảng xảy đến, thiên hạ ngơ ngác như một người đương qua một giấc chiêm bao tốt đẹp bị một vòi nước lạnh xối lên đầu. Nếu chỉ các nước thua trận mất thuộc địa, ít nguyên liệu bị khủng hoảng thì còn dễ hiểu, nhưng nạn khủng hoảng không nề gì những nước giàu nhất, nhiều thuộc địa nhất. Các nhà kinh tế học, chính trị quây quần như một đám thầy thuốc quanh một chứng bệnh mà họ không hiểu rõ nguyên do: nói đúng hơn là họ chẳng muốn hiểu, vì trước lúc bắt mạch chẩn bệnh họ đã đem sẵn liều thuốc đến, một liều thuốc mà một hãng nào đó đã chế ra, nay chỉ thuê thầy thuốc làm đại lý đặt hàng. Nếu kinh tế khủng hoảng chỉ làm xiêu đổ vốn liếng của một vài nhà triệu phú, thì cũng không hề gì, nhưng nó lại còn làm cho mấy mươi triệu người mất chỗ ăn làm, những người có sức, có tài, có chí làm việc mà nay cùng vợ con như một đám ăn mày, phải đợi các chính phủ bố trí cho một ít tiền để qua ngày đoạn tháng. Trong một nước như nước Mỹ của cải tràn trề, mà 18 triệu người, một nước như nước Anh, thuộc địa rải khắp năm châu mà ba triệu người phải thất nghiệp, trong lúc mấy triệu người ấy tìm không ra ăn mặc, thì nước này hũy lúa mì, nước kia đốt bông, viện rằng để cứu vãn một cơ quan kinh tế đã đến ngày tàn tận, thấy những cảnh tượng ấy, dầu ai có nhắm mắt không muốn nhìn nhận sự thực cũng phải ngờ rằng trong cái cơ quan kinh tế tự do xưa nay người ta cho rất là huyền diệu có ít nhiều bộ phận đã sai lạc, nay phải sửa chữa lại hoặc thay đi. *Rồi những vấn đề thợ thuyền, giai cấp, công của, quốc hóa những tài sản... ám ảnh tâm trí mọi người. Không phải đến thời ấy mới thấy những vấn đề ấy, mới phát hiện; nhưng từ trước đến giờ những lời chỉ trích của các nhà tư tưởng, những cuộc chiến đấu của lao động để yêu cầu những*

* Tạp chí "Nam Việt", số 6 tháng 8-1944.

điều kiện làm việc hợp lẽ công bằng không có kết quả mấy, vì lòng người còn tin vào những lý thuyết tự do. Nay gặp cái cảnh xã hội đảo điên từ xưa nay chưa có hề thấy, những lý thuyết, chủ nghĩa xã hội, như quả cuối hè, đã đến cái ngày mà phần đông chịu nhận đem ra thực hành.

Rồi các chính phủ dân chủ, các nghị viện lao nhao nói nhiều làm ít xoay sở không ra mồi, họ đem lòng ngờ vực cái chính thể cộng hòa dân biểu mà xưa nay họ cho là cái chế độ tốt hay. Lòng người đã đến đáy trong một vài nước, liền có kẻ xướng lên và thi hành những quốc chính độc tài toàn quyền. Độc tài nghĩa là bao nhiêu quyền bính góp vào một người thủ sủy đủ tài trí tự mình quyết đoán, không bị những nghị viện ó hợp làm khó dễ, toàn quyền nghĩa là cá nhân không có quyền chỉ trích những mệnh lệnh của chính phủ. Nhất là về kinh tế, các tư gia phải chịu lệnh của chính phủ, kinh tế sẽ do chính phủ chỉ huy. Có chịu như vậy một quốc dân mới tránh cái nạn quyền lợi giai cấp xâu xé nhau hỗn độn, mới ra khỏi được cái vòng khủng hoảng, mới dựng lên được một xã hội công bằng, có trật tự. Các nước có của chống với các nước nghèo, các nước bị đê ép muốn đánh đổ quyền hành các nước mạnh, các quốc chính dân chủ ghét hờn các quốc chính độc tài, các chế độ kinh tế tự do muốn đã đảo những chế độ kinh tế chỉ huy, giai cấp này muốn ăn tươi nuốt sống giai cấp khác, bao nhiêu thùng thuốc súng đã sắp sẵn chỉ đợi ngày bùng nổ¹.

1914-1944. Trong 30 năm trời, hai cuộc đại chiến, một cuộc khủng hoảng, bao nhiêu quốc dân đã trải qua những cuộc cách mạng dữ dội, tương lai sẽ ra sao khó mà nói trước, nhưng một điều chắc chắn là nếu nay ta thử xét hỏi những ý kiến của một người dân thường châu Âu, người dân đọc báo hàng ngày và bỏ phiếu bầu cử không hề suy xét, tức là 99/100 toàn dân, ta thấy rằng những mục tìn ngưỡng của họ, vào đầu thế kỷ XX, nay đã tiêu tán: (xem "Nam Việt" số 5).

- 1.** Họ hiểu rằng khoa học kỹ nghệ chỉ là một lợi khí, tùy người dùng, có thể làm hay một cách thần diệu mà cũng có thể phá hoại một cách tàn nhẫn.
- 2.** Kinh tế tự do đã gây ra những nỗi chênh lệch đau đớn trong xã hội.
- 3.** Chính thể cộng hòa dân chủ chỉ gây nên hỗn độn, không giải quyết nổi những bước khó khăn.
- 4.** Các châu khác cũng có thể trở nên giàu mạnh như Âu châu.
Âu châu không chắc gì giữ mãi mãi ngôi bá chủ hoàn cầu.

¹- Chúng tôi gach.

Vấn đề Việt Nam dưới con mắt Trốt-kít*

(Trần Đức Thảo)

Báo "Thời mới", trong số 1-3-47, có đăng một bài của Claude Lefort, tự nhận là theo chủ nghĩa "mác-xít", mà công kích dữ dội chính trị Việt Minh ở Đông Dương. Tuy lời phê bình chỉ căn cứ vào bản văn của Trotsky, không phải ai cũng nhận thấy là làm thầy về môn ấy, nhưng cách dùng chữ có thể làm xuyên tạc, cần có ít lời đính chính, tưởng không phải là vô ích. Bài ấy tố cáo Việt Minh là theo con đường "*phân cách mạng*" vì đã đoàn kết mọi giai cấp lại để đấu tranh chống đế quốc; lời tố cáo ấy có thể làm giảm bớt những thiện cảm mà Việt Minh đã gây được trong các giới phái tả ở Pháp. Cho rằng cuộc cách mạng Việt Nam chỉ là "*tiểu tư sản*" đã là một có bộn xã hội dân chủ vẫn dùng để biện hộ, trên lập trường mác-xít, cái chính sách thực dân của chúng. Đành rằng Lefort bác hẳn kết luận ấy, vì cũng nhận ra rằng phải ủng hộ triệt để phong trào giải phóng quốc gia của những dân tộc bị áp bức. Nhưng làm thế cũng chẳng đáng khen gì, vì tác giả ấy không giữ một trách nhiệm nào rõ rệt cả. Cách lý luận dùng để kể tội Việt Minh, đã đặt hẳn theo mặt khách quan vào hàng ngũ đế quốc.

Lý lẽ, trình bày là một kiểu mẫu trù tượng: trong các xứ thuộc địa, luật phát triển không đều và liên hợp, bởi sự áp dụng tư bản tân thời vào một cơ sở lạc hậu, đã chia sẻ xã hội ra làm hai khối: một bên là lớp tiểu tư sản còn phôi thai, dính líu chặt chẽ với bọn phong kiến, một bên là lớp vô sản dựa vào lớp dân quê nghèo. Giai cấp bóc lột mới vẫn liên kết với giai cấp bóc lột của xã hội cũ, và những giai cấp bị bóc lột cũng như vậy, bởi thế tuy rằng mục đích khẩn cấp là cách mệnh tiểu tư sản dân chủ, nhưng bọn tiểu tư sản vì bất lực không làm nổi nhiệm vụ của họ. Vừa phụ thuộc vào phong kiến, lại vừa phụ thuộc vào đế quốc, họ không thể chia đất cho dân quê và cũng không thể dẫn đạo cuộc chiến đấu quốc gia cho đến cùng được. Vậy thì vô sản phải lãnh đạo cách mệnh tiểu tư sản, và trong hoàn cảnh ấy, khi đã đạt được mục đích, cuộc cách mệnh sẽ vượt bực để tiến ngay đến giai đoạn vô sản. Sự thắng lợi của cách mạng Nga là một chứng cứ và sự thất bại của cách mạng Tàu là một phản chứng. Lý thuyết ấy còn có thể áp dụng vào các xứ lạc hậu, mà Đông Dương là một xứ lạc hậu, vậy thì, v.v... Vậy ra Đảng Cộng sản Đông Dương đã lầm đường khi tự giải tán đi để đoàn kết quốc gia chống đế quốc: họ sẽ rơi vào trong tay bọn trường giả phong kiến và sẽ bị thất bại thê thảm. Và mọi sự ấy xảy ra vì những người lãnh đạo không có tinh thần "*biện chứng pháp*".

Dựa vào kinh nghiệm cách mệnh Trung Hoa mà kết tội chiến lược liên hiệp giai cấp thì dễ dàng quá: không có gì chứng tỏ rằng áp dụng lý thuyết trốt-kít khi ấy sẽ lại không gây ra kết quả tai hại hơn, thí dụ bọn Anh, Mỹ can thiệp vào mà ủng hộ sự phản động của Quốc dân đảng. Dầu thế nào mặc lòng, đã rõ ràng là không thể nào ví với trường hợp Việt Nam được. Ở Trung Hoa, nước độc lập về chính trị, bọn phong kiến dựa vào cổ truyền vẫn còn mạnh và nhất là dựa vào binh lực, đã lôi kéo được bọn tiểu tư sản mới vào con đường phản động. Ở Việt Nam giai cấp thống trị cũ đã bị tám mươi năm đô hộ quét sạch, và lớp tiểu tư sản, theo học Tây phương, như kinh nghiệm đã chứng tỏ, rất dễ đoàn kết với quần chúng thợ thuyền và dân quê. Cách biện luận của Lefort dựa vào tính cách "*phong kiến*" của lớp tiểu tư sản trong các xứ lạc hậu, vì thế, ở Việt Nam tính cách ấy sẽ làm cho giai cấp

* Bản dịch Việt ngữ đăng trên "Văn hóa Liên hiệp" số tháng 10-1948.

Nguyên văn Pháp ngữ của bài báo này đã được đăng trong tạp chí "Temps Modernes" (Thời mới) của Jean Paul Satre, số tháng 6-1947.

vô sản không thể liên kết được với giai cấp tiểu tư sản; nhưng nước Việt Nam lại có điều đặc biệt là không có bọn phong kiến.

Ông Lefort nói: "*Mặc dầu cơ sở điền địa ở Trung Bộ, Bắc Bộ và Nam Bộ không giống nhau hẳn, chúng ta có thể nói rằng khắp mọi nơi nó đều có tính cách phong kiến.*" Đây hẳn là biểu liệt kê đúng sự phân chia đất đai ba xứ của Việt Nam:

Điền địa	Dưới 5 mẫu tây	Từ 5 mẫu tây	Trên 50 mẫu tây	Ruộng công
Bắc Bộ	40% diện tích có trồng cây	20 %	20 %	20 %
Trung Bộ	50 %	15 %	10 %	25 %
Nam Bộ	15 %	37 %	45 %	3 %

Ta thấy rằng suất phân ruộng đất thuộc về tiểu điền chủ và trung điền chủ và ruộng đất công lên tới 80% ở Bắc và 90% ở Trung. Ở Nam Bộ, vấn đề phức tạp hơn. Trước hết, ta nên đề ý, tỷ số đại điền sản được 45 % vì người ta cho những điền sản trên 50 mẫu tây cũng kể vào hạng đó. Ở Pháp, ở những miền như Beauce, một điền chủ hạng trung cũng khấn 200 mẫu tây. Nhưng ta phải đề ý những đại điền sản ấy phần nhiều ở miền Tây Nam Bộ, đất đai vừa mới trồng cây được nhờ công cuộc dẫn thủy do công quỹ chịu tiền, nhưng chỉ một nhóm người cộng tác với thực dân là được hưởng lợi. Những tỉnh cũ ở Nam Bộ toàn theo hình thức cổ truyền giống như ở Bắc và Trung Bộ, căn cứ vào di sản, buộc phải chia đều cho các con. Số con thường rất đông (tính trung bình từ mười đến hai mươi), nên sự chia vụn đất không sao tránh được. Vậy tình trạng miền Tây Nam Bộ là một tình trạng khác thường, mới tạo nên, dầu ở trong hệ thống xã hội hiện thời cũng sẽ mau bị tiêu diệt. Xét toàn thể, nước Việt Nam coi như là một xứ tiểu tư sản.

Muốn chứng tỏ tính cách "*phong kiến*" của các điền chủ, Lefort nhấn mạnh vào sự bành trướng nghề cho vay nặng lãi. Thực ra không phải chỉ riêng đại điền chủ mới cho vay lãi nặng, nhưng đó chính là việc chuyên môn của bọn thương gia Tàu vẫn bóc lột các tiểu tư sản. Cho vay lãi nặng cũng là nghề của bọn Sét-ty, từ các tỉnh thuộc Pháp bên Ấn Độ tới, bọn này được hưởng quyền lợi công dân Pháp, còn người Việt Nam chỉ là thuộc dân. Nghề cho vay lãi nặng lại liên quan với cơ sở nông nghiệp của kinh tế và cũng vì dân chúng đông đúc. Việc chia đất, lẽ dĩ nhiên, không đem lại sự thay đổi gì; trong giai đoạn này phải tìm phương thuốc ở sự tổ chức hợp tác xã và nhất là ở sự khuếch trương kỹ nghệ: của cải trong nước tăng thêm, nhà ngân hàng có nhiều thì tiền lãi sẽ bớt đi. Trưng bày sự gặp gỡ giữa kỹ thuật mới và nền kinh tế hậu tiến bằng sự phối hợp giữa tiểu tư sản và phong kiến, là việc dễ bị cám dỗ. Đó chẳng qua là để cho danh từ lừa dối. Giai cấp thống trị ở Việt Nam trước khi bị Pháp chiếm không phải là lớp địa chủ mà là lớp văn thân; quan chức lựa trong đó cả. Ta lại biết rằng theo cách tổ chức học vấn ngày xưa, một đứa trẻ con nhà nghèo cũng có thể leo lên được những bậc cao nhất. Sự học không tốn tiền, nhưng phong tục giúp thanh niên nghèo theo đuổi học tập, đã làm nảy ra một lớp thượng lưu về văn hóa, nắm quyền chính trị và có tính cách độc lập đối với giai cấp tư sản.

Sự tiến triển của Việt Nam đã theo một con đường đặc biệt, khác hẳn Tàu và Nhật, làm cho Việt Nam thoát khỏi tình trạng phong kiến trước lúc Tây phương can thiệp. Một dân tộc đông đúc, chen nhau trong một khoảng chật hẹp, luôn luôn bị các dân láng giềng xâm lấn, phải tổ chức theo một chính thể tập trung. Các vua, hay các chúa thay quyền vua, vẫn diệt trừ bọn quân nhân phong kiến bằng cách tăng quyền cho lớp văn quan giữ việc hành chính. Đầu thế kỷ thứ 19, nhà Nguyễn đã hoàn thành cuộc tiến triển ấy. Đời vua Minh Mạng, những cuộc hành trình đã tiêu diệt hết mọi tàn tích của thời phong kiến, và khi quân Pháp đến, thì Việt Nam đang sống dưới chế độ quân chủ độc đoán dựa vào lớp văn thân. Giai cấp này bị chính thể thực dân làm tiêu diệt và thay vào đó một lớp tiểu tư sản mới. Dầu về mặt xã hội và nhân đạo, việc chia ruộng đất ở miền tây Nam Bộ cấp bách đến đâu, không ai có thể trách được các nhà cách mệnh Việt Nam đã tạm dẹp khẩu hiệu ấy để thực

hiện đoàn kết quốc gia chống đế quốc. Thực ra vấn đề này là chỉ quan hệ riêng cho một vùng và trong hoàn cảnh hiện tại thì chỉ đứng vào hạng phụ. Để cho sự liên tưởng văn từ cảm dỗ, Lefort quả quyết rằng "*một cuộc cải cách ruộng đất sẽ là yếu tố quan trọng và quyết định*" của một cuộc cách mệnh dân chủ, coi đó như là một sự hiển nhiên, không cần gì chứng cứ. Thật là dùng chữ mà không chú ý đến nghĩa. Những điền địa lớn ở Nam Bộ, không có gì là "*phong kiến*" hơn là những điền địa ở các xứ dân chủ trường giả. Nó không đem lại cho chủ nhân được đặc quyền gì về mặt chính trị. Tính cách riêng của chế độ phong kiến là giam hãm nền kinh tế trong một hệ thống lệ luật, đặc quyền và sự nô lệ về mặt chính trị. Phận sự của cách mệnh trường giả dân chủ là giải thoát cá nhân khỏi những sự trói buộc ấy để nhân loại được tự do tiến mạnh trên lập trường tư sản. Dưới chế độ phong kiến, liên quan trong xã hội đã bị tê liệt trong một hệ thống lệ luật khách quan, đưa con người vào những bản chất tự nhiên trực tiếp; cuộc biến chuyển sang chế độ tiểu tư sản giải thoát cá nhân khỏi những chênh lệch khó thay đổi ấy bằng cách đem người ta vào sự lưu thông của các mối giao dịch kinh tế. Ai cũng biết rõ rằng, người đại điền chủ Nam Bộ, vì cũng là thuộc dân, chẳng có chút đặc quyền chính trị đối với tá điền. Dưới chế độ thực dân, giữa người Việt Nam, dù nghèo đến đâu, cũng không có sự chênh lệch về chính trị, vì các quyền chính trị chỉ dành riêng cho công dân Pháp. Hiện nay, sự trừ bỏ độc nhất phải thi hành, theo mục đích dân chủ chân chính, là trừ bỏ đi những độc quyền quá đáng mà nhờ quyền hành chính trị và binh bị mà bọn thực dân nắm giữ. Cuộc cách mệnh tiểu tư sản, nhiệm vụ là bãi bỏ sự bất bình đẳng về chính trị và thiết lập nền dân chủ, có ý nghĩa là phá tan cái tình trạng thực dân bằng cách chống đế quốc.

Những chủ thuyết hình thức dân chủ, ở các xã hội tư bản đã tiến bộ chỉ là trò phỉnh phờ tốt bụng, vẫn giữ toàn vẹn ý nghĩa đối với những dân đang còn phải chiến đấu để giành quyền chính trị. Như vậy, không phải nghĩa là nên dừng lại ở giai đoạn này, nhất là trong một nước như Việt Nam, đã có đủ điều kiện nội dung để lập tức đi xa hơn. Đã rõ rằng lớp tiểu tư sản, vì không bao giờ thực dân cho đi quá thời kỳ phôi thai, không đủ sức để lãnh đạo phong trào quốc gia, sờ dĩ như vậy cũng vì thiếu một lớp phong kiến, vì chỉ có lớp này mới có thể cho lớp tiểu tư sản được vững chắc để điều khiển tình thế trong nước và lãnh đạo cuộc chiến đấu chống đế quốc. Phận sự tối trọng của giai cấp vô sản trong cuộc cách mệnh tiểu tư sản dân chủ ở Việt Nam có liên lạc với tính cách tiên tiến của lớp tiểu tư sản Việt Nam chứ không phải với tính cách phong kiến của nó như lược đồ trốt-kít phác họa. Ở các xứ theo văn minh A Rập hoặc Ấn Độ phong trào giải phóng quốc gia do lớp trường giả lãnh đạo vì lớp này được một lớp phong kiến mạnh giúp sức. Quan niệm của phái trốt-kít về "*cách mệnh thường trực*" lập lại hình thức tiến triển của cách mệnh Nga, không thể áp dụng được vào cuộc cách mệnh nào hiện có hoặc sẽ nổ ra ở các xứ thuộc địa. Không có xứ nào mà vấn đề quốc gia lại liên quan đến vấn đề xã hội. Vì sao, ta có thể hiểu được một cách rõ ràng. Ngay lúc sơ khai, Nga-Xô đã thoát khỏi sức phản động của đế quốc nhờ cuộc chiến tranh thế giới đã làm bận các cường quốc tư bản hơn một năm sau khi vô sản Nga nắm được chính quyền. Vậy vấn đề cách mệnh ở Nga có thể hoàn giải thích được bằng danh từ và quan niệm tranh đấu giai cấp. Ở các xứ hậu tiến khác vừa thức tỉnh theo đòi mới sau cuộc thế giới chiến tranh thứ nhất, tình hình trái hẳn lại. Phụ thuộc chặt chẽ vào đế quốc ngoại bang, những xứ ấy phải chờ khi có cách mệnh hoàn cầu, mới đặt vấn đề cách mệnh theo danh từ tranh đấu giai cấp được. Nhưng cuộc cách mệnh hoàn cầu chưa thấy xảy ra và trong viễn đích hiện tại cũng chưa thể bàn tới được. Thành thử phong trào cách mệnh đành phải nhắm vào mục đích quốc gia. Nhiệm vụ dân chủ đã tự hạn chế vào cuộc tranh đấu chống đế quốc giành độc lập. Một cuộc tranh đấu như thế vẫn có tính cách cấp tiến vì nó làm cho đế quốc yếu sức đi, nhưng chỉ nhờ sự đoàn kết quốc gia mới có thể thành công, và lẽ tất nhiên là giai cấp mạnh nhất cầm đầu: thường là lớp trường giả có bọn phong kiến còn lại giúp đỡ. Nhưng phong trào giải phóng ở Việt Nam lại thiên về tả, đó thật là một việc đặc biệt độc nhất trong thế giới thuộc địa hiện thời; việc đó chỉ có thể do một lẽ mà thực hiện ra: là ở xứ Việt đã hết phong kiến.

Do những lý lẽ trái hẳn với lý luận nêu ra trong thuyết của phái trốt-kít, cuộc cách mệnh Việt Nam chỉ có thể tìm động lực trong quần chúng thợ thuyền và nông dân mà thôi; nó đã mang sẵn mọi mầm mống để vượt khỏi giai đoạn tiểu tư sản và bước ngay sang giai đoạn vô sản. Thực ra sự biến chuyển ấy đã bắt đầu có. Sau tám mươi năm bị thực dân đô hộ, xã hội Việt Nam không còn có lớp người nào có thể ngăn nổi sức xô lấn của quần chúng. Lớp tiểu tư sản mới đã bị còm cõi vì luôn luôn bị chính sách nhỏ nhen của thực dân hiếp đáp, về phương diện tinh thần cũng như về phương diện kỹ nghệ và thương mại. Lớp phong kiến đã bị diệt trừ trước khi Pháp chiếm và lớp văn thân thay vào đó, cũng bị tan đi trước văn minh mới. Cách mệnh vô sản đã có cơ thực hiện: Nếu thực hiện thì tất nó đã gây ra những sự rối loạn và chia rẽ có thể giúp cho đế quốc được thắng lợi hoàn toàn và mau chóng. Nhờ uy tín lớn lao của Hồ Chí Minh mới giữ được phong trào ở trong giới hạn do tình hình quốc gia và quốc tế ấn định. Ngoài chủ tịch, không ai có thể làm cho mọi người phải trọng cái kỷ luật tối thiểu của một nước đang chiến đấu để sống còn phải giữ. Nhờ Việt Minh đã thực hiện được sự đoàn kết giai cấp, cuộc tranh đấu chống đế quốc đã được thắng lợi rõ rệt, tuy chưa hoàn toàn. Vì đã chứng tỏ dân Việt Nam có một sức kháng chiến vô hạn, cuộc kháng chiến ấy đã buộc người ta phải công nhận nước Việt Nam trong phạm vi thực tế.

Ngồi ở Paris mà chỉ trích một việc đang tiến hành bên kia Á châu thì đã là quá đáng. Nhưng, nhân danh chủ nghĩa "*mác-xít*", đem bẻ queo vấn đề sang lập trường siêu nhiên thì quả là không thể tha thứ được. Chính trị của Việt Minh ở Đông Dương, không dính líu gì tới những cuộc bàn cãi mây gió về quan niệm "*cơ giới*" hay "*biện chứng*" của chủ nghĩa cách mệnh duy vật. Cộng sản Việt Nam quyết định ngừng cuộc tranh đấu giai cấp để chuyên chú tranh đấu chống đế quốc, không phải tại họ dự tính "*cuộc cách mệnh từng giai đoạn*" mà chính vì họ thấy rõ tình hình trong nước và thế giới. Họ đã ngừng lại ở giai đoạn dân chủ, không phải vì có "*thành kiến phân tích*", mà chỉ là vì không thể nào đi xa hơn được nữa, trừ khi muốn tự sát. Nếu phong trào cách mệnh hoàn cầu đã đến giai đoạn tiến triển thì tất họ đã phát động tranh đấu giai cấp và không cần phải dựa vào "*phương diện hiểu biết toàn thế hóa*" (!).

Cố nhiên là ý nghĩa của lịch sử bao giờ cũng do hành vi của nhân loại định đoạt. Nhưng không phải là bất cứ ý nghĩa gì - cũng không phải là ý nghĩa của một cuộc phân tích trừu tượng nêu ra bằng danh từ "*ý nghĩa của lịch sử*". Chỉ có thể là ý nghĩa thích hợp với thực tế và hoạt động thật sự. Lẽ tất nhiên tình hình quốc tế không phải là một hiện trạng sẵn sàng. Một cuộc cách mệnh gây ra trong một nước sẽ có tiếng dội trên hoàn cầu. Theo thường lệ thì như thế. Nhưng trong trường hợp của xứ Việt, không ai thấy nó sẽ lôi kéo được nhóm vô sản nào cùng nổi lên làm cách mệnh. Phong trào chống đế quốc trong các thuộc địa khác do phái hữu cầm đầu, lớp thợ thuyền thì ở các xứ ấy mới bắt đầu tổ chức. Nếu vô sản Việt Nam nhận nắm toàn thể chính quyền, hành động của họ chỉ là tượng trưng, nhất là họ lại sẽ bị đập tan ngay.

Lefort đáp rằng "*không can gì, sự thất bại có thể là một kinh nghiệm, nếu những người cầm đầu luôn luôn nêu ra ý nghĩa của cuộc tranh đấu (?), thì nó có thể dùng để một đội tiên phong rộng hơn và giác ngộ hơn.*" Nghĩa là, nếu chúng tôi hiểu đúng, thì Việt Nam phải dùng làm con vật để thí nghiệm cho những tay lý thuyết Đệ tứ Quốc tế, họ sẽ hưởng được cái bài học của "*cuộc thí nghiệm*" ấy. Mỗi bọn lợi dụng thuộc địa một cách: bọn tư bản bòn rút lấy tiền bạc, phái trốt-kít rút lấy một bài học...

Lẽ tất nhiên, hoạt động thì phải mạo hiểm. Nhưng trong trường hợp này, không phải là một sự mạo hiểm, mà là chắc chắn thất bại.

Từ Maroc đến Nam Dương, trừ ở Algérie ra, không có một đảng vô sản nào đáng kể. Lời kêu gọi của vô sản Việt Nam, nếu làm cách mệnh vô sản sẽ mất đi trong bãi sa mạc. Về việc "*huấn luyện ý thức cách mệnh trong quần chúng trong thuộc địa*", thì rồi chỉ được một sự kích động trống không, một tiếng dội trong các linh hồn. Về mặt thực tế, nước Việt lại sẽ rơi vào chế độ thuộc địa cũ và đảng vô sản lại sẽ trở lại thời kỳ ấu trĩ. Lẽ tất nhiên, đó

sẽ là một "*kinh nghiệm*". Nhưng phải đền bù kinh nghiệm ấy bằng sự tiêu diệt. Và như thế thì sẽ học được gì, trừ ra một sự chẳng có ai là không biết: thời cơ chưa thực thuận tiện cho một cuộc cách mệnh hoàn cầu.

Tư tưởng trưởng giả đã dùng mòn những hình thức tầm thường của thuyết duy tâm, thì phải trót-kít lại đem đến một kiểu phỉnh phờ mới: họ đem biện chứng mác-xít ra ngoài thực tế, họ định nghĩa nó bằng những khái niệm trừu tượng, và lại lý tưởng hóa cả sự tương phản giữa thực tế và tư tưởng. Họ đi tới chỗ viết cả một pho thần thoại bằng những danh từ "*cụ thể*": lịch sử, lịch sử tính, tình hình thế giới, v.v.. Và, rồi họ lại đi "*lộn đầu xuống đất*"; theo Lefort thì sự thoái lùi của đảng Cộng sản Đông Dương chắc có liên can đến "*một quan niệm duy vật, tầm thường, cơ giới, tinh chí và phân tích về vũ trụ.*" Nói tóm lại, chính thực thể do lý tưởng chứ không phải là lý tưởng do thực thể mà ra. Vậy chỉ cần thay đổi triết lý là đủ ... Lẽ cố nhiên, cái triết lý họ trình bày ra lại là theo "*biện chứng pháp*".

Vào trường hợp chúng ta đương nghiên cứu thì kết quả lại càng rõ ràng. Chúng tỏ rằng Việt Minh là "*một phong trào phản cách mệnh*", Lefort hiến cho đế quốc những khí giới rất sắc bén, để họ dùng phá hoại từ "*bên trong*" gây liên lạc địch thực giữa vô sản Việt Nam và vô sản Pháp. Khinh khi cuộc cách mệnh "*tiểu tư sản*" quá như thế, kết cục chỉ là ủng hộ gián tiếp những mưu mô thực sự của thực dân. Những người xã hội dân chủ bên vực chính trị của Marius Moutet bằng cách ấy đâu có thiếu gì. Người ta không vì văn minh mà bên vực thực dân nữa, nhưng trái lại! Song những nhà cách mạng Việt Nam làm như vậy là chưa đủ: đáng lẽ họ phải tự sát mới được... Rõ là cái bản năng đế quốc cũ đã lộ ra dưới cái mặt nạ cách mệnh.

Tiểu tư sản và cách mạng*

(Nguyễn Khắc Viện)

Tờ "*Tiếng thợ*" tự nhận là vô sản, mác-xít, cách mạng. Trèo lên mấy pho sách Trotsky, bộ biên tập tờ ấy đã kết án "Liên Việt" là trí thức tiểu tư sản, Staline, Mao Trạch Đông là phản cách mạng này nọ... Họ nêu việc Đỗ Đại Phước lên để bôi xấu "Liên Việt".

Chúng tôi là trí thức tiểu tư sản, không được danh dự là vô sản, nhưng chúng tôi là người Việt Nam, muốn cho nước được độc lập. Chúng tôi nhận rõ chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh mới có thể tranh đấu được độc lập thực sự. Chúng tôi thấy từ trước tới giờ, "*Tiếng thợ*" dù có nêu khẩu hiệu "*Hoàn toàn độc lập*" nhưng không hề bao giờ nói đến Hồ Chí Minh; trái lại, nhiều lần "*Tiếng thợ*" đã công kích Chính phủ Hồ Chí Minh dữ dội. Lấy cái óc thiên cận của t- 41 -rí thức tiểu tư sản chúng tôi đã phải nhận rằng: khẩu hiệu đòi độc lập mà không nói rõ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh chỉ là những khẩu hiệu trống rỗng.

Lấy cái óc hẹp hòi của trí thức tiểu tư sản, chúng tôi cũng có thể hiểu được "Liên Việt" hiện nay là tổ chức mạnh nhất ở quốc nội và xứ ngoài chống đế quốc thực dân, bên địch sẽ không đại gì mà không cho mật thám chen vào tìm cách phá hoại. Việc Đỗ Đại Phước hiện chưa ngã ngũ ra sao, nhưng dù sao, đó là một bài học cho "Liên Việt" cần phải thận trọng kiểm soát việc làm của hội viên, chứ không phải là một cái tật của giai cấp nào không thể sửa chữa được. Doriot làm đến Tổng thư ký Đảng Cộng sản Pháp, Rajk làm đến Bộ trưởng nước Hung, lẽ nào trong "Liên Việt" lại không có mật thám của Pháp. Chỉ có những tổ chức nào thuộc địa Pháp biết không lợi hại gì mới không cần cho tay sai vào.

Chúng tôi là trí thức tiểu tư sản, không được danh dự là vô sản, nhưng đã có dịp đọc sách Marx, Lénine. Dù có thiên cận hẹp hòi, chúng tôi cũng còn nhớ rằng Lénine đã dạy một đảng cách mạng phải lôi kéo cả giai cấp và cả quần chúng thì mới có cơ thắng lợi, trong số quần chúng ấy có một đám đông là tiểu tư sản, không có một con đường nào rõ rệt. Tư bản lôi kéo được tiểu tư sản thì cách mạng thất bại; vô sản được tiểu tư sản tiếp ứng thì cách mạng thắng. Làm cách mạng không phải ngày nào, tháng nào, xứ nào, dân tộc nào cũng đồng nhất tái diễn một tấn tuồng dự định như lễ nghi đạo giáo, cốt giữ cho được vô sản thuần túy, không bị cận bã tiểu tư sản làm hoen ố; nhưng mỗi thời mỗi buổi phải định ra khẩu hiệu, hoạt động làm sao cho quần chúng hưởng ứng. Khẩu hiệu chương trình hành động năm 1945 không thể như năm 1925, không thể như năm 1950. Nếu phải hất bỏ trí thức tiểu tư sản ra ngoài tổ chức cách mạng vô sản, thì trước hết phải bỏ Marx, Engel, Lénine và ở Việt Nam Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp ra; vì những người ấy là trí thức tiểu tư sản hẹp hòi. Tệ hơn nữa, Hồ Chí Minh lại là một cụ nhỏ.

Chúng tôi không có óc cách mạng sâu xa như các ông "*Tiếng thợ*" nên chúng tôi, trong giai đoạn lịch sử này nhắm mắt theo ông Mao Trạch Đông, ông Hồ Chí Minh ở Tàu, ở Việt Nam, cho rằng nếu không bảo vệ quyền tư hữu tài sản cho tiểu tư sản và cả tư bản trung lưu nữa (xem Hiến pháp mới của Tàu), thì không thể nào đánh nổi đế quốc ngoài tiếp ứng cho phong kiến và đại tư bản trong nước.

Dù không phải là vô sản, chúng tôi rất mừng khi thấy Nga và Tàu nhìn nhận Chính phủ Việt Nam, chúng tôi dù không phải là vô sản cũng đã đủ óc xét hiểu rằng ngày nay muốn chống đế quốc thì phải kết thân với Nga Xô của Staline, Tàu Mao Trạch Đông và các nước Đông Âu. Chúng tôi dù có thiên cận cũng không quên rằng người cứu nhân loại khỏi nạn phát-xít, mở đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa, không phải là Trotsky, nhưng là Staline và "*quan chế*" sta-li-niêng. Chúng tôi không quên rằng trong lúc Trotsky

* "*Thông tin Liên Việt*" số 3-1950.

ngồi viết sách báo ở nước ngoài, dạy cách mạng, thì Staline và quan chế Nga Xô đã kiến thiết, biến cải một nước hèn yếu lạc hậu thành một nước hùng cường, đánh đổ phát-xít, làm cho các thuộc địa cũ của Nga chỉ trong hai mươi năm đã vượt qua mấy thế kỷ lịch sử, nay đủ kỹ nghệ, trường học, nhà thương không kém gì các nước tiên tiến. Chúng tôi lấy làm lạ rằng trong tờ "*Tiếng thợ*" vừa rồi, cho tin ở Nga, các ông "*quên*" cho biết rằng ở Nga, mặc dù đã bị phá hoại rất nhiều, Staline và quan chế đã "*độc đoán*" (theo lời báo "*Franc tireur: baisse autoritaire des prix*") hạ giá các hàng hóa từ 20 đến 25%. Tội nghiệp cho dân Nga bị một quan chế đàn áp phải mua hàng hóa rẻ quá; có lẽ các ông "*Tiếng thợ*" cho rằng hạ giá bánh, thịt, quần áo không phải là một việc đại chính trị, đáng đếm xia đến, không phải là cách mạng.

Tuy là tiểu tư sản, chúng tôi không khỏi thấy rằng từ năm 1917 đến năm 1950, khối chống đế quốc đã lan rộng từ Nga cho đến Tiệp Khắc qua đến Quảng Châu, giáp giới Việt Nam, gồm đến 800 triệu người, nhờ Staline và các đảng theo Staline trên thế giới. Có lẽ theo lý thuyết sâu xa của Trotsky thì đó là một sự giật lùi của cách mạng thế giới chăng? Chúng tôi xin thú thực, với óc thiên cận tiểu tư sản, chúng tôi không hiểu, tại sao, nếu Staline và các đảng sta-li-niêng là phản cách mạng, các nước tư bản không giúp cho như Tito, mà lại tìm cách trừ khử. Ngây thơ, chúng tôi nhận thấy hiệp ước Tàu Nga là một hiệp ước bình đẳng, từ trước đến nay chưa có nước Âu Mỹ nào, nhận quyền lợi cho Tàu như vậy, chúng tôi mừng rằng hiệp ước ấy làm giảm lực lượng đế quốc nhiều. Chúng tôi lấy làm lạ tờ cách mạng "*Tiếng thợ*" về hiệp ước ấy lặp lại hết mọi điều vu khống của báo chí tư bản: nào là thương thuyết khó lòng, nào là điều ước kín, nào là tiền cho vay ít. "*Tiếng thợ*" quên chuyện giảm giá ở Nga Xô, nhưng không quên câu của Tito bảo lần đầu Nga ký kết với các nước khác, có điều kiện không can thiệp vào nội trị. Nếu "*Tiếng thợ*" quên, xin nhắc lại rằng Nga ký kết với các nước Đông Âu như Ba Lan, Lỗ cũng đã có điều ước như vậy.

Chúng tôi không được thụ truyền Trotsky, cách mạng không hiểu bao nhiêu, nhưng trong giai đoạn này, chỉ ngây thơ theo con đường mà Hồ Chí Minh đã chỉ cho.

1. Trong nước, thì đoàn kết chung quanh Chính phủ trong "Liên Việt", chúng tôi vẫn biết trong "Liên Việt" nhất là ở Pháp, ít gặp thử thách hơn bên nhà, bọn xu thời và bọn mật thám âm mưu dễ dàng, chúng tôi đã cố gắng tẩy trừ ra, chúng tôi mong rằng kiều bào sẽ sẵn lòng giúp cho.

2. Ở ngoài thì phải kết thân với Nga, Tàu, các nước Dân chủ Nhân dân, mặc dù mình có cộng sản hay không.

Trong sách Trotsky có dạy cho phù phép gì linh hiệu hơn, chúng tôi không rõ. chúng tôi không có tự kiêu, ở Paris mà dám dạy cách mạng cho Hồ Chí Minh, ở ngoài vô sản pháp mà dạy cách mạng cho Thorez, mới xem qua vài quyển sách đã muốn dạy cách mạng cho Staline hay Mao Trạch Đông.

"Liên Việt" không muốn bao trùm tổ chức của công binh hay sinh viên, nhưng giữa hai bên Đệ tứ và Nga-Tàu, "Liên Việt" Phải chọn lấy một không thể cùng kết thân với hai phái được. Với óc thiên cận của tiểu tư sản chúng tôi chọn con đường mà Hồ Chí Minh đã chỉ cho.

Trả lời một ông trí thức tiểu tư sản*

(Hoàng Khoa Khôi)

Trong tờ thông tin *Chi hội Liên Việt* tháng 3 năm 1950, dưới cái nhan đề "*Tiểu tư sản và cách mạng*", ông Nguyễn Khắc Viện nhân danh một "*trí thức tiểu tư sản*" lên tiếng công kích bộ biên tập "*Tiếng thợ*". Chúng tôi nhận thấy toàn bài báo đó đều có một giọng châm biếm không có tính cách đùng đắn của một bài nghị luận về chính trị. Chúng tôi cũng lại nhận thấy những lý luận mà ông Viện đưa ra để phản đối chúng tôi đều chỉ là những lý luận hình thức, và trong nhiều câu nhiều đoạn lại gán cho chúng tôi những ý tưởng mà chúng tôi không có, rồi ông ra công bài bác ý tưởng ấy.

Tuy nhiên, đầu sao cũng cần trả lời cho ông Nguyễn Khắc Viện. Vì những lý lẽ của ông ta viện ra có thể làm hại cho phong trào tranh đấu của vô sản.

Ông Viện công kích chúng tôi những gì?

Trước hết ông ta bảo "*Khẩu hiệu đòi độc lập (của chúng tôi) mà không nói rõ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh... chỉ là khẩu hiệu trống rỗng.*" Ông Viện mãi tìm các lý luận đối lập với "*Tiếng thợ*" nên ông ta "*quên*" mất một điều hết sức hiển nhiên đối với những ai đã đọc "*Tiếng thợ*". Đó là thái độ "*Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh trước sự tấn công của đế quốc*"¹, chúng tôi thường giải thích trên mặt tờ báo này. Cũng bởi thái độ đó nên chúng tôi mới hô hào anh em công binh tổng bãi thực và đình công khi ông Dương Bạch Mai và ông Trần Ngọc Danh bị bắt. Vì thái độ đó nên chúng tôi mới kịch liệt bài trừ chính phủ bù nhìn của lũ Bảo Đại, và chúng tôi tán thành sự công nhận chính phủ Hồ Chí Minh. Nhưng ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh để đối lập với đế quốc là một việc mà công kích chính phủ Hồ Chí Minh lại là một việc khác. Chúng tôi ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh song vẫn giữ trọn quyền phê bình và công kích. Đó là một điều mà ông Nguyễn Khắc Viện không thể nào hiểu nổi. Đối với ông ta ủng hộ thì phải "*nhắm mắt theo*" không được phê bình công kích. Ông ta bảo rằng: "*ủng hộ kháng chiến*" mà lại "*công kích chính phủ Hồ Chí Minh là vô lý*". Đối với chúng tôi, sự ủng hộ và công kích tuy là hai điều trái ngược nhau nhưng có thể đi đôi với nhau và cùng đi tới mục đích phụng sự cho cách mạng vô sản. Một đảng ông Viện theo lý luận hình thức, coi hai điều ngược nhau không thể liên lạc gì với nhau. Một đảng chúng tôi theo nguyên lý biện chứng pháp, áp dụng khoa này trong cuộc tranh đấu thường nhật. Chúng tôi không bao giờ làm lẫn lộn chúng với chủ trương và ý muốn của những kẻ điều khiển. Phê bình công kích là một lẽ tự nhiên. Chỉ cần kẻ phê bình công kích đó là ai, phụng sự cho ai, cho giai cấp nào trong xã hội? Nếu phụng sự cho giai cấp bị bóc lột thì không ai có thể nói rằng sự phê bình ấy là "*trống rỗng*" hay phản động. Lẽ tất nhiên, nó chỉ "*trống rỗng*" hay phản động là đối với những kẻ như ông Nguyễn Khắc Viện.

Ông Nguyễn Khắc Viện tự nhận là "*trí thức tiểu tư sản... có óc hẹp hòi*", ông đứng ra bào chữa cho *Chi hội Liên Việt* về vụ Đỗ Đại Phước. Ông ta nói rằng một tổ chức "*manh nhất*" như *Liên Việt* tất nhiên không tránh khỏi "*bọn mật thám chen chân vào tìm cách phá hoại*". Ông ta kêu gọi "*kiểu bào sãn lòng giúp "Chi hội Liên Việt" tẩy trừ...*" bọn ấy. Chúng

* "*Tiếng thợ*" số 58, ngày 15-5-1950.

Tháng 4-1950, công binh đoàn Ottmarsheim (vùng Đông) nhận được hai tờ "*Liên Việt*" và "*Công nhân*", cùng đăng bài "*Tiểu tư sản và cách mạng*" của Nguyễn Khắc Viện. Họ gửi lại Chấp hành Trung ương Công binh và yêu cầu tờ "*Tiếng thợ*" viết bài trả lời.

Bài trả lời do Hoàng Khoa Khôi soạn thảo đã được Tiểu ban báo chí (thuộc Chấp hành Trung ương Công binh) thông qua trong phiên họp tối thứ bảy 6-5-1950.

¹- Xem bài trả lời ông Trần Ngọc Danh tháng 7-1949.

tôi sẵn lòng giúp một tay, vì vậy chúng tôi tố cáo Đỗ Đại Phước. Tố cáo Đỗ Đại Phước, chúng tôi căn cứ vào bằng chứng, vào tài liệu của đảng cộng sản xta-lin-nít Pháp chứ không theo một truyền vu vơ. Thế mà ông Nguyễn Khắc Viện vẫn chưa tin vì ông ta còn bào chữa rằng: "*Việc tố cáo Đỗ Đại Phước chưa ngã ngũ ra sao.*" *Chi hội Liên Việt* cách đây ít lâu cũng quyết nghị một cách mập mờ rằng: "*Xét vì anh Đỗ Đại Phước có một vài hành động khiến cho kiều bào hoang mang đối với uy tín "Liên Việt"... nên trục xuất anh Đỗ Đại Phước ra khỏi "Liên Việt". "Liên Việt" sẵn sàng xét lại quyết nghị này nếu có bằng chứng khác.*" Nói rõ hơn, *Chi hội Liên Việt* chưa tìm ra có gì hết, ngoài cái có "*Đỗ Đại Phước có một vài hành động khiến cho kiều bào hoang mang đối với Chi hội Liên Việt.*" Nếu còn hồ đồ như vậy, thì phải điều tra cho biết sự thật, chờ xem câu chuyện "*ngã ngũ ra sao*", hà có *Chi hội Liên Việt* vội vàng trục xuất một nhân viên quan trọng như vậy. Chúng tôi có cảm tưởng *Chi hội Liên Việt* trục xuất Đỗ Đại Phước nhưng dụng ý còn muốn dung túng Đỗ Đại Phước, cũng như trước đây "*Cứu quốc*" dung túng Phan Quang Lim, tuy có những bằng chứng rõ rệt. Một tổ chức chính trị lẽ dĩ nhiên không tránh khỏi bọn phản động lọt vào trong làm bậy, cái lỗi của tổ chức ấy là biết bọn chúng làm bậy mà vẫn còn tìm cách che chở cho chúng. *Chi hội Liên Việt* che chở cho Đỗ Đại Phước cũng như che chở cho bọn lưu manh, côn đồ phá hoại công binh. Đó là một điều mà *Chi hội Liên Việt* phải chịu hoàn toàn trách nhiệm dù ông Nguyễn Khắc Viện có cãi kiện thế nào mặc lòng.

Ông Nguyễn Khắc Viện nhân danh "*một trí thức tiểu tư sản tuy không phải là vô sản, nhưng đã có dịp đọc sách Marx-Lenin*". Ông ta bảo rằng: "*Dù có bộ óc thiên cận hẹp hòi cũng biết được rằng giai cấp tiểu tư sản không có đường lối rõ rệt*", nghĩa là họ mạnh đầu theo đây. Vô sản phải biết phương pháp lôi kéo họ làm cách mạng. Chúng tôi cũng không nói khác. Duy chỉ có một chỗ chúng tôi khác với ông Viện là cái phương pháp lôi kéo tiểu tư sản theo cách mạng như thế nào? Phải chăng dùng cái giọng lưỡi vuốt ve lừa bịp họ? Phải chăng đem cả phong trào quần chúng giao cho họ? Đối với chúng tôi, vô sản muốn lôi kéo tiểu tư sản thì phải vạch rõ chương trình của mình, giải thích chương trình ấy có lợi những gì cho giai cấp tiểu tư sản là hạng cũng bị chế độ tư bản đẩy vào con đường phá sản. Vô sản cần phải tỏ là một lực lượng kiên quyết mạnh mẽ nhất trong cuộc cải tạo xã hội. Chương trình cải cách điền địa, bênh vực tiểu tư sản nông dân chống với địa chủ phong kiến của cựu Đế tam Quốc tế hồi sinh thời Lenin và ngày nay của Đế tứ Quốc tế chẳng phải là những phương pháp cách mạng để lôi kéo tiểu tư sản nông dân hay sao? Ông Nguyễn Khắc Viện bàn về vấn đề tiểu tư sản mà ông làm lẫn cá nhân với giai cấp. Ông ta đem Marx, Lenin liệt vào giai cấp tiểu tư sản và bảo "*nếu phải hất bỏ trí thức tiểu tư sản ra ngoài tổ chức cách mạng vô sản thì trước hết phải bỏ Marx - Engel đi.*" Những ai đã đọc thuyết mác-xít đều hiểu rằng xét một cá nhân phải xét họ đứng ở giai cấp nào trong xã hội. Hoặc họ ở giai cấp tư sản, hoặc ở giai cấp tiểu tư sản, hoặc họ ở giai cấp nông dân, thợ thuyền... Marx, Engel, Lenin sinh trưởng ở giai cấp tiểu tư sản, nhưng đã bỏ giai cấp mình mà theo giai cấp vô sản, đem cả đời sống phụng sự cho quyền lợi và nhiệm vụ lịch sử của giai cấp vô sản. Họ đã nhập hóa trong giai cấp vô sản. Những hành động và tư tưởng của họ đều là phản ánh của giai cấp vô sản. Chỉ có người nào không hiểu gì hết mới còn ý nghĩ gọi những nhà đại cách mạng ấy là "*trí thức tiểu tư sản*" mà thôi. Một người "*trí thức tiểu tư sản*" như ông Nguyễn Khắc Viện chẳng hạn, khi đã gia nhập một đảng vô sản thì phải tự coi mình là một phần tử của giai cấp vô sản. Nếu cứ khăng khăng còn tưởng mình là "*trí thức tiểu tư sản*", ấy là một hạng chỉ khoác cái áo cộng sản để phụng sự quyền lợi của một giai cấp khác với giai cấp vô sản mà thôi.

Ông Nguyễn Khắc Viện tự xưng là "*trí thức tiểu tư sản*" bênh vực chính sách xta-lin-nít. Ông ta bảo "*người cứu nhân loại khỏi nạn phát-xít không phải là Trotsky nhưng là Stalin.*" "*Trotsky ngồi viết sách ở nước ngoài dạy cách mạng thì Stalin biến cải một nước hèn yếu lạc hậu thành một nước hùng cường, v.v...*" Rất tiếc rằng ngày nay ông Nguyễn Khắc Viện mới biết nhận định "*phát-xít*" là một cái "*nạn*". Cách đây mấy năm, những ai đã có dịp quen biết ông Nguyễn Khắc Viện đều còn nhớ rằng phát-xít Đức, Nhật đối với ông

ta đâu có phải là cái "nạn"! Trái lại, ông ta chủ trương dựa vào "cái nạn" ấy để xây dựng một xã hội Đại Việt (ở chỗ này nếu chúng tôi vu cáo, yêu cầu ông Nguyễn Khắc Viện cãi chính). Chúng tôi vẫn biết hồi ấy ông Nguyễn Khắc Viện thấy các cuộc thắng trận của quân Đức mạnh mẽ nên bị quáng mắt. Nhưng cũng cần nhắc lại cho ông Nguyễn Khắc Viện còn u mê thì "*Trotsky ngồi ở nước ngoài dạy cách mạng*" đó. Chính giữa lúc ông Nguyễn Khắc Viện và nhóm quốc gia Việt Nam ở Pháp chủ trương đem người sang Đức thì những phần tử trót-kít đã tranh đấu chống lại cái chủ trương ấy (ông Nguyễn Khắc Viện hẳn chưa quên). Trotsky lên án chủ nghĩa phát-xít giữa lúc mà ông Viện tưởng nó bành trướng khắp xứ và là tương lai của nhân loại. Thử tưởng tượng hồi đó, công binh hưởng ứng với chủ trương của ông Viện thì kết quả sẽ tai hại như thế nào? Ngày nay ông Nguyễn Khắc Viện lại biết nhận định phát-xít là một cái "nạn". Đó là một điều tiên bộ đáng khen. Nhưng từ đó mà nói rằng Stalin "*cứu nhân loại*" thì thật là ngây ngô. Chống và thắng phát-xít Nhật Đức chưa phải là "*cứu nhân loại*". Vì cái họa phát-xít do chế độ tư bản gây ra vẫn còn. Nếu bảo Stalin "*cứu nhân loại*" thì cũng có thể gọi Rossevelt và Churchill "*cứu nhân loại*", vì Rossevelt và Churchill cũng đã chống và thắng phát-xít Đức Nhật. Sự thật, Stalin chỉ cứu Stalin và phái quan chế Nga do Stalin đại diện. Rossevelt và Churchill chỉ cứu Rossevelt-Churchill và chế độ tư bản mà họ thay mặt. Chống và thắng phát-xít Đức Nhật là một bước tiến, nhưng tiêu diệt hoàn toàn cái họa phát-xít, tiêu diệt hoàn toàn cái chế độ tư bản mầm mống của phát-xít, đó mới là cứu nhân loại. Việc đó Stalin đã tỏ ra phản bội, chỉ có vô sản tập trung trong một tổ chức cách mạng mới làm nổi mà thôi.

Ông Nguyễn Khắc Viện chỉ trích Trotsky "*ngồi dạy cách mạng*" nhưng ông ta quên một điều là Trotsky đã cùng với Lenin và các đồng chí bên-sê-vích lật đổ chế độ tư bản bóc lột ở Nga. Nói như thế, chúng tôi không có ý bảo rằng Trotsky có một quá khứ cách mạng thì không ai được công kích Trotsky... Không! Nếu Trotsky chủ trương một lý thuyết sai lầm, vô sản cũng cần phải bài trừ lý thuyết sai lầm ấy của Trotsky. Ông Nguyễn Khắc Viện không căn cứ vào lý thuyết. Nhưng ông chỉ căn cứ vào chỗ Trotsky chỉ "*nói*" chứ không "*làm*". Chúng tôi nhắc lại cho ông Nguyễn Khắc Viện biết rằng trước đây 100 năm Marx và Engel cũng chỉ ở nước ngoài "*ngồi dạy cách mạng*" ở Đức, Pháp (Ba Lê Công xã)... Lenin lưu lạc ở ngoại quốc bao năm cũng chỉ "*ngồi dạy cách mạng*", trong lúc những lãnh tụ của Đệ Nhị Quốc tế nắm giữ phong trào quần chúng và phản bội quần chúng. Lenin đã mang hai phần ba thời giờ của mình vào việc viết sách chống lại bọn phản bội ấy. Cùng nhờ đó mà Lenin đã đem vô sản Nga tới chỗ thành công, thiết lập Đệ tam Quốc tế, và lôi kéo vô sản thế giới bỏ bọn phản bội theo lá cờ cách mạng. "*Không có lý thuyết cách mạng thì không có cách mạng.*" Đó là câu nói của Lenin. Lẽ dĩ nhiên muốn tiến đến cách mạng thì phải có chiến thuật chiến lược, chiêu mộ quần chúng, nâng cao ý thức quần chúng, nghĩa là tùy theo hoàn cảnh của mỗi dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để dọn đường cho cách mạng, chứ không phải "ngày nào, tháng nào, xứ nào dân tộc nào cũng đồng nhất tái diễn tấn tuồng dự định như một tôn giáo" theo như ý nghĩa mà ông Nguyễn Khắc Viện định gán cho chúng tôi. Một người học A, B, C mác-xít cũng hiểu rằng, mỗi dân tộc, mỗi xứ có những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, đảng cách mạng phải nêu ra khẩu hiệu, chương trình thích hợp với xứ đó, trong khuôn khổ cách mạng thế giới. Một người học a, b, c, mác-xít cũng hiểu rằng "*khẩu hiệu chương trình hành động năm 1945 có thể khác với 1925... 1950*". Về vấn đề này, đảng bên-sê-vích Nga dưới quyền điều khiển của Lenin, Trotsky đã cho ta thí dụ thiết thực. Nhưng có một điều làm căn bản cho khẩu hiệu và chương trình của một đảng cách mạng là mục đích của nó: Mục đích lật đổ chế độ tư bản, thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa toàn thế giới. Bất kỳ chiến thuật chiến lược nào mà đi ra ngoài cái mục đích ấy đều chỉ tiến đến thất bại. Phái quan chế cầm đầu ở Nga đã từ lâu bỏ rơi cái mục đích đó. Họ cải đổi lý thuyết như chong chóng. Cho tới nay họ nêu ra khẩu hiệu "*Hai chế độ tư bản và vô sản có thể sống yên lành với nhau.*" Họ tuyên truyền cho quần chúng hiểu rằng chẳng cần chủ trương đi đến chỗ bạo động cướp chính quyền, mà chỉ cần quân đội Nga tới giải phóng. Chỗ nào không có quân đội Nga thì chỉ cần tranh đấu cầm chừng, hoặc tham dự vào

chính quyền tư bản để vận động cho chính sách ngoại giao của Nga. Họ lấy Nga làm tiêu chuẩn, chứ không lấy cách mạng làm tiêu chuẩn cho chiến thuật và chiến lược của họ. Cũng vì thế mà chiến thuật chiến lược của phái xta-lin-nít Âu châu (như ở Pháp, ở Ý, ở Hà Lan, v.v...) đã thủ tiêu cách mạng, đem phong trào quần chúng và những cuộc giải phóng thuộc địa lệ thuộc cho chính sách ngoại giao của Nga.

Ông Nguyễn Khắc Viện sẽ cãi: "Nga đã lan rộng từ Nga đến Tiệp Khắc, qua đến Quảng Châu giúp giới Việt Nam gồm 800 triệu người." Chúng tôi hiểu ông Nguyễn Khắc Viện nhìn những cuộc thắng lợi ở Liên đới và Trung Hoa như là một cuộc thắng lợi của chủ nghĩa xta-lin-nít. Chúng tôi có dịp bàn về vấn đề này. Chỉ cần nói cho ông Nguyễn Khắc Viện biết rằng: tình thế ở Trung Hoa khác hẳn với các xứ Liên đới (trừ Nam Tư và Hy Lạp) mà quân đội Nga tới "giải phóng", đặt chính quyền các xứ ấy phụ thuộc vào Kremlin. Trái lại ở Trung Hoa, đảng cộng sản và phong trào các xứ đó đã tiến triển một cách biệt lập với Kremlin. Điều này chắc hẳn đối với ông Viện không quan trọng. Nhưng đối với chúng tôi, nó là một điểm căn bản quyết định. Cũng cần nói cho ông Viện biết thêm một điều nữa là chính những cuộc thay đổi ở Liên đới và ở Trung Hoa nó đang mở đầu cho sự băng hoại của chính sách quan chế Nga đó. Phong trào các xứ nói trên sẽ không tiến triển theo như ý muốn của Kremlin mà chẳng chóng thì chày nó sẽ đi ngược lại ý muốn của họ. Ngày nay, quan chế Nga lợi dụng cuộc thắng trận Trung Hoa, Việt Nam tuyên truyền cho họ để che lấp những sự phản bội của họ ở Âu châu, họ làm cho thợ thuyền thế giới hiểu lầm, coi những thắng trận của những nước đó là công trình của Stalin. Thật ra, Stalin đang mang một trái phá chứa nặng chất nổ. Những điều chúng tôi nói đây, chúng tôi biết trước rằng ông Nguyễn Khắc Viện chẳng thèm tin. Vì từ trước tới nay, ông ta chỉ biết nhìn những cái "có" trước mắt, ông ta không khi nào hiểu nổi cái "trở nên" của mọi sự, mọi vật. Phải chờ cho cái "trở nên" đó hiện ra trước mắt, lúc ấy ông ta mới nhìn rõ. Căn cứ vào đó, chúng tôi có thể nói, ông Nguyễn Khắc Viện sẽ còn trải qua nhiều cuộc biến chuyển khác nữa.

Bên vực Stalin, ông Viện giải thích rằng nhờ có Stalin mà Nga đã "biến cải một nước hèn yếu lạc hậu thành một nước hùng cường." Với cái lý luận ấy, thảo nào mà ông ta trước đây tán phục Đức Hitler và Nhật Hirôhitô. Đối với chúng tôi, sự biến cải một nước lạc hậu thành một nước "có kỹ nghệ, trường học, nhà thương, v.v..." chưa phải là cái tiêu chuẩn để tán dương những người cầm quyền xứ đó. Cái tiêu chuẩn đáng cho giai cấp vô sản nhận xét một nước, một chính thể là quyền lợi địa vị của họ đứng trong nền sinh sản và sự tham gia điều khiển của họ về các ngành sinh hoạt trong xã hội. Chúng tôi công nhận rằng ở Nga nhờ có nền kinh tế công cộng do cách mạng tháng Mười năm 1917 để lại, nên sự sản xuất theo kế hoạch và không có mâu thuẫn như chế độ tư bản, nhờ đó mà năng lực sản xuất của Nga phát triển, và cũng bởi thế nên vô sản thế giới cần bảo vệ Nga chống với sự tấn công của đế quốc. Nhưng nền sản xuất phát triển thì quần chúng cần được hưởng thụ theo năng lực làm việc mới phải. Trái lại, ở Nga người ta thấy lương người thợ làm việc nặng nhọc ở xưởng kém lương ông Giám đốc nhà máy tới hai mươi lần. Ở Nga sinh nảy một bọn thợ lại, quan chế hàng vạn, hàng triệu ăn bám trên lưng lao động. Ở Nga, từ sau khi Lenin mất, chính quyền đã lần lần lọt vào tay bọn quan chế đó, thợ thuyền không được tham gia, thợ thuyền không có tự do dân chủ, những xu hướng đối lập đều bị diệt trừ tàn nhẫn. Chế độ xã hội chủ nghĩa theo Marx là một chế độ mà các năng khiếu của quần chúng được phát triển triệt để, trong nền cộng hòa tốt bậc. "Xã hội chủ nghĩa" đối với Stalin là một chế độ câu thúc hạn chế tàn ác. Stalin coi sự điều khiển chính quyền vô sản là độc quyền của một nhóm người chứ không phải là sự tham gia cộng hòa của quần chúng. Ông Nguyễn Khắc Viện quá yêu chuộng Stalin, nên ông không nhìn thấy những điều đó, cũng như ông không nhìn thấy rằng mặc dầu có sự giảm giá hàng từ 20 đến 25 phần trăm mà lương một người thợ không chuyên môn ở Nga lĩnh được mỗi tháng 21.815 quan trong lúc giá một cân thịt bò 2.300 quan, một chiếc chemise 4.886 quan, một bộ quần áo 79.407 quan. Tóm lại, cái lực mua của người thợ Nga rất thấp kém, và chính cái lực mua đó mới là

điều quan trọng.

Bên vực Stalin, ông Viện đặt câu hỏi: "*Nếu Stalin và các đảng xta-lin-nít phản cách mạng, các nước tư bản lại không giúp cho như Tito, mà lại tìm cách trừ khử thì sao?*" Thật là một lý luận ngây ngô và khôi hài! Ông Nguyễn Khắc Viện căn cứ vào thái độ của đế quốc để nhận xét Stalin, chứ không căn cứ vào thái độ của Stalin đối với đế quốc và đối với cách mạng. Ông Nguyễn Khắc Viện không hiểu rằng, đế quốc "*giúp*" Tito nhưng chúng chẳng thương gì Tito, cũng như trước đây chúng "*giúp*" Nga đánh Đức nhưng chúng chẳng thương gì Nga. Buôn bán vay mượn với đế quốc và đã được đế quốc cho vay mượn không phải là đi theo đế quốc. Chính ông Nguyễn Khắc Viện đã vô tình buộc tội Stalin mà ông không biết. Vì rằng những năm 1940, 1941, 1942 đế quốc Mỹ đã giúp súng ống, hàng hoá tiền bạc cho Nga đánh Đức. Sau trận giặc vừa rồi hội U.N.R.R.A. của Mỹ đã giúp máy móc nguyên liệu cho các xứ Liên đới. Đế quốc khi giúp ai tất nhiên chúng có chủ đích riêng của chúng. Căn cứ vào thái độ của đế quốc mà bảo rằng Nga Cách mạng hay Tito phản cách mạng thì thật là buồn cười. *Cái tiêu chuẩn của vô sản để nhận xét tính chất của Nga không phải là thái độ của đế quốc đối với Nga, mà chính là thái độ của Nga đối với đế quốc, đối với phong trào quần chúng và cách mạng vô sản toàn cầu.*

Bào chữa cho chính sách của Nga ở các xứ liên đới, ông Nguyễn Khắc Viện nói "*Nga ký kết với các xứ như Bảo, Lỗ, v.v. cũng có những điều không can thiệp vào công việc nội trị*" những xứ ấy, chúng tôi rất mong ông Nguyễn Khắc Viện đưa ra những bằng chứng. Chúng tôi chỉ cần nhắc cho ông Nguyễn Khắc Viện biết rằng sự can thiệp của Nga vào nền kinh tế và chính trị của những xứ đó ngày nay đã rõ rệt. Những cuộc tẩy trừ trong các đảng cộng sản Bưu, Tiệp, Ba Lan, Lỗ, v.v. đều có bàn tay của Nga nhúng vào. Về mặt kinh tế, hiện nay Nga có các nhà máy và cỗ phần trong nhiều xứ Liên đới. Sau hồi "*giải phóng*" Nga bắt Hung, Bưu, Lỗ, v.v... trả bồi thường chiến tranh bằng hàng hóa trị giá 200 triệu đô-la, tính ra chiếm đến nửa ngân khố những xứ đó trong mỗi năm. Một thí dụ: năm 1946-1947 số tiền bồi thường của Hung phải trả cho Nga chiếm tới 40,3% ngân khố xứ đó, năm 1947-48 chiếm 28,4%, đầu năm 1948 chiếm 14,5%. Ấy là chưa kể các hiệp ước thương mại mà Nga ký kết theo lối bóc lột (à tarif préférenciels) bằng cách đặt giá tiền roube của Nga rất cao, hoặc bằng cách bán giá hàng cao quá giá hàng thị trường thế giới. Thí dụ: Hiệp ước thương mại Ba Lan và Nga ký năm 1948, Ba Lan phải bán cho Nga 6 triệu tấn than giá 1,20 đô-la mỗi tấn, trong lúc theo giá thị trường thế giới mỗi tấn than trị giá từ 14 đến 20 đô-la. Tóm lại, sự giao dịch kinh tế của Nga đối với các xứ Liên đới cũng tệ như đế quốc vậy.

Ông Nguyễn Khắc Viện gián tiếp công kích chúng tôi rằng "*ở Paris mà dám dạy cách mạng cho Hồ Chí Minh, ở ngoài vô sản Pháp mà dám dạy cách mạng cho Thorez, mới xem qua vài cuốn sách mà đã muốn dạy cách mạng cho Stalin hay Mao Trạch Đông.*" Theo cái lý luận ấy của ông Nguyễn Khắc Viện, một người vô sản ở Đức chẳng hạn không được quyền công kích mấy ông lãnh tụ ở Pháp. Năm 1917, nữ chiến sĩ Rosa Luxembourg ở Đức không được quyền phê bình Lenin đang làm cách mạng ở Nga. Một người thợ Pháp chưa có tổ chức hay đã vào những nghiệp đoàn xã hội F.O., nghiệp đoàn công giáo F.C.T.F., nghiệp đoàn vô chính phủ C.N.T., nghĩa là người thợ đó không ở trong nghiệp đoàn và đảng của Thorez thì họ không có quyền phê bình Thorez. Một người thợ mới xem qua vài cuốn sách hay chưa xem cuốn sách nào cả, không được quyền công kích hay phê bình Stalin hay Mao Trạch Đông. Với cái quan niệm ấy, người ta đã thấy nó xuất hiện ở Đức quốc xã và ở những chính thể độc tài. Áp dụng nó trong phong trào vô sản sẽ gây ra một kết quả tai hại, nó chỉ dẫn vô sản đi đến chỗ bạc nhược ý lại rồi để mặc mấy ông lãnh tụ phản bội lôi kéo đi đến chỗ thất bại.

Sau khi đã dùng những lý luận hình thức mà chúng tôi đã nói ở trên, ông Viện kết luận bài báo của ông ta như sau: "*Giữa Đệ tứ và Nga (hiểu là quan chế xta-lin-nít) "Liên Việt" phải chọn lấy một, không thể kết thân với cả hai phái được.*" Câu nói ấy tóm tắt hết cả ý nghĩa bài báo của ông Viện. Lẽ dĩ nhiên ông Viện đã chọn lấy một, đó là quan chế xta-

lin-nít. Không những ông Viện đã chọn cho ông ta, mà ông ta còn muốn chọn cho cả những người hội viên trong hội *Liên Việt*. Chúng tôi chẳng lấy gì làm lạ cái thái độ đó của ông Viện. Khi mà ông ta đã nhận định rằng chủ nghĩa xta-lin-nít đang lan tràn từ Âu sang Á, bao trùm "800 triệu người", khi mà ông ta nhận định rằng đa số quần chúng hiện nay đang ở dưới quyền điều khiển của cộng sản xta-lin-nít, lẽ tất nhiên ông Viện không ngần ngại gì mà không theo khối "*mạnh nhất*" ấy. Đó là quyền tự do của ông Viện. Nhưng có một điều mà chúng tôi thấy mâu thuẫn là giữa lúc ông Viện công kích chúng tôi "*ngoài vô sản Pháp mà dạy cách mạng cho Thorez*" thì chính ông lại không dám tự nhận "*ở trong*" với Thorez để bên vực Thorez. Trái lại ông Viện lại cứ khăng khăng tự nhận ông là "***trí thức tiểu tư sản***". Về phần chúng tôi, chúng tôi nhận thấy ông Viện vẫn còn mang nặng những quan điểm "***tiểu tư sản***".

Phê bình cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" của Trần Đức Thảo*

(Hoàng Khoa Khôi)

Cách đây non hai năm Nhà xuất bản Minh Tâm tại Paris cho phát hành cuốn sách của ông thạc sĩ Trần Đức Thảo nhan đề "*Triết lý đã đi đến đâu?*" Sau đó, tờ tạp chí "*Văn hóa Liên hiệp*" tháng 5 năm 1951 đăng bài phê bình của ông Trần Thanh Xuân và bài "*Đáp anh Trần Thanh Xuân*" của ông Trần Đức Thảo. Cuộc đối luận cũng như cuốn sách của ông Thảo nêu nhiều vấn đề quan trọng, tiếc rằng ông Xuân và ông Thảo không đi tới cùng đề vạch rõ hơn quan niệm của họ. Dầu sao, những tài liệu nói trên cũng nêu ra những ý kiến căn bản, ta có thể dựa vào đó để phê bình. Trong lúc chờ mong những tài liệu mới mẻ khác, chúng tôi viết bài dưới đây, góp một vài quan điểm với ông Xuân và ông Thảo.

Cuốn sách của ông Thảo xuất bản giữa lúc chủ nghĩa mác-xít được lan rộng trong các giới Việt kiều tại Pháp. Nhưng không phải là lần đầu, Việt kiều ở đây được chứng kiến một văn kiện nói rõ về triết học mác-xít. Trước ông Thảo, ngay từ năm 1944-45, đoàn thể Công binh¹ và Nhóm trót-kít Việt Nam tại Pháp đã phát hành nhiều sách vở về học thuyết mác-xít. Lẽ tất nhiên trong giai đoạn đó, ít ai để ý tới Marx, hoặc giả có để ý thì lại coi là "*chưa hợp thời*", nên những tài liệu của Công binh và nhóm trót-kít phần nhiều chỉ lưu hành trong giới Công binh, ít lan rộng tới giới học sinh trí thức. Gia dĩ, hồi đó, có kẻ chê trách trót-kít tuyên truyền học thuyết mác-xít - học thuyết tranh đấu giai cấp - là "*chia rẽ dân tộc*", "*phá hoại đoàn kết*", v.v... Luận lý của lịch sử đã khiến thuyết mác-xít lan tràn không gì ngăn cản nổi. Ngày này, một trí thức đồ đạt cao như ông Thảo cũng lưu tâm đến thuyết mác-xít, công nhận nó là một học thuyết xây dựng tương lai cho nhân loại. Đó là một ưu điểm đáng chú ý. Nhưng công nhận thuyết mác-xít chưa đủ, còn phải hiểu cái tinh hoa và nguyên lý của thuyết ấy nữa. Điều này ông Thảo còn thiếu sót về nhiều phương diện. Cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" là bằng chứng mặc dầu như chúng tôi đã nói, tác giả chưa diễn đạt hết tư tưởng.

Đọc cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*", điều mà ai cũng chú ý trước nhất là lối hành văn tối nghĩa, trúc trắc, lê thê, của ông Thảo. Người ta có cảm tưởng đọc một bản dịch Pháp văn mà người dịch lại không thông thạo tiếng mẹ đẻ. Nhiều câu, nhiều chữ hình như chỉ ghép lại với nhau để cố diễn đạt một tư tưởng. Tư tưởng của ông Thảo, về phương diện mác-xít, lại mơ hồ lộn xộn (chúng tôi sẽ nói sau) cộng với lối hành văn không chính xác, khiến người đọc phải cố tìm kiếm mới hiểu được ý kiến của tác giả.

Đành rằng triết học là một khoa khúc chiết, và đành rằng tiếng Việt còn thiếu nhiều danh từ để cho ta diễn tả đầy đủ, nhưng chúng tôi thú thật, từ xưa tới nay, chưa được đọc một văn phẩm nào về mác-xít tối nghĩa đến thế. Thí dụ, trang 30, đoạn văn về học thuyết biện chứng của Hégel, tác giả viết:

"Thực tại nguyên thủy xuất hiện một cách trực tiếp vậy định nghĩa bằng tính vì tính là hình thức trực tiếp của thực tại trong cảm giác: mỗi vật tự nhiên có một đặc tính. Nhưng mỗi tính lại ám chỉ một cách hoạt động. Nhờ sự hoạt động đó, có vật tự nhiên xếp thành loại thành giống, vậy vật thể đã biến đổi thành những đơn vị trong các loại, những đơn vị đó có thể đo lường và kế toán theo số lượng..."

Thật là một đoạn văn xuất sắc về sự trúc trắc và tối nghĩa! Mỗi chữ, mỗi câu vừa tối nghĩa vừa lủng củng khiến cho tư tưởng không thể diễn đạt một cách tỏ tường. Lối hành văn này rải rác nhiều đoạn trong cuốn sách. Ngoài ra, người ta còn thấy tác giả luôn luôn

* "*Vô sản*", số 22 tháng 11-1952 (trên số báo này, tác giả ký tên Hà Cương Nghi)..

¹- Thợ Việt kiều qua Pháp trong thời chiến tranh vừa qua.

dùng những chữ cầu kỳ. Thí dụ đáng lẽ nói một cách thông thường "vô sản làm việc trong nhà máy" thì tác giả viết "vô sản cùng nhau lao động trong nhà máy". Đáng lẽ nói "vì đời sống không liên lạc với những điều kiện tự nhiên" thì tác giả viết "vì đời sống không chủ quan những điều kiện tự nhiên", v.v... Gia dĩ, ở một đoạn tác giả trộn lẫn "lực lượng sản xuất" và "lực lượng lao động" làm một, và ở nhiều đoạn khác tác giả dùng những danh từ thiếu nghĩa và thiếu nội dung thiết thực. Thí dụ tác giả nói: "chế độ tương đương với lực lượng sản xuất" mà không chỉ rõ chế độ nói ở đây chẳng qua là tương quan sản xuất, hay đúng hơn là tương quan tư hữu tài sản. Danh từ mác-xít cũng như danh từ khoa học, cần phải chính xác, A phải là A, B phải là B. Vẫn biết A có liên hệ với B và đôi khi bao gồm cả B, nhưng đem trộn lẫn A với B hoặc lằng lằng hai thứ làm một thì không thể nào giải thích nổi được nguyên lý của chủ nghĩa.

Dù sao, khuyết điểm về văn từ chỉ là điều phụ, tư tưởng của tác giả mới là điểm chính và khi phê bình tác giả, ta hãy ráng gạt sang một bên những cái phụ, đặng nhận xét những cái chính.

Viết cuốn "Triết lý đã đi đến đâu?", ông Trần Đức Thảo nhắm mục đích trình bày sơ lược các triết thuyết cổ, kim, Âu, Á để đi đến chỗ giải thích chủ nghĩa mác-xít là chủ nghĩa chính lý hơn cả. Nhưng ngoài mục đích này, tác giả nhắm mục đích quan trọng hơn, thiết thực hơn: đó là mục đích bênh vực chủ nghĩa xta-lin-nít. Ý kiến này biểu lộ rõ rệt trong đoạn "kết luận", tuy nhiên tác giả không hề giải thích cái "triết lý" Stalin như thế nào. Vì sự thiếu sót đó, chúng tôi không phê bình tác giả với thuyết xta-lin-nít, chúng tôi chỉ phê bình quan niệm của tác giả đối với chủ nghĩa mác-xít. Về phương diện này tác giả có nhiều khuyết điểm và sai lầm, chúng tôi lần lượt vạch ra dưới đây.

Khuyết điểm lớn nhất trong cuốn sách của ông Thảo là cách thức trình bày và phương pháp suy luận thiếu căn bản và biện chứng. Mỗi triết thuyết được trình bày, ông Thảo đều đi từ hiện tượng "ý niệm", "tư tưởng" rồi từ đó ông mới dựa theo để giải thích sự tương ứng đối với các chủ nghĩa và các chế độ xã hội. Đáng lẽ theo phương pháp duy vật, phải đi từ sự nhận định mỗi chế độ kinh tế và xã hội là nguồn gốc sinh ra ý niệm, tư tưởng, chủ nghĩa thì ông Thảo lại trình bày ý niệm, tư tưởng, chủ nghĩa như một yếu tố bao quát và qui định xã hội. Phương pháp này dẫn tác giả tới nhiều kết luận độc đáo, chủ quan và hình thức. Thí dụ trang 55, tác giả viết:

"Những ý niệm trừu tượng Âu Tây biểu lộ đời sống trường giả phân ly với tự nhiên, có giá trị trong thời đại trường giả cấp tiến, và đã đưa đến địa vị chủ quan lực lượng vật chất, bây giờ lại biến đổi thành nguồn thất vọng, vì chính sự phân ly trừu tượng đó lại không cho người Âu Tây hưởng thụ đời sống tự nhiên..."

"Đông phương không qua giai đoạn trường giả thông trị vậy cũng không có tư tưởng trừu tượng, vậy bây giờ nhờ chủ nghĩa mác-xít, lại có cách thực hiện khoa học trong phạm vi cụ thể. Tư tưởng Đông phương từ xưa đến nay không phân ly vật thể và tinh thần, tự nhiên và ý niệm, vậy hiểu một cách dễ dàng phương pháp duy vật biện chứng, trưng bày cuộc biến chuyển từ vật sinh tâm. Chủ nghĩa mác-xít tương phản với hình thức văn minh Âu Tây, đã gặp nội dung thiết thực ở Đông phương, mà Đông phương trở nên cách mệnh lại gặp trong hình thức mác-xít một cách phục hưng tinh thần cựu truyền trên lập trường nhân bản phổ biến..."

"... cách mệnh vô sản có nhiệm vụ tích cực là kiến thiết đời sống mới và giải phóng toàn thể xã hội. Ý nghĩa đó biểu lộ đặc biệt trong cách mệnh Tàu và cách mệnh ta, chứng tỏ rằng chủ nghĩa mác-xít là dây liên hiệp toàn dân phân để kiến quốc..."

Rồi ông Thảo kết luận:

"Tư tưởng Âu Tây hoàn toàn hư nát, vì giai cấp trường giả [tác giả quên hẳn giai cấp vô sản] hết tương lai, chỉ còn là cố gắng duy trì một đời sống vô ý nghĩa bằng những phương tiện thoái bộ đã man. Đông phương thực hiện chủ nghĩa mác-xít đã thành một khối dân chủ thống nhất 700 triệu người từ Đông Âu đến Thái Bình Dương, sống một đời chứa chan hy vọng..."

Trong bài "*Đáp lại anh Trần Thanh Xuân*", tác giả nói thêm:

"*Âu Tây tuy có dĩ vãng vẻ vang, nhưng từ lâu đã đi vào con đường trụy lạc, mà bây giờ đã đến giai đoạn tiêu tán. Đông phương là khối phát triển của nhân loại tương lai...*"
(Tất cả những chú gạch là do chúng tôi).

Nói tóm tắt, theo tác giả, Âu Tây đã hết thời, vì "*tu tưởng*" Âu Tây hoàn toàn hư nát, tương phản với chủ nghĩa mác-xít, nên "*không cho người Âu Tây hưởng thụ đời sống tự nhiên*". Đông phương mới là "*khối phát triển của nhân loại tương lai*" vì "*tu tưởng*" Đông phương tương hợp với chủ nghĩa mác-xít.

Rõ ràng tác giả đi từ hiện tượng "*tu tưởng*" - *tu tưởng* rỗng không, *tu tưởng* thuần túy, không nội dung giai cấp - để đánh giá xã hội Đông phương, xã hội Âu Tây, đánh giá con người, và nhận định ảnh hưởng mác-xít đối với con người, đối với xã hội. *Tu tưởng* Đông phương mà ông Thảo nói đây là gì, nếu không phải là Đạo Giáo, Phật Giáo, Khổng Giáo, v.v... mà ông đã trình bày trong cuốn sách? "*Ý niệm*" Âu Tây là gì, nếu không phải là ý niệm *tu bản*? *Tu tưởng* Đông phương tiêu biểu cho Phật Giáo, Đạo Giáo, Khổng Giáo, v.v... cũng như ý niệm Âu Tây tiêu biểu cho *tu bản*, thực ra, chỉ là *tu tưởng* và ý niệm của một thời đại, của một giai cấp nhất định. *Tu tưởng* hay ý niệm đó đều có một chỗ giống nhau là nó tiêu biểu cho giai cấp bóc lột¹. Chủ nghĩa mác-xít là chủ nghĩa cách mạng tiêu biểu cho giai cấp bị bóc lột; lẽ tất nhiên tương phản với hết thảy những trào lưu *tu tưởng* tiêu biểu cho những giai cấp và thời đại - đầu Đông đầu Tây - mà lịch sử đã lên án.

Ông Thảo sẽ cãi "*tu tưởng Đông phương*" mà ông nói ở đây chỉ là *tu tưởng* quần chúng. (Tiếc rằng khi ông nói ý niệm Âu Tây, ông lại viết "*ý niệm biểu lộ đời sống trường giả*"). Vậy, theo tác giả, *tu tưởng* quần chúng Đông phương "*không phân ly vật thể với tinh thần*" nên dễ am hiểu thuyết mác-xít! Nhưng thử hỏi "*tu tưởng*" là gì? Marx đã dạy *tu tưởng* là phản ánh của những điều kiện vật chất nhập vào óc con người.

Xét theo phương diện đó thì xã hội Âu Tây có những điều kiện vật chất cao hơn Đông phương, khoa học phát triển nhiều hơn Đông phương, quần chúng nhờ khoa học² am hiểu dễ hơn quần chúng Đông phương. Trái lại, quần chúng Đông phương *tu tưởng* bị những lễ nghi tập quán đạo giáo ràng buộc khó hấp thụ được học thuyết mác-xít là học thuyết khoa học. Thí dụ như các lễ nghi đạo giáo ở Ấn Độ³ là một cản lực lớn cho sự thâm nhập chủ nghĩa mác-xít.

Nhưng vì sao mà chủ nghĩa mác-xít lại lan tràn nhanh chóng ở Đông phương? Không phải vì "*tu tưởng Đông phương không phân ly vật thể với tinh thần*" như ông Thảo nói. Mà chính vì nền kinh tế và xã hội ở Đông phương có sự phát triển hiệp đồng do ảnh hưởng Âu Tây đưa lại. Sự phát triển hiệp đồng đó - một bên là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, một bên là những hình thức sản xuất tiên tiến do *tu bản* Âu Tây đột nhập đột nhập - đã làm phát sinh hiện trạng: một bên là chế độ áp bức duy trì theo lối phong kiến, với những lễ nghi, tục lệ, đạo giáo ràng buộc; một bên là cuộc tranh đấu của vô sản nảy nở trong các hầm mỏ, nhà máy (do *tu bản* xây dựng), cộng thêm với cuộc tranh đấu cách mạng của dân cày đòi đất ruộng. Chế độ càng áp bức bao nhiêu thì cuộc tranh đấu cách mạng của vô sản và dân cày càng gay gắt bấy nhiêu. Nhờ sự phát triển hiệp đồng, vô sản và dân cày trong cuộc tranh đấu thâm nhập một cách dễ dàng chủ nghĩa mác-xít là chủ nghĩa vạch đường lối giải phóng cho họ. Như vậy, chính sự phát triển hiệp đồng làm nảy nở mau chóng tinh thần cách mạng quần chúng, tinh thần này gặp gỡ thuyết mác-xít, đã trở thành một trào lưu *tu tưởng* mạnh mẽ không gì ngăn hãm nổi.

Đáng lẽ tìm nguyên nhân sự bành trướng của thuyết mác-xít trong những điều kiện thiết thực của nền kinh tế và xã hội, ông Trần Đức Thảo lại đi tìm ở "*tu tưởng Đông phương*" một cách triu tượng; không những thế ông lại đem đối lập với "*ý niệm Âu Tây*"

¹- Marx chẳng nói *tu tưởng* xã hội là *tu tưởng* giai cấp điều khiển xã hội ư?

²- Thuyết mác-xít chẳng là thuyết khoa học ư?

³- Ở Ấn Độ có hơn 300 thứ đạo.

mà ông coi đó là "hoàn toàn giải tán", "hư nát", v.v... Nhưng ông Thảo quên một điều nhỏ: trong xã hội Âu Tây mà ông nói đó, ngoài giai cấp tư bản hư nát, còn một giai cấp cách mạng là giai cấp vô sản, tương trưng cho những giá trị mới mẻ, đang tranh đấu kiến tạo một đời sống đầy ý nghĩa. Những người này rất dễ thấm nhuần chủ nghĩa mác-xít - và nhờ đời sống chung đụng với những điều kiện khoa học thiết thực của chế độ tư bản, họ có một trình độ giác ngộ cao hơn hay ít ra cũng ngang hàng với quần chúng Đông phương. Sở dĩ họ chưa nổi dậy cách mạng được như Đông phương là vì những điều kiện xã hội và lịch sử do cuộc tranh đấu chưa cho phép, chứ không phải vì "ý niệm Âu Tây hoàn toàn giải tán", "hư nát".

Nếu "Đông phương" hiện nay "làm gương" về kinh nghiệm cách mạng, thì một ngày kia - và ngày ấy không xa - "Âu Tây" sẽ "làm gương" về sự thực hiện xã hội chủ nghĩa. Lenin trong "Áu trĩ Cộng sản" đã viết: "Đừng quên rằng, khi một cuộc cách mạng thành công ở một nước tiên tiến - dầu rằng chỉ một nước thôi - một cuộc thay đổi lớn lao sẽ xảy ra, Nga Xô lúc đó không còn là một nước gương mẫu nữa mà sẽ là một nước hậu tiến (xét về phương diện chính quyền vô sản và xã hội chủ nghĩa)"¹.

Ông Trần Đức Thảo vì nhận định hình thức nên chỉ nhìn thấy cái trước mắt mà không thấy cái sắp tới. Ông thấy trong hiện tại Đông phương có cách mạng mà Âu Tây chưa có, ông liền vội kết luận "Âu Tây đi vào con đường truy lạc", "tương phản" với mác-xít và gì gì nữa. Còn Đông phương mới là "khởi phát triển của nhân loại trong tương lai" và mới thực hiện được "cách mạng vô sản có nhiệm vụ tích cực"².

Ở đây cũng cần nhắc lại rằng năm 1947 ông Thảo lại kịch liệt chống thuyết cách mạng thường trực của Trotsky chủ trương cách mạng vô sản ở Việt Nam và Đông phương. Trong một bài báo nhan đề "Vấn đề Việt Nam dưới con mắt phái trót-kít" đăng ở tạp chí "Les Temps Modernes" ra tháng 6-47 (tờ "Văn hóa Liên hiệp" số 15, tháng 7-1949 đã dịch đăng nguyên văn), ông Thảo viết:

"Quan niệm của phái trót-kít về "cách mạng thường trực" lặp lại hình thức tiến triển của cách mạng Nga, không thể áp dụng được ở một cuộc cách mạng nào, hiện có hoặc sẽ nổ ra, ở các thuộc địa..."

"Nếu vô sản Việt Nam nắm chính quyền, hành động của họ cũng chỉ là tượng trưng, nhất là họ sẽ bị đè bẹp ngay." (Chúng tôi chú gạch).

Ngày nay, trong cuốn "Triết lý đã đi đến đâu?" ông Thảo lại viết:

"Cách mạng vô sản có nhiệm vụ tích cực là kiến thiết đời sống mới và giải phóng toàn thể xã hội. Ý nghĩa đó biểu lộ đặc biệt trong cách mạng Tàu và cách mạng ta, chúng tỏ rằng chủ nghĩa mác-xít là giây liên hiệp toàn dân phân để kiến quyết." (Chúng tôi chú gạch).

Tất nhiên, chúng ta nên hiểu ông Thảo tháng 6-47 khác với ông Thảo tháng 5-51, nghĩa là sau thời kỳ Mao Trạch Đông đã nắm chính quyền bên Trung Hoa!

Như trên đã thấy, sự sai lầm của tác giả là do quan niệm đặt "tu tưởng" làm yếu tố chính; sự nhận xét những điều kiện vật chất, những điều kiện xã hội, tác giả coi là phụ. Suốt trong cuốn sách, lúc nào tác giả cũng đi từ "ý niệm", "tu tưởng" làm căn bản; những nhận định về điều kiện kinh tế và xã hội, trong đó "ý niệm", "tu tưởng" phát sinh, tác giả chỉ lướt qua, hoặc giả nhiều đoạn không hề nói tới³. Lấy cái chính làm cái phụ, lấy cái phụ làm cái chính, tác giả đã cho ta cái cảm tưởng một người đi lộn đầu xuống đất, tự nhiên, nhìn mọi vật xung quanh đều đảo lộn hết thấy.

¹- "Áu trĩ Cộng sản", chương nhất, mục "Ảnh hưởng quốc tế của cách mạng Nga phải hiểu trong ý nghĩa nào?"

²- Trong bài "Đáp lại anh Trần Thanh Xuân", ông Thảo nói "học thuyết mác-xít áp dụng phổ biến và cách mạng vô sản sẽ giải phóng nhân loại; Âu Tây ở trong nhân loại vậy tự nhiên là phải áp dụng học thuyết mác-xít". Câu này chỉ là một lý luận có tính cách ngụy biện, bào chữa chứ không phải ý kiến thực sự của tác giả đã viết trong cuốn "Triết lý đã đi đến đâu?" mà chúng tôi trích ở trên. Hơn nữa, câu đó cũng chỉ có nghĩa ông Thảo coi cách mạng vô sản ở Âu châu là một điều xa xôi, xảy ra ở một thế hệ tương lai nào đó.

³- Thí dụ như nhận định về mác-xít, tác giả đã quên hẳn thuyết "giá trị" và những điều kiện xã hội phát sinh ra mác-xít.

Để giúp tác giả một phương pháp nhận định theo lối duy vật biện chứng, thiết tưởng cần nhắc lại câu của Engels như sau:

"*Chính cái kiến trúc kinh tế của xã hội, rút cục mới là căn bản thiết thực cho ta nhận định tất cả cái thượng tầng kiến trúc về chính trị, luật pháp cũng như tư tưởng đạo giáo và triết lý của mỗi giai đoạn lịch sử.*" ("*Anti Duhring*").

Và Marx cũng viết:

"*Ta không thể giải thích những sự biến chuyển xã hội bằng tư tưởng của xã hội, nhưng ta phải giải thích tư tưởng xã hội bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột giữa lực lượng sản xuất và tương quan sản xuất.*" ("*Contribution à la critique de l'économie politique*").

Nhà thực sĩ Trần Đức Thảo, trái lại, đem "tư tưởng" đặt trên mọi sự vật ngoài thời gian và không gian để đi đến kết luận tư tưởng Âu Tây "đi vào đường trượt", "tương phản" với thuyết mác-xít, chỉ có tư tưởng Đông phương mới "thực hiện được chủ nghĩa mác-xít" và chỉ có Đông phương mới là "khởi phát triển của nhân loại tương lai"! Tác giả, rút cuộc, đã đem quan niệm duy tâm bệnh vực triết lý duy vật của Marx.

Khuyết điểm thứ hai, không kém phần quan trọng, là sự trình bày thiếu sót của tác giả về học thuyết mác-xít. Sự thiếu sót ấy ông Trần Thanh Xuân đã nêu rõ trong bài phê bình. Đó là vấn đề "phá bỏ giai cấp". Ông Xuân viết:

"*Hiện tượng giai cấp đã có một bắt đầu tất phải có một chấm dứt. Tác giả chỉ nói quá khứ bắt đầu mà không nói triển vọng chấm dứt, nên không đánh giá đúng nhiệm vụ của giai cấp vô sản, nghĩa là không đánh giá đúng ý nghĩa của triết lý mác-xít.*"

Câu phê bình rất đúng! Nhưng ông Xuân không tìm hiểu vì sao tác giả lại thiếu sót một điểm quan trọng như thế? Sự thiếu sót đó không phải là điều tình cờ mà chỉ là do phương pháp nhận định của tác giả sai lầm từ căn bản. Như trên đã nói, tác giả chỉ chú trọng "tư tưởng" mà khinh thường những điều kiện kinh tế và xã hội, căn bản của tư tưởng. Bởi vậy đoạn nhận định về thuyết mác-xít (trang 42-43), tác giả quên hẳn *thuyết thặng dư giá trị* của Marx. Tác giả quên rằng, nếu thuyết *duy vật sử quan* đã giúp Marx khám phá ra *luật tranh đấu giai cấp*, thì thuyết *thặng dư giá trị* đã cho Marx giải thích những điều kiện thiết thực để *phá bỏ giai cấp, phá bỏ tư sản, thực hiện xã hội cộng sản*. Bàn về sự quan trọng của *thuyết thặng dư giá trị*, Engels viết:

"*Sự khám phá được thuyết thặng dư giá trị là công trình quyết định của sự nghiệp Marx. Nó đã đem lại một ánh sáng chói lọi cho vấn đề kinh tế mà những nhà xã hội đang đi mò trong đêm tối. Nó mở đầu cho thuyết xã hội chủ nghĩa và thuyết xã hội chủ nghĩa đã thành lập chung quanh nó.*" ("*Anti Duhring*")

Không nhắc tới triết lý "*thặng dư giá trị*" của Marx, tất nhiên ông Thảo không đề cập được vấn đề phá bỏ giai cấp (nghĩa là phá bỏ tư sản). Và nếu ông có đề cập cũng chỉ có thể nói một cách mơ hồ không đem lại một nội dung thiết thực.

Ông Thảo sẽ cãi, một cuốn sách nhỏ không thể nói hết mọi chuyện. Chẳng ai bắt buộc tác giả phải ôn lại năm, bảy pho sách "*Tư bản luận*" của Marx. Nhưng ít ra tác giả cũng phải đề cập bằng một vài hàng chữ - *cái nguyên lý kinh tế căn bản đó*. Vì thiếu nó, thuyết mác-xít khác chi một thân thể có da thịt mà không xương? Khuyết điểm đó không thể tha thứ.

Ở đây, cũng cần nói thêm trong bài "*Đáp lại anh Trần Thanh Xuân*", tác giả có đính chính "*bãi bỏ hết đặc quyền giai cấp*" như thế tức là "*bãi bỏ giai cấp*". Tác giả trách ông Xuân "*gây chữ*", và viện thêm một bằng cứ: "*Trong bài tôi [tác giả] viết bằng tiếng Pháp đã in từ năm năm nay, tôi cũng đã đặt ý niệm vô giai cấp là trình độ tối thượng của nhân loại.*" Lấy một bài báo viết từ năm năm (?) để chứng thực quan niệm trình bày trong cuốn sách hiện tại kể cũng là một điều kỳ cục! Bào chữa ý nghĩa "*phá bỏ giai cấp*" bằng câu "*phá bỏ đặc quyền giai cấp*" lại càng kỳ cục hơn nữa. "*Phá bỏ đặc quyền giai cấp*" không phải là phá bỏ giai cấp. Thật vậy, trải qua các giai đoạn lịch sử, người ta đã thấy nhiều lần các cuộc cách mạng nổi lên "*phá bỏ đặc quyền giai cấp*" nhưng không phá bỏ được giai

cấp chỉ vì một lẽ giản dị *hình thức sinh ra giai cấp là hình thức tư sản* chỉ thay đổi chứ không bị phá bỏ. Thí dụ thời đại quân chủ phong kiến, cách mạng trường giả nổi dậy phá bỏ đặc quyền giai cấp vua chúa, địa chủ nhưng vẫn duy trì hiện trạng giai cấp. Theo nguyên lý mác-xít, quan niệm phá bỏ giai cấp là quan niệm không thể nào thực hiện được trong những thời đại tiền tư bản, nghĩa là thời đại mà lực lượng sản xuất chưa cho phép người ta thực hiện. Ngay tới lúc vô sản làm cách mạng, trong giai đoạn đầu - giai đoạn giao thời từ xã hội tư bản đến xã hội cộng sản - xã hội vẫn còn giai cấp. Mặc dầu vô sản đã phá bỏ hết *đặc quyền giai cấp* trường giả, tư bản (tịch thu nhà máy, đất ruộng v.v...) nhưng vô sản vẫn còn phải tự mình đứng thành một giai cấp cầm quyền. Hơn nữa, lúc đó những hình thức sinh ra tư sản còn duy trì ở khắp các ngành trong xã hội. Xã hội phải trải qua một cuộc tranh đấu gay go, lâu dài mới tiến được tới chỗ *phá bỏ giai cấp*.

Lenin viết:

"Phá bỏ giai cấp không những là đánh đuổi địa chủ và tư bản - điều này khá dễ - nhưng còn phải thủ tiêu những tiểu tư sản. Mà hạng này không thể đánh đuổi, không thể đè bẹp, ta phải thuận hòa với họ. Rồi ta biến chuyển họ, thay đổi họ, trải qua một công cuộc hoạt động tổ chức chậm chạp, bền bỉ..."

"Thắng bọn đại tư sản dễ dàng một trăm ngàn lần hơn thắng bọn tiểu tư sản mà hành động ngấm ngấm hàng ngày sẽ tái tạo tư bản và thực hiện những kết quả mà tư bản mong đợi."

Như vậy, dù tỏ vô sản *"phá bỏ đặc quyền giai cấp"* thì dễ nhưng *"phá bỏ giai cấp"* mới khó. Mà phá bỏ giai cấp là gì? Rút cục là *xóa bỏ mọi quyền tư hữu tài sản*. Xã hội chỉ tiến tới chỗ *phá bỏ mọi quyền tư hữu tài sản*, khi nào mỗi người trong xã hội thấy cái quyền đó vô dụng - nghĩa là khi xã hội thừa thãi vật dụng, ai cũng được hưởng thụ ngang nhau, không phân biệt quyền lợi, đẳng hạn -. Muốn đi tới một xã hội như thế, vô sản cầm quyền trong một xứ, không những phải tìm mọi cách tăng gia triệt để lực lượng sản xuất mà điều cần thiết là phải làm cho cách mạng vô sản *lan rộng trong phạm vi vô sản hoàn cầu*¹.

Những điều nói trên là A, B, C của chủ nghĩa mác-xít. Ông Thảo thực ra, dùng chữ mà không hiểu nội dung của chữ, nhận định chủ nghĩa mà lại quên căn bản của chủ nghĩa. Tác giả nêu vấn đề *"phá bỏ giai cấp"* nhưng lại không giải thích những điều kiện thiết thực là điều kiện kinh tế và xã hội giúp người ta đi đến sự xóa bỏ. Thành ra chỉ đặt vấn đề nhưng vô phương pháp để giải quyết vấn đề. Tóm lại, ông Thảo nói tới phần *"tư tưởng"* của Marx, nhưng lại vứt bỏ phần nội dung thiết thực, căn bản của tư tưởng. Vô tình, ông đã đem tinh thần duy tâm hòa trộn với đặc tính duy vật của học thuyết mác-xít.

Một khuyết điểm quan trọng nữa trong sự nhận định, tác giả thiếu hẳn những tiêu chuẩn chính xác, căn bản. Người đọc có cảm tưởng tác giả biện luận như một kẻ không chiều hướng nhất định.

Bản về Lão Tử, tác giả viết:

"Đạo Giáo tiêu biểu cho hạng nông phu, hiểu đoán trong phạm vi nông nghiệp, theo cái kinh nghiệm của một đời sống trực tiếp với sinh khí tự nhiên của cây cỏ và động vật, những ý kiến phổ biến của xã hội mới." (Chúng tôi chú gạch)

Mấy dòng chữ nói trên, tác giả có ý nói Đạo Giáo là tương quan trực tiếp giữa nông phu và sinh khí tự nhiên mà phát sinh. *Cái tiêu chuẩn ở đây là tương quan giữa người với tự nhiên.*

Nhưng trong bài *"Đáp lại anh Trần Thanh Xuân"*, tác giả lại viết:

"Vì chủ nghĩa mới bao giờ cũng phát sinh ở bên cách mệnh, thành ra tôi đã nói rằng Đạo Giáo tiêu biểu cho hạng nông phu. Nhưng lúc in xong, tôi đọc lại (sic!) thì thấy nói vậy chưa đủ. Vậy nhân dịp đây tôi giải thích thêm, là những lực lượng canh

¹- Ý niệm phá bỏ giai cấp của Marx không đặt đề trong phạm vi quốc gia như thuyết *"xã hội chủ nghĩa trong một xứ"* của Staline. Marx bao giờ cũng đặt ý niệm ấy trong phạm vi *cách mạng vô sản toàn cầu*.

nông ngày ấy phải trải qua trường giả mới có giá trị phổ biến. Vậy tuy căn bản sâu xa vẫn là công trình tạo tác của nông phu, nhưng về hình thức thì tư tưởng Đạo Giáo tiêu biểu cho hạng trường giả ở thôn quê, làm giàu bằng cách cho vay lãi. Những lực lượng tự nhiên mà Đạo Giáo cho là phương tiện giải phóng nhân loại, chính là một cách tượng trưng và hưởng thụ sự triển khai của số vốn để ra lãi rồi cứ thế tăng lên mãi.
(Những chỗ chú gạch là do chúng tôi)

Ở đây tác giả cho rằng Đạo Giáo "tiêu biểu cho hạng trường giả ở thôn quê làm giàu bằng cách cho vay lãi", "chính là một cách tượng trưng và hưởng thụ sự triển khai của số tiền vốn để ra lãi". Tóm lại, theo tác giả, Đạo Giáo là do tương quan giữa hạng trường giả cho vay và kẻ dân chúng đi vay, giữa số tiền vốn và tiền lãi. *Cái tiêu chuẩn mà tác giả nhắm là tương quan giữa người và người, giữa điều kiện vật chất (tiền vốn) và điều kiện vật chất (tiền lãi).*

Đi từ hai tiêu chuẩn khác nhau, tất nhiên kết luận phải khác nhau và trái ngược nhau. Bữa trước tác giả nói "Đạo Giáo tiêu biểu cho nông phu", bữa sao tác giả bảo "tiêu biểu cho trường giả". Ít lâu sau "đọc lại" hẳn rằng tác giả sẽ khám phá ra một giai cấp nào khác nữa, và cứ thế sẽ không đâu là bờ bến.

Sự mâu thuẫn đó chính là phản ảnh tư tưởng hỗn độn của tác giả, vì tác giả không có đường lối, không có lập sở vững chắc, nhất định. Từ chỗ thiếu lập sở, tác giả dễ khuynh theo những sự nhận định độc đoán. Để chối cãi Đạo Giáo không phải là do đại phong kiến, tác giả tìm ra lý luận:

"Đời Lão Tử là đời cách mạng phá đại phong kiến, đi đến chỗ quân chủ độc đoán. Vậy bọn đại phong kiến là hoàn toàn phản động chỉ có thể duy trì hình thức cũ chứ không thể nào sáng kiến được tư tưởng mới vì chủ nghĩa mới bao giờ cũng phát sinh bên cách mệnh." (Ý tác giả nói phát sinh bên trường giả)

Tiếc rằng lịch sử Trung Quốc không có sự phân chia ranh giới rõ ràng giữa phong kiến và trường giả để chứng lý cho tác giả. Cho đến thời kỳ cận đại, trường giả Trung Hoa đã không phân biệt hẳn với phong kiến như người ta đã thấy ở các xứ Âu Tây, trái lại họ đã hòa trộn với phong kiến. Chính vì lý do đó mà cuộc cách mạng trường giả năm 1911 ở Trung Hoa đã bất lực đi tới cùng để giải quyết những nhiệm vụ mà cách mạng trường giả Âu Tây đã thực hiện. Và cũng vì lý do đó mà chế độ của Tưởng Giới Thạch đã thối nát ngay từ khi bắt đầu thành lập.

Đạo Giáo, thực ra phát sinh trong chế độ phong kiến, tượng trưng cho bọn đại địa chủ phong kiến. Nếu trường giả dựa vào Đạo Giáo, điều ấy chẳng lạ, vì lịch sử đã cho ta thấy nhiều thuyết lý duy tâm vẫn được giai cấp trường giả sùng bái để che lấp vai trò bóc lột của họ.

Dĩ nhiên, tư tưởng cách mạng không khi nào lại phát sinh do giai cấp cũ phản động. Nhưng tư tưởng "mới" không nhất thiết lúc nào cũng là tư tưởng cách mạng. Thí dụ trong thời đại hiện nay, người ta thấy biết bao tư tưởng, chủ nghĩa "mới", nhưng chỉ "mới" về hình thức mà không "mới" về nội dung. Rút cục "mới" ấy cũng là "cũ"! Chủ nghĩa hiện sinh của Sartre, mặc dầu chống tôn giáo và chống gì gì nữa, nhưng đâu phải là chủ nghĩa cách mạng. Chủ nghĩa cách mạng là chủ nghĩa tiêu biểu những giá trị mới, xung khắc với chế độ cũ, không phải chỉ là một vài phương diện phụ thuộc mà xung khắc trên những điểm căn bản. Chẳng ai có thể giải thích Đạo Giáo của Lão Tử là xung khắc với chế độ của thời đại phong kiến.

Lại nữa, sự biến chuyển của lịch sử - nhất là về phương diện tư tưởng - không diễn ra như máy móc. Giữa giai đoạn trước và giai đoạn sau đều có những mối liên hệ chằng chịt. Đứng về phương diện nhận định lịch sử xã hội theo phạm vi tổng quát, phổ biến, ta có thể nói rất nhằm lý rằng mỗi lần hạ tầng cơ sở (chế độ kinh tế, xã hội) thay đổi thì thượng tầng kiến trúc (tư tưởng, chủ nghĩa, tôn giáo v.v...) cũng biến chuyển. Nhưng đó là *nhận xét lịch sử trên phạm vi tổng quát, phổ biến* còn trong sự biến chuyển từ chế độ trước đến chế độ sau (chế độ kế cận) vẫn có sự chênh lệch, bắt đầu giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến

trúc. Cũng vì lẽ đó mà ta thấy nhiều chủ nghĩa vẫn được duy trì và củng cố, trải qua các giai cấp. Tác giả có thể viện lẽ gì để chứng thực Đạo Giáo của Lão Tử, nếu do đại phong kiến thì xung khắc với tinh thần trường giả?

Không hiểu cuộc phát triển biện chứng và phức tạp của lịch sử, ông Thảo *muốn phủ nhận những giá trị cũ, nhưng lại bắt lực quan sát giá trị nào là giá trị mới, bắt lực phân biệt tương quan giữa chủ nghĩa và thời đại, giữa chủ nghĩa và giai cấp*. Khuyết điểm này biểu lộ trong nhiều đoạn của cuốn sách của tác giả, khiến tác giả đứng trên lập sở chủ quan và hình thức để kết luận một cách độc đoán sai lạc. Ngoài khuyết điểm kể trên do sự thiếu lập sở vững chắc, tác giả còn khuyết điểm này nữa, không kém phần quan trọng, do sự hỗn độn tư tưởng. Đó là tác giả đã nhầm lẫn sự thể khách quan và lý thuyết cùng nguyên vọng chủ quan. Sự lầm lẫn này ông Trần Thanh Xuân đã vạch trong bài phê bình. Thí dụ, trang 43, tác giả viết:

"Phải thiết lập một chế độ tương đương với lực lượng sản xuất, và bảo đảm thực tế sự điều hòa trong đời sống. Đó là nguyện vọng của các nhà cách mệnh và chính trị từ đời thượng cổ (sic.) nhưng bất thành công."

Trong bài "Đáp lại anh Trần Thanh Xuân", tác giả giảng:

"Anh Xuân nói rằng những cuộc cách mạng đời xưa cũng làm cho chế độ xã hội tương đương với lực lượng sản xuất, vậy không phải là "bất thành công". Đó là chỉ chú ý đến một phần câu tôi viết. Vì tôi đã viết rõ ràng phải "bảo đảm thực tế sự điều hòa": như vậy cũng đủ là "bất thành công" vì những xã hội ngày trước chưa bao giờ có điều hòa. Và cái tương đương tôi nhắm lại chính là cái tương đương thiết thực, vĩnh viễn, thì mới bảo đảm được sự điều hòa chứ không phải cái tương đương ngoại diện của các chế độ dĩ vãng, chỉ được một lát rồi lại bị lực lượng sản xuất tràn qua: vậy cũng phải là "bất thành công".

"Lực lượng ta nhắm đây là lực lượng lao động trong phạm vi phổ biến chứ không phải là lực lượng lao động trong phạm vi giai cấp thống trị và trong quá khứ không bao giờ có một chế độ tương đương với lực lượng lao động trong phạm vi phổ biến: bằng chứng là bao giờ cũng bị những lực lượng này đánh đổ. Nghĩa là trong lúc trường giả và phong kiến tranh giành quyền lợi, những lực lượng sâu xa của lịch sử lại là những lực lượng lao động, là lực lượng nhân loại. Những kết quả của cách mệnh trường giả cũng là nhờ lao động, nhưng đối với lao động và nhân loại là "bất thành công" vì những lực lượng lao động lại đi xa hơn thế." (Những chỗ chú gạch do chúng tôi)

Tóm tắt, tác giả nói: "nguyện vọng của các nhà cách mệnh và chính trị từ đời thượng cổ" là "thiết lập một chế độ tương đương với lực lượng sản xuất và bảo đảm thực tế sự điều hòa đời sống". Nhưng "bất thành công" vì họ không thực hiện được một cái "tương đương, thiết thực, vĩnh viễn" (giữa lực lượng sản xuất và chế độ xã hội) để "bảo đảm được sự điều hòa" cho xã hội. Cái "tương đương" trong các chế độ dĩ vãng đều bị lực lượng sản xuất tràn qua. Mà "lực lượng sản xuất là lực lượng của lao động", vậy đối với lao động cũng lại là "bất thành công".

Thực không còn một sự lộn xộn tư tưởng nào hơn.

1. Về phương diện khách quan, tác giả nhận định lịch sử, không đặt lịch sử trong không gian và thời gian. Ông ta nhắm cái "tương đương vĩnh viễn", cái điều hòa tuyệt đối, trong lúc lịch sử ở trong những giai đoạn (nô lệ, phong kiến v.v...) chưa có những điều kiện thực hiện. Tác giả quên quan niệm Duy Vật Sử Quan của Marx là một quan niệm biện chứng. Marx không coi một "tương đương" nào từ trước tới nay là vĩnh viễn, một chế độ nào là trường cửu. Theo Marx, mỗi lần lực lượng sản xuất biến đổi trở nên mâu thuẫn với tương quan sản xuất (chế độ xã hội) thì xã hội muốn được điều hòa phải có một cuộc cách mạng phá bỏ hình thức tương quan sản xuất cũ để thiết lập hình thức tương quan sản xuất mới, "tương đương" với lực lượng sản xuất. Cái "tương đương" đây, phải coi là tương đương tạm thời. Sự điều hòa đây, phải coi có ý nghĩa tương đối. Cuộc cách mạng đây - một

khi đã biến đổi được tương quan sản xuất - có thể gọi là thành công (thí dụ cách mạng trường giả Pháp 1789 chống quân chủ phong kiến đã thành công).

Ông Thảo cãi rằng "*thành công*" mà ông muốn nói là đối với lao động kia! Ông viện có "*lực lượng sản xuất là lực lượng lao động*" mà lực lượng lao động lại "*đi xa hơn thế*". Cho nên đối với lao động là "*bất thành công*".

Thực là nói chữ mà không hiểu nghĩa! Trước nhất cần nhắc cho tác giả biết rằng, giai cấp lao động chỉ mới có từ ngày phát sinh trường giả. Ở thời đại nô lệ chẳng hạn, chưa có lao động. Lực lượng sản xuất hồi đó do nô lệ làm ra (chứ không phải lao động), tương quan sản xuất hồi đó là giữa chủ nô và nô lệ. Khi lực lượng sản xuất biến đổi, phát triển, tương quan sản xuất ấy cũng biến đổi theo, cái "*tương đương*" lúc đó phải nhường chỗ cho cái "*tương đương*" mới. Nhưng lúc đó chưa có giai cấp lao động, như vậy không thể nêu ra lý luận "*lao động đi xa hơn thế*" như tác giả đã nói. Duy vật sử quan của Marx dùng để giải thích lịch sử nhân loại từ xưa đến nay, chứ không phải chỉ áp dụng trong thời đại chế độ trường giả mà thôi. Nếu lý luận "*bất thành công*" đối với lao động là vô nghĩa.

Ngoài ra, ta còn chú ý đến câu "*lực lượng sản xuất là lực lượng lao động*" mà tác giả đã viết. Câu đó nếu nói riêng biệt hay ở đoạn nào khác thì không sai, bởi vì chính lao động tạo ra sản xuất. Nhưng nói ở đoạn mà chúng tôi đã trích ở trên, tác giả đã đem "*lực lượng sản xuất*" hiểu theo ý nghĩa kinh tế (phương tiện sản xuất, kỹ thuật, nguyên liệu, sức làm việc của người, v.v...) trộn lẫn với lực lượng lao động, hiểu theo ý nghĩa chính trị (sức mạnh, năng lực cách mạng, v.v...). Vì sự trộn lẫn đó, tác giả đã làm mất hẳn cái ý nghĩa căn bản của Marx nói về cái "*tương đương giữa lực lượng sản xuất và chế độ xã hội*".

2. Đứng về phương diện chủ quan, tác giả cũng sai làm nốt. Ta hãy coi tác giả viết:

"Anh Xuân nói rằng chỉ có chủ nghĩa mác-xít mới hiểu rõ cái nội dung thiết thực của phong trào cách mệnh, còn ngày trước thì chỉ có lý tưởng duy tâm. Tiếc rằng anh Xuân không đọc kỹ câu tôi viết. Vì không bao giờ tôi nói rằng các nhà cách mệnh đời xưa đã hiểu rõ công việc bảo đảm sự điều hòa trong đời sống: tôi chỉ nói đó là nguyện vọng của họ..."

"Cái nội dung kinh tế khách quan cũng biểu lộ một cách chân chính trong chủ quan bằng những nguyện vọng ngấm ngấm - nguyện vọng của quần chúng - chứ không phải là "hoàn toàn ngoài ý thức" như anh Xuân đã tưởng lầm. Cũng vì thế mà hành động theo phương pháp mác-xít bao giờ cũng đi với nguyện vọng sâu xa của dân chúng v.v..." (Những chú gạch do tác giả)

Điều thứ nhất, tác giả có ý nói tác giả không bảo các nhà cách mạng đời xưa là "*hiểu rõ*". Tác giả chỉ bảo "*nguyện vọng*" của họ. Điều thứ hai, tác giả nói "*nguyện vọng*" đó là nguyện vọng ngấm ngấm của quần chúng. Và tác giả đem so sánh tư tưởng đời xưa với tư tưởng Marx để rồi kết luận: những người xưa cũng có một phần ý thức như Marx.

"*Nguyện vọng*" là gì? Nguyện vọng là những điều người ta mong ước. Sự mong ước là phản ánh của đời sống vật chất gây "*những ấn tượng sâu xa trong tinh thần*" (mấy chữ vòng kép này là của ông Thảo). Quan niệm của Marx là quan niệm phá bỏ giai cấp, phá bỏ tư sản và mọi hình thức sinh ra tư sản. Sở dĩ Marx có nguyện vọng đó là do những điều kiện tiến triển kinh tế trong chế độ tư bản cho Marx nhận rõ và thấy có thể thực hiện được. Nguyện vọng của Marx là nguyện vọng sâu xa của quần chúng, mặc dầu quần chúng không thấy rõ như Marx. Nhưng trước thời đại tư bản, những nhà cách mạng và chính trị từ đời "*thương cổ*" mà tác giả nói đó, không thể có sự mong ước phá bỏ tư sản. Vì xã hội chưa có những điều kiện phá bỏ tư sản thì làm sao lại có thể nảy ra sự mong ước đó? Nếu những nhà cách mạng đời xưa có ý thức, thì ý thức của họ cũng chỉ là lật đổ chế độ hiện tại, thay đổi bằng một chế độ mới. Họ không hề biết đến những định luật sinh ra cách mạng, cũng như họ không hề có "*nguyện vọng*" bãi bỏ tư sản. Nguyện vọng của họ chỉ là nguyện vọng mơ hồ, rút cuộc không ra khỏi phạm vi uy quyền, thần thánh, Thượng Đế, Chúa Trời. Tới thời đại tư bản, xuất hiện những nhà xã hội như Baboeuf, Saint Simon, Fourier, Owen,

Louis Blanc, Proudhon, v.v... có những "nguyện vọng" thiết thực hơn, nhưng vẫn không ra khỏi phạm vi ảo tưởng, vì không nhận định nổi những định luật tiến triển của xã hội. Chỉ có Marx và các đồng môn mới khám phá được cái định luật đó và chỉ có họ mới có ý thức "thiết lập một chế độ tương đương với lực lượng sản xuất" để bảo đảm cho đời sống của xã hội được điều hòa theo ý nghĩa của tác giả đã nói.

Nhà thực sĩ Trần Đức Thảo, thực ra, đã tặng những người đời "thượng cổ" những nguyện vọng mà họ không có và không thể có. Tác giả quên rằng Marx đã nói: "*Nhân loại không bao giờ đặt để những vấn đề mà họ không thể giải quyết.*"

Bằng ấy khuyết điểm khiến cho cuốn sách 60 trang của ông Thảo mất hẳn tính cách một cuốn sách viết theo quan niệm mác-xít. Nếu sách đó đáng ta chú ý thì cũng chỉ vì tác giả tỏ ý "bênh vực" mác-xít, nhưng quan niệm sai lầm, hỗn độn thành ra dùng lý luận duy tâm để giải thích thuyết duy vật. Ông Trần Thanh Xuân khi phê bình đã vạch rõ nhiều khuyết điểm, nhưng ông Xuân lại rơi vào khuyết điểm là không đi tới cùng, không tìm được nguyên nhân sai lầm của tác giả. Ngoài ra ông Xuân còn khen tặng tác giả những câu như "*kiến quyết đứng trên lập trường giai cấp*", "*đoạn tuyệt với những triết lý giáo khoa*", "*đoạn tuyệt hẳn với quan niệm triết lý trên giai cấp, ngoài thời gian*", v.v... Chúng tôi thiết tưởng tác giả không xứng đáng.

Đừng tưởng hề có kẻ viết một cuốn sách "bênh vực" mác-xít là lao động chúng ta phải tán thành. Điều quan trọng là ta phải xét kỹ cái nội dung của nó. Cuốn sách của ông Thảo, thực ra, không có giá trị đối với lao động. Nếu có giá trị chẳng là đối với ông Xuân và ông Thảo. Đối với ông Xuân, lẽ tất nhiên, đầu sách đó không giá trị cũng vẫn có giá trị. Giá trị ở chỗ tác giả đã "giống như" ông Xuân về sự nhận định "*vai tuồng những bậc vĩ nhân*" Stalin, Mao Trạch Đông và chỗ tác giả đã "*không mập mờ đối với phái môn gọi là Hiện sinh.*"¹ Bởi vậy ông Xuân đã "*đặc biệt vui mừng*", và khi người ta vui mừng thì người ta dễ tha thứ những chỗ "*xé xịch*"².

Còn giá trị đối với ông Thảo là ở chỗ tác giả đã có dịp thanh minh thái độ và ý tưởng đối với chủ nghĩa xta-lin-nít. Tất cả cuốn sách mục đích gồm ở mấy câu kết luận (trang 54-55). Những đoạn trên chỉ là những lời giáo đầu để tác giả đi đến kết luận "bênh vực" thuyết mác-xít, nhưng trong sự "bênh vực" đó, tác giả nhằm thuyết xta-lin-nít làm chính. Ngoài cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*", ông Trần Đức Thảo còn viết cuốn sách tiếng Pháp nữa, nhan đề "*Phénoménologie et Matérialisme Dialectique*". Một điều đáng ta lấy làm lấy lạ là mặc dầu sự thanh minh của ông Thảo, báo chí của đảng Cộng sản xta-lin-nít Pháp không nhắc tới cuốn sách bằng Pháp văn đó. Phải chăng sự thanh minh chưa được đầy đủ?

Riêng phần chúng tôi, nếu so sánh ông Trần Đức Thảo tác giả cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" viết năm 1951 với ông Trần Đức Thảo tác giả mấy bài báo đăng trong tạp chí của J.P.Satre năm 1947, có lẽ chúng tôi cũng muốn "vui mừng" như ông Xuân "vui mừng". Nhưng vấn đề không phải sự so sánh như thế. Vấn đề là phải bênh vực triệt để những tư tưởng căn bản của Marx, Lenin, đồng thời phải nghiêm khắc và "*hoài nghi*" đối với những nhà văn mang một chút ít màu sắc mác-xít. Trong thế giới tư bản, biết bao nhiêu các nhà văn, giáo sư, nhà báo bênh vực mác-xít? Nhưng Lenin đã dạy ta rằng: "*Biện chứng của lịch sử đã đưa lại cuộc toàn thắng của chủ nghĩa mác-xít về phương diện lý thuyết khiến đến nỗi bọn kẻ thù của nó cũng đổi dạng làm người mác-xít*"³.

Ước gì ông Trần Đức Thảo không phải những hạng người đó.

¹- Ông Xuân có ý ám chỉ sự liên lạc trước đây của ông Thảo với phái Hiện sinh của Jean Paul Satre.

²- Cõi bài phê bình của ông Trần Thanh Xuân đoạn kết trong "*Văn hóa Liên hiệp*" số 5 năm 1951.

³- "*La dialectique de l'histoire est telle que la victoire du marxisme en matière de théorie oblige ses ennemis à se déguiser en marxistes*" - (Lenine)

Trả lời tờ báo "*Công nhân*"*

(Hoàng Khoa Khôi)

Trong số báo tháng Giêng năm 1952, tờ "*Công nhân*", cơ quan của tổ chức *Công nhân Tương trợ*, lên tiếng bài bác *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp*.

Chúng tôi nhận thấy những bài báo đó có hai đặc điểm: một là dụng tâm xuyên tạc sự thực, hai là chứa chất những lý luận sai lầm, phản động.

Chúng tôi lần lượt vạch rõ hai điểm đó trong bài báo dưới đây với những bằng chứng xác thực. Chúng tôi mong độc giả, nhất là anh em đoàn viên của *Công nhân Tương trợ*, đọc kỹ để hiểu rõ thái độ và hành động của chúng tôi trong các vấn đề mà tờ báo "*Công nhân*" đã nêu ra. Còn sự phê bình định đoạt lẽ tất nhiên là hoàn toàn thuộc quyền độc giả. Chúng tôi chỉ mong nêu được sự thực ra ánh sáng, dầu sự thực đó có đúng hay không, theo khuynh hướng của mỗi Việt kiều đứng ngoài tổ chức *Hiệp đoàn* của chúng tôi. Chỉ có thái độ đó mới mong khai sáng những vấn đề bất đồng tư tưởng ở giữa những Việt kiều và mới có thể mở những cuộc thảo luận chính đáng tìm chân lý và lẽ phải. Trái lại, những thái độ che lấp sự thực, chỉ gây những hoang mang, những sự thù hận không bằng có và chỉ làm yếu lực lượng Việt kiều tranh đấu chống đế quốc ở xứ Pháp. Bài dưới đây không có mục đích gì hơn là đạt được nguyện vọng tối thiểu đó.

I- Vấn đề Tito:

Tờ báo "*Công nhân*" viết:

"Suốt trong năm 1950, mấy ông lãnh tụ trót-kít hô hào Việt kiều và anh em trong Hiệp đoàn hãy nhiệt liệt ủng hộ Tito, phản bội nền Dân chủ Nhân dân và đưa nhân dân Nam Tư vào chế độ phát-xít (lập ra Ủy ban tổ chức Việt kiều qua Nam Tư...) làm lễ kỷ niệm cách mạng Nam Tư (cách mạng theo lối Tito)."

Trước nhất chúng tôi hoàn toàn bất đồng ý kiến với tờ báo "*Công nhân*" coi Nam Tư là chế độ phát-xít, mặc dầu chúng tôi hiện nay chống chọi với chính sách của Tito. Theo chúng tôi, chế độ phát xít là một chế độ tư bản quá đồi suy đồi nên phát sinh. Trong chế độ phát-xít (như chế độ Hitler chẳng hạn) tương quan sinh sản vẫn giữ tính chất tư bản. Trái lại ở chế độ Nam Tư, tương quan sinh sản và tương quan tư hữu tài sản có tính chất công cộng, nghĩa là như ở Nga Xô và các xứ dân chủ bình dân. Thuyết duy vật của Marx dạy ta rằng muốn định tính chất giai cấp của một chế độ, không căn cứ ở chính trị của hạng cầm đầu mà căn cứ ở tương quan sinh sản và tương quan tư hữu tài sản. Ở những xứ mà những tương quan ấy còn tư sản thì người ta gọi là phong kiến hay tư bản. Ở những xứ mà tương quan ấy đã thành công cộng thì người ta gọi xứ ấy là xứ thợ thuyền. Vì căn cứ ở tiêu chuẩn nói trên nên mặc dầu chúng tôi chống với chính sách tàn bạo của Staline đã giết hại 90% những lãnh tụ cựu đồng chí của Lénine, nhưng chúng tôi vẫn coi Nga - Xô là một quốc gia thợ thuyền. Đối với Nam Tư cũng vậy, mặc dầu ngày nay chúng tôi chống với chính sách

* "*Tiếng thợ*" số đặc biệt, ngày 1-3-1952.

Tờ "*Công nhân*" (cơ quan ngôn luận của Công nhân Tương trợ) số đặc biệt, tháng Giêng năm 1952, có đăng một bài nhan đề "*Luận điệu ủng hộ kháng chiến của mấy ông lãnh tụ trót-kít - titit cầm đầu nhóm Hiệp đoàn*", đưa ra một bảng thống kê các "*tội lỗi*" của phái trót-kít, trong đó "*tội*" nặng nhất là bênh vực Tito và Nam Tư, chống Stalin.

Tối thứ bảy 16-2, bộ biên tập "*Tiếng thợ*" gồm Hoàng Khoa Khôi, Đỗ Văn Bài, Nguyễn Văn Liên họp tại Cour Rohan vào giao cho Hoàng Khoa Khôi viết bài trả lời Chi hội Liên Việt và bài báo của "*Công nhân*". Hai giờ chiều ngày chủ nhật 24-2, Trung ương Hiệp đoàn mở cuộc họp thường lệ tại 7 rue Grégoire de Tours, sửa đổi một vài chữ trong bản của Hoàng Khoa Khôi và đồng thuận nhận là thái độ chung của Hiệp đoàn.

phản động của Tito chạy theo đế quốc, làm nguy hại các chiến quả của cách mạng Nam Tư, nhưng ngày nào mà xứ đó vẫn còn các qui chế xã hội và kinh tế công cộng có tính chất như Nga Xô thì ngày ấy chúng tôi vẫn coi Nam Tư là xứ thợ thuyền.

Những người điều khiển tờ "*Công nhân*" lẽ tất nhiên chống với lối nhận định theo nguyên lý mác-xít đó! Đối với họ khi Tito từng phục Staline (từ năm 1945, 46, 47, 48) họ gọi xứ ấy là "*xứ dân chủ bình dân bức nhất*." Tới khi Tito đoạn tuyệt với Staline (bắt đầu từ cuối năm 1948) họ nói "*xứ Nam Tư là xứ phát-xít*", mặc dầu các qui chế xã hội và kinh tế xứ ấy vẫn chưa thay đổi về tính chất. Họ nhận định tính chất của một chế độ không căn cứ ở hệ thống kinh tế và xã hội của một xứ mà căn cứ vào sự trung thành của những người cầm đầu xứ đó đối với Staline. Sự cách biệt sâu sắc giữa họ và chúng tôi là sự cách biệt về lý thuyết vì họ, thực ra, không căn bản lý thuyết chỉ là hạng a đua thấy ai nói trắng thì bảo trắng; thấy ai gọi đen thì đen.

Chế độ xã hội Nam Tư theo chúng tôi là do cuộc cách mạng của quần chúng chống phát-xít Đức (trong những năm 1941, 1942, 1943, 1944) cấu tạo ra. Nó là một hiện tượng lịch sử do quá trình chuyển biến của cuộc tranh đấu giai cấp, dầu ai muốn chối cãi, hiện tượng lịch sử đó vẫn có vì nó đã xảy ra. Hiện tượng lịch sử của cách mạng Nam Tư là một chuyện, chính sách của hạng cầm đầu Nam Tư ngày nay đang làm hủy hoại cuộc cách mạng đó là một chuyện khác cần phân biệt. Karl Marx trong Ba Lê Công xã rất bất đồng ý kiến với phái cầm đầu theo Blanqui và Proudhon đã theo chính sách sai lầm làm hủy hoại cuộc cách mạng. Nhưng không vì thế mà Marx chối cãi cuộc cách mạng Ba Lê Công xã. Trái lại, Marx đã cố công vận động, hô hào vô sản thế giới phải ủng hộ nó.

Tờ "*Công nhân*" chối cãi không có cuộc cách mạng ở Nam Tư. Vậy thử hỏi thời kỳ quần chúng Nam Tư vỡ trang tranh đấu chống đế quốc Đức (cũng như quần chúng Việt Nam hiện nay chống với đế quốc Pháp) có phải là cách mạng hay không? Theo chúng tôi, chống với chính sách phản động của Tito là một chuyện. Bảo vệ những chiến quả của quần chúng cách mạng Nam Tư là một chuyện khác. Tờ "*Công nhân*" đã trộn lẫn hai thứ ấy làm một. Tệ hơn nữa, họ lại còn hòa theo chính sách của Staline để phong tỏa xứ ấy về kinh tế, binh bị, chính trị và thúc đẩy nó vào tay đế quốc. Bởi thế, người ta cần chối cãi không có cách mạng ở Nam Tư. Nhưng hại thay trong lúc Staline chối cãi như thế thì Truman đang chủ trương dựa vào chính sách đầu hàng của Tito để hủy hoại những chiến quả của cách mạng Nam Tư. Tờ "*Công nhân*" tưởng chỉ phụng sự cho chính sách của Staline, nhưng họ vô tình phụng sự cho cả Truman nữa vậy.

Chúng tôi không chối cãi, vào tháng 8 năm 1950 một số đồng anh em *Hiệp đoàn* đã tổ chức một đoàn đại biểu lấy tên là *Tháng Mười* qua Nam Tư để "*tìm sự thực*" trong cuộc xung đột giữa Nam Tư và Kominform (giả thử các xứ dân chủ bình dân kêu gọi những đoàn đại biểu thợ ngoại quốc sang khảo sát xứ đó, chúng tôi cũng sẵn sàng hưởng ứng). Sau khi khảo sát ở Nam Tư về, đoàn *Tháng Mười* có chuẩn y một quyết nghị đăng ở "*Tiếng thợ*" (số 2, tháng 9-1950). Chúng tôi trích một vài đoạn như sau:

"Đoàn đại biểu thợ Việt Nam đã xét nhận thấy sự cải tạo xã hội, chính trị và kinh tế theo những hiện trạng dưới đây:

- 1.- Ở tỉnh thành, các công xưởng kỹ nghệ, thương mại và ngân hàng đã quốc hữu hoá,
- 2.- Trong thôn quê, cải cách điền địa đã chia đất cho dân cày, tư sản địa chủ bị thủ tiêu,

Quan trọng nhất là đạo luật trao xưởng máy cho ủy ban thợ do thợ bầu ra mà các bạn Việt Nam đã thấy bắt đầu thực hiện ở các xưởng máy.

Tất cả các hiện tượng thực tế ấy bác bỏ triệt để những vu cáo của phòng thông tin Kominform đưa ra có tính chất trà trộn Nam Tư là một xứ phát-xít."

Như thế tỏ rõ thái độ của chúng tôi ủng hộ Nam Tư không phải ủng hộ cá nhân Tito mà ủng hộ những sự thực hiện về kinh tế xã hội của xứ đó chống với các lực lượng định phá hủy nó ở phía đế quốc cũng như phía Kominform.

Từ ngày xảy ra chiến tranh ở Cao Ly, chính sách của Tito và những người cầm đầu Nam Tư chuyển cơ theo hữu. Đứng trước thái độ của họ bỏ rơi phong trào cách mạng của quần chúng ở Cao Ly, Việt Nam, nhượng bộ và tán dương đế quốc Mỹ, Anh... Chúng tôi đều kịch liệt tố cáo bài trừ. Xin trích một vài đoạn đăng trong "*Tiếng thợ*":

"Từ hồi xảy ra chiến tranh Cao Ly, chính trị ngoại giao của những người cầm đầu Nam Tư dần dần chuyển hướng quay hữu. Từ thái độ "trung lập" trong buổi đầu, họ đi tới thái độ coi Bắc Cao Ly là "xâm lăng" như đế quốc. Thái độ sai lầm ấy của Nam Tư có ảnh hưởng rất tai hại cho cuộc cách mạng vô sản đang thực hiện ở Nam Tư.

Những người cầm đầu Nam Tư đã thực hiện một chính trị xu thời phản động. Họ tưởng với cái "chiến thuật" quanh queo ấy với đế quốc họ sẽ bảo vệ được Nam Tư. Nhưng với thái độ ấy của họ, cách mạng vô sản Nam Tư sẽ chỉ đi vào ngõ hẻm, vì nó không được sự ủng hộ của quần chúng cách mạng ở Viễn Đông cũng như vô sản Âu châu." ("*Tiếng thợ*" số 5, tháng 11-1950).

"Trong một thời gian nhờ điều kiện khách quan thuận lợi, chính trị độc lập của Tito đã có thể đứng vững. Đáng lẽ Tito phải lợi dụng thời gian đó để giúp cho phong trào cộng sản quốc tế lan tràn mạnh mẽ, nhất là Việt Nam, Cao Ly dựng củng cố cách mạng và thủ tiêu hết những di tích của thuyết xta-lin-nít. Nhưng Tito đã noi theo dấu vết "chiến thuật ngoại giao" cũ của phái xta-lin-nít mà hy sinh hẳn quyền lợi cách mạng quốc tế. Kết quả ngày nay Tito đã bỏ cả nguyên lý mác-xít mà y vừa tỏ lòng trung thành hôm trước, để bào chữa chính trị xu thời mỗi ngày một ngả theo đế quốc.

Tito và những người cầm đầu Nam Tư cố gắng dè dặt và thận trọng khi họ tuyên bố con đường chính trị của họ để tỏ rằng họ độc lập giữa hai khối Nga và đế quốc. Song họ không căn cứ dựa vào phong trào vô sản quốc tế, họ không thể đứng vững được và họ đã ngả về phe đế quốc. Nếu họ cứ giữ con đường chính trị quốc gia thì ngày càng phải dính líu đến đế quốc, rồi kết quả những sự nghiệp cách mạng ở Nam Tư cũng sẽ bị đế quốc đè bẹp." ("*Tiếng thợ*" số 9, tháng 1-1951).

"Sự ca tụng đế quốc ngày nay của Tito không lấy gì làm lạ: Từ ngày làm lẫn phong trào tranh đấu đui đỏi đế quốc, giành độc lập của dân chúng Cao Ly với ý muốn lợi dụng phong trào của quan chế Nga, những người cầm đầu Đảng Cộng sản Nam Tư đã bỏ hẳn con đường phụng sự cách mạng vô sản quốc tế mà trở ngược lại phản bội quyền lợi vô sản thế giới bằng cách xếp giáo theo đế quốc. Bởi thế, họ mới kết án phong trào cách mạng Cao Ly, tán dương Liên hiệp quốc, buộc tội sự can thiệp của dân quân tình nguyện Trung Hoa. Luật biến chuyển cho thấy hễ đoạn tuyệt với quan chế Nga mà không theo hẳn con đường cách mạng quốc tế thì chóng chày thế nào Đảng Cộng sản Nam Tư cũng sẽ phải ngả theo đế quốc do áp lực của cả hai bên.

Điều nguy hại hơn nữa là họ (những người điều khiển Nam Tư) giúp đế quốc căn cứ địa để chuẩn bị chiến tranh thôn tính các xứ Liên đới, Nga Xô, dẹp trừ cách mạng quốc tế và tức là diệt trừ cả cách mạng Nam Tư." ("*Tiếng thợ*" số tháng 12 năm 1951).

Chúng tôi không thể trích đăng hết mọi số "*Tiếng thợ*" nói về vấn đề Nam Tư. Một vài đoạn nói trên cũng đủ chứng thực chúng tôi đã theo sát cuộc biến chuyển ở Nam Tư từng giai đoạn và chúng tôi không ngần ngại lên tiếng tố cáo những làm lỗi phản động của những người cầm đầu Nam Tư trước dư luận vô sản quốc tế. Thái độ của chúng tôi cũng là vì chúng tôi muốn bảo vệ những chiến quả của cách mạng Nam Tư mà hiện nay những người điều khiển Nam Tư đang bắt đầu hủy hoại.

Chúng tôi chống với chính sách của Tito. Nhưng chúng tôi không bao giờ quên bỏ những chiến công, những thành tích cách mạng của quần chúng Nam Tư, không bao giờ quên bỏ những cải cách kinh tế và xã hội của quần chúng xứ ấy đã thực hiện được bằng xương máu trong cuộc kháng chiến chống phát-xít Đức. Đối với chúng tôi, hành động của Tito ký kết nhượng bộ và tán dương đế quốc không phải là những hành động mới lạ! Trước

đây Staline đã làm nhiều lần rồi! Nào cuộc thân thiện với đồng chí Tưởng Giới Thạch (trong những năm 1925-1927). Nào cuộc bắt tay chia rẽ xứ Ba Lan với Hitler, thưởng mề đay cho Ribbentrop (1934). Nào cuộc ký kết với De Gaulle (1944) phản bội phong trào nổi dậy của vô sản Pháp và quần chúng thuộc địa... Ngày nay về chính sách ngoại giao đối với tư bản, Tito chẳng qua chỉ học đòi Staline. Khác một điều là Tito ít vai vè không lợi dụng được phong trào vô sản quốc tế như Staline đã lợi dụng được. Thế thôi!

Nếu tờ "*Công nhân*" công nhận chính sách của Staline trong những vấn đề kể trên thì thiết tưởng họ không thể có lý do gì cứng cỏi để bài bác Tito. Chúng tôi khuyên họ chớ có vạch áo cho người xem lưng!

II- Cuộc biểu tình tháng Hai năm 1951.

Tờ "*Công nhân*" viết:

"Tháng Hai năm 1951 trong cuộc biểu tình "chống phát-xít" mấy ông lãnh tụ "tò-rốt-kýt Titô" xúi dục [giục] anh em trong nhóm "Hiệp đoàn" hô "Đả đảo Hồ Chí Minh" một cách khôn khéo mà "Công nhân" đã tố cáo".

Trong cuộc biểu tình này anh em đoàn viên *Hiệp đoàn* hô "*Đả đảo Bảo Đại*" cũng như trong mọi cuộc biểu tình khác. Mấy ông lãnh tụ "*Công nhân*" không đồng ý hô khẩu hiệu "*Đả đảo Bảo Đại*" và không hô. Đó là quyền tự do của các ông. Nhưng vì chỗ bất đồng ý kiến đó mà các ông cố ý hiểu "*Đả đảo Bảo Đại*" là "*Đả đảo Hồ Chí Minh*" thì thực là một thái độ xuyên tạc hết chỗ nói.

Thái độ chúng tôi đối với Chính phủ Hồ Chí Minh như thế nào, chúng tôi đã nói rõ trong "*Bức thư trả lời Văn hóa Liên hiệp*" đăng ở "*Tiếng thợ*" số đặc biệt ra ngày 29 tháng 4 năm 1951. Xin trích đăng một vài đoạn:

"Đối với kháng chiến chúng tôi triệt để ủng hộ không giới hạn. Đối với Chính phủ Hồ Chí Minh, mặc dầu chúng tôi vẫn có nhiều điểm phê bình chỉ trích nhưng chúng tôi ủng hộ trước mọi cuộc tấn công của đế quốc và bè lũ Bảo Đại. Khi Chính phủ Hồ Chí Minh ký kết Hiệp định Sơ bộ và tuyên truyền "nước Pháp mới" chúng tôi kịch liệt phản đối. Khi Chính phủ Hồ Chí Minh đề kháng chống đế quốc, chúng tôi tán thành hành động đó, cũng như chúng tôi tán thành sự công nhận Chính phủ Hồ Chí Minh do các nước Trung Cộng, Liên Xô và Dân chủ Bình dân. Vì mục đích của chúng tôi là làm tiêu mòn tan rã lực lượng của đế quốc. Những hành động nào làm tăng gia vị trí của chúng, chúng tôi lên tiếng phản đối."

"Thái độ của chúng tôi nói trên đối với Chính phủ Hồ Chí Minh, chúng tôi căn cứ ở lập trường chính trị chống đế quốc, chứ không căn cứ ở sự thờ phụng cá nhân hay oai quyền luật pháp. Chúng tôi nhận thấy tờ "Công nhân" xuyên tạc câu "Đả đảo Bảo Đại" ra câu "Đả đảo Hồ Chí Minh" là có mục đích dọa nạt anh em đoàn viên "Hiệp đoàn". Nhưng các ông lãnh tụ "Công nhân" lắm: sự mạo trá và uy quyền không bao giờ thắng nổi lẽ phải."

"Các ông bịa đặt như thế còn có mục đích ngăn cản chúng tôi từ nay trong những cuộc biểu tình sẽ không dám hô và nêu ra khẩu hiệu "Đả đảo Bảo Đại" nữa. Vì các ông vẫn chống lại khẩu hiệu đó, viện cớ những chiến thuật, chiến lược... Nhưng các ông cũng lắm nói: đoàn viên "Hiệp đoàn" nhận thấy khẩu hiệu "Đả đảo Bảo Đại" là khẩu hiệu được quần chúng lao động Pháp hoan hô vì dễ hiểu nhất. Do khẩu hiệu đó mà quần chúng Pháp hiểu các sự tuyên truyền láo dối của báo chí tư sản đang tâng bốc cho lũ bù nhìn Bảo Đại."

"Các ông cầm đầu "Công nhân" không đồng ý với chúng tôi về việc nêu ra khẩu hiệu "Đả đảo Bảo Đại" thì các ông cứ đem những lý luận chính trị mà bàn cãi, đừng nên dùng các thủ đoạn xuyên tạc chạy quanh không có vinh dự và cũng không đem lại kết quả gì cho các ông đâu."

III- Cuộc biểu tình 14 tháng 7 năm 1951.

Tờ "Công nhân" viết:

"Ngày 14 tháng 7 năm 1951, các tổ chức dân chủ Pháp và C.G.T. biểu tình để chống lại chiến tranh do bọn đế quốc gây ra. Việt kiều cũng nhân cơ hội ấy đi biểu tình để biểu dương tinh thần ủng hộ kháng chiến, đòi hòa bình ở Việt Nam, Triều Tiên, đã đảo bọn đế quốc, các ông lãnh tụ Tờ-rốt-kít-Ti-tô dù không đồng ý với các cuộc biểu tình nên nín thính đi, trái lại, ra truyền đơn, báo chí kêu gọi các Việt kiều và các anh em trong "Hiệp đoàn" chống lại cuộc biểu tình này. Như thế có lợi cho kháng chiến hay cho đế quốc?"

Vì sao chúng tôi không tham dự cuộc biểu tình ngày kỷ niệm 14 tháng 7, chúng tôi đã giải thích trong "Tiếng thợ" số 20, trích đăng một vài đoạn:

"Ngày 14 tháng 7 tuy là ngày dân chúng Pháp phá ngục Bastille, nhưng đứng về phương diện lịch sử thì ngày đó là ngày biểu trưng cho chính quyền tư bản thắng quân chủ chuyên chế. Nó thuộc vào quá vãng của lịch sử cách mạng trường giả Pháp. Vì hiện nay, nếu dân chúng Pháp nổi lên cách mạng, họ không lật đổ quân chủ chuyên chế mà chính phải lật đổ chế độ tư bản.

Từ non thế kỷ nay, ngày 14 tháng 7 đã trở thành ngày quốc lễ của giai cấp tư bản thống trị. Ở tại xứ Pháp, ngày đó là một dịp chúng ru ngủ quân chúng với những cuộc đua chơi có tính cách hội hè. Ở các xứ thuộc địa là dịp chúng thị uy lực lượng quân đội và võ bị trước mắt dân nô lệ.

Vì những lẽ nói trên, anh em đoàn viên "Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp" cũng như số đông Việt kiều phản đế sẽ không tham dự vào những cuộc biểu diễn do Đảng Cộng sản Pháp tổ chức, như đã tham dự vào những ngày kỷ niệm 1^{er} Mai, Ba Lê Công xã... là những ngày có một ý nghĩa lịch sử và một nội dung chính trị khác hẳn với ngày 14 tháng 7."

Những lời giải thích nói trên, chúng tôi thiết tưởng không còn gì là rõ rệt hơn. Tờ "Công nhân" chống với chúng tôi, nhưng không dùng lý luận chính trị để giải thích như chúng tôi đã giải thích. Và họ không chứng tỏ vì sao không tham dự ngày 14 tháng 7 tức là "làm lợi cho đế quốc"?

Theo chúng tôi, "làm lợi cho đế quốc" là những hành động nào trợn lẩn nguyện vọng và quyền lợi của quần chúng với nguyện vọng và quyền lợi của lũ tư bản đế quốc. Ngày lễ 14 tháng 7 là ngày quốc lễ tư bản. "Làm lợi cho đế quốc" là cho quần chúng tưởng lầm là ngày quốc lễ của họ. Chúng tôi thử đặt một câu hỏi: Nếu mấy ông lãnh tụ "Công nhân" ở xứ Mỹ, các ông có tán thành một tổ chức nào của lao động Mỹ kỷ niệm ngày "Indépendance Day" (ngày lễ độc lập của tư bản Mỹ) không?

Thật ra, các ông "Công nhân" tố cáo chúng tôi chỉ vì chúng tôi không tham dự vào cuộc biểu tình của Đảng Cộng sản Pháp tổ chức. Đó là ý nghĩa căn bản của các ông. Nhưng chúng tôi có quyền không tham dự vào những cuộc biểu tình nào không có tính cách thợ thuyền, trái lại chỉ có tính chất tư bản.

Thí dụ: khi Đảng Cộng sản Pháp biểu diễn dưới chân tượng Jeanne d'Arc, chúng tôi chẳng có lý do gì đứng trong cuộc biểu diễn đó. Chúng tôi cũng có quyền không đứng dưới những khẩu hiệu mà chúng tôi thấy không hợp nguyện vọng quần chúng. Thí dụ ngày 1^{er} Mai 1947 ở Place de Concorde, cơ quan "Lao động Thủy thủ" do các ông lãnh tụ staliniên điều khiển nêu ra khẩu hiệu "Liên hiệp Pháp muôn năm xây dựng nền Tự do, Bình đẳng, Bác ái" (Vive l'Union française basée sur la Liberté, Egalité et Fraternité), hồi đó công binh đã kịch liệt chống lại và không chịu đi chung dưới khẩu hiệu ấy.

Đối với các ông lãnh tụ "Công nhân", hề không ai theo Đảng Cộng sản Pháp là phản động, là "làm lợi khi cho đế quốc". Họ quên mất những giai đoạn "Liên hiệp Pháp muôn năm", "Nước Pháp mới", "Cờ nước Pháp phải được cắm ở các xứ thuộc địa", mà Đảng Cộng sản Pháp chủ trương (nếu chúng tôi nói sai sự thật yêu cầu các ông cải chính).

Chúng tôi bất đồng ý kiến với cuộc kỷ niệm ngày 14 tháng 7 vì những lẽ nói trên. Bất đồng ý kiến, chúng tôi không "nín thinh đi" như ý các ông muốn mà chúng tôi có bốn phận nói ra cho lao động Việt kiều thấy rõ, không phải cứ tham dự bất kể một cuộc biểu diễn nào, hay nêu ra bất kể khẩu hiệu nào cũng là làm lợi cho kháng chiến. Một cuộc biểu tình có tính chất quốc gia và cộng tác giai cấp như ngày 14 tháng 7 là một cuộc biểu diễn không có ích lợi gì cho kháng chiến, trái lại những cuộc kỷ niệm 1^{er} Mai, Ba Lê Công xã... mới có ý nghĩa cách mạng và chống đế quốc, chúng tôi không bao giờ bỏ lỡ những dịp ấy để tuyên truyền cho cách mạng giải phóng Việt Nam. Sự khác nhau giữa chúng tôi và các ông lãnh tụ Công nhân là ở chỗ chúng tôi căn cứ vào *tiêu chuẩn cách mạng và giai cấp*.

IV- Lễ thương binh:

Tờ "Công nhân" viết:

"Cũng trong tháng 7, Việt kiều làm lễ kỷ niệm thương binh để tỏ lòng biết ơn các chiến sĩ đã hy sinh cho kháng chiến, Việt kiều tổ chức cuộc lạc quyên bằng tiền tài giúp đỡ các chiến sĩ, để ủng hộ thiết thực cuộc kháng chiến. Máy ông lãnh tụ Tôrótқыт - Tito lại cho người đi tuyên truyền chống lại vụ lạc quyên này. Hành động ấy có lợi cho kháng chiến hay cho đế quốc?"

Trong dịp nói trên, anh em hội viên công nhân tới gặp một số anh em trong tổ chức Hiệp đoàn quyên tiền, có đoàn viên đã trả lời đại khái như thế này:

"Chúng tôi biết sự thành thực và hăng hái của anh em muốn ủng hộ kháng chiến. Nhưng chúng tôi không cúng tiền không phải chống lại anh em, mà chỉ vì lẽ chúng tôi không tin nhiệm những người điều khiển đứng ra tổ chức việc lạc quyên này. Những người ấy phần đông là hạng xu thời, thái độ chính trị mập mờ, theo đóm ăn tàn, mạnh đâu theo đấy. Lợi dụng uy tín của kháng chiến, viện có "quốc gia hữu sự" làm những việc thâm kín không ai có thể kiểm soát được họ. Hơn nữa, những người đó là những người hàng ngày viết sách báo vu cáo cho chúng tôi theo "thực dân Báo Đại."

Lẽ đâu chúng tôi lại góp tiền đưa vào tay hạng người ấy ngày hôm nay để ngày mai họ dùng vào việc in sách báo chống lại chúng tôi.

Kinh nghiệm với ông Trần Ngọc Danh đã cho chúng tôi một bài học đích đáng. Anh em còn nhớ công binh đã đóng góp mười bốn triệu quan trao cho ông Danh chuyển về giúp kháng chiến. Khi hỏi ông Danh, ông Danh trả lời đích xác rằng số tiền ấy không trao về kháng chiến mà vẫn ở tay ông (ông lại ý thế Chính phủ dọa nạt công binh "có đòi lại thì cứ đòi"). Trong lúc ấy ông Danh ủng hộ những cơ quan "Cứu quốc", "Cứu tế"... ra sách báo mạt sát "Trung ương Công binh" do toàn thể anh em công binh tin nhiệm bầu ra. Đồng thời ông Danh xuất bản sách báo có tính cách phản động. Thí dụ một cuốn sách tiếng Pháp ông Danh kể công với Chính phủ tư bản Pháp rằng trong trận giặc 1914 -1918, dân chúng Việt Nam đã "tình nguyện giúp nước Pháp" (nên nhớ nước tư bản Pháp). Một cuốn thứ hai, ông Danh tán tụng Nguyễn Phan Long mà ai cũng biết là kẻ thù của nhân dân Việt Nam. (Những cuốn sách này chúng tôi còn giữ nếu anh em công nhân muốn chúng tôi sẽ dịch cho các anh em coi). Một số cuốn khác, ông Danh nói về kháng chiến và ông không quên cho in những tấm ảnh của ông ở trang đầu để lợi dụng kháng chiến quảng cáo cho cá nhân của ông. Ngoài ra, ông Danh còn mở những tiệc tùng và làm những việc mà Việt kiều không thể tha thứ.

Riêng về số tiền 14 triệu quan không gửi về giúp kháng chiến, đáng lẽ một phần lớn dùng để cấp học bổng cho các sinh viên như ông Danh đã hứa (Xem "Văn hóa Liên hiệp" số 12, tháng 4 năm 1949). Nhưng trước ngày ông Danh bỏ Paris về nước, người ta khám phá ra quỹ không còn tiền.

Trong vụ mờ ám này, những người thân cận ông Danh đều biết nhưng họ cũng được gián tiếp tham hưởng một phần nên họ đã che lấp, viện có "quốc gia hữu sự", nói ra thì sẽ

"làm lợi cho đế quốc".

Về vụ học bổng, chúng tôi đã nhắc tới trong "bức thư gửi cho "Văn hóa Liên hiệp" hồi tháng 4 năm 1951. Để trả lời gián tiếp chúng tôi, phụ trương "Văn hóa" số 5 (1951) nói Ủy ban học bổng không nhận được tiền Chính phủ Hồ Chí Minh gửi sang. Nhưng họ quên rằng khi chúng tôi nói đến vấn đề học bổng, chúng tôi không bảo Ủy ban ấy đã tiêu hết số tiền 14 triệu quan công bình đóng góp mà chúng tôi nói đích xác rằng ông Trần Ngọc Danh đã tiêu hết số tiền ấy và cũng vì thế việc học bổng cho sinh viên nghèo bị bỏ rơi.

Ngày nay chính những người thân cận ông Danh, trước kia hô hào công bình ủng hộ, tín nhiệm trung thành với ông Danh (nếu không thì họ cho là "phản quốc"), ngày nay chính những người ấy đứng ra tổ chức lạc quyền - mà anh em hội viên "Công nhân" cũng không biết họ gửi đi đâu, dùng làm gì, riêng chỉ có một nhóm người điều khiển định đoạt lấy với nhau, lấy cớ "quốc gia hữu sự", v.v... Trong khi đó thì chính những người này viết sách báo vu cáo chúng tôi là "tay sai của thực dân", "tay sai của Bảo Đại", những tiếng mà số đông anh em hội viên "Công nhân" đã biết rõ là những điều bịa đặt.

Xét tất cả những hành động kể trên, chúng tôi có lý do chính đáng không tín nhiệm những người điều khiển cuộc lạc quyền. Cho nên, chúng tôi không cúng tiền. Nhưng chúng tôi tuyên bố với anh em, nếu anh em đứng ra tổ chức những cuộc biểu tình cùng vận động những cuộc chống đế quốc, chúng tôi sẵn sàng tham gia với anh em và sẵn sàng chịu chung với anh em những cuộc đàn áp của đế quốc."

Đó là những lời một đoàn viên *Hiệp đoàn* đã thân mật giải thích cùng hội viên "Công nhân" là những phần tử thợ thuyền đồng giai cấp như họ, cũng hăng hái chống đế quốc như họ. Họ cũng không quên nói thêm rằng những hành động vu cáo, che đậy sự thực trước mắt quần chúng của những người cầm đầu "Công nhân" mới là những hành động "làm lợi cho đế quốc."

V- Bài báo ký tên Đông Vũ đăng trong "Tiếng thợ" số 26:

Tờ "Công nhân" viết:

"Tháng 10 năm 1951, tờ "Tiếng thợ" đăng bài của Đông Vũ viết kêu gọi quân lính trong hàng ngũ kháng chiến hãy quay súng bắn lại quân đội nhân dân Việt Nam dưới dưới sự điều khiển của Chính phủ Hồ Chủ Tịch, để gây cuộc nội chiến ngay trong kháng chiến. Trong cuộc nội chiến, ngoài thực dân, đế quốc tấn công vào thì mấy chốc cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam sẽ bị tiêu diệt, đó là cuộc nội chiến mà đế quốc và thực dân đang mơ ước."

Tờ "Công nhân" quên đi một điều không nói tới là bài báo của Đông Vũ đăng trong mục "Tự do Diễn đàn" và cũng trong số "Tiếng thợ" đó ở trang đầu có bài nhan đề "Giai cấp vô sản đối với chiến tranh Việt Nam" bác bỏ hết thảy những lý luận sai lầm của Đông Vũ và nói rõ rệt lập trường của *Hiệp đoàn*. Chúng tôi xin trích ra đây vài đoạn:

"Chiến tranh Việt Nam ngày nay biến chuyển từ hình thức quốc gia ra quốc tế. Phía đế quốc Pháp có đế quốc Mỹ tán trợ. Phía kháng chiến có Trung Cộng giúp sức. Tuy nhiên, tính chất căn bản của nó vẫn không thay đổi: đó là một phong trào quần chúng phản đế do kết quả 80 năm đô hộ tàn nhẫn của thực dân Pháp. Cũng vì tính chất sâu xa ấy mà ta thấy hàng vạn, hàng triệu quân chúng cách mạng đứng về phía kháng chiến anh dũng chống đế quốc. Họ tranh đấu với mục đích cấp thời thoát ách đế quốc, nhưng nguyện vọng sâu xa của họ là thoát khỏi hết thảy mọi hình thức bóc lột áp bức... chiến tranh bên phía đế quốc tức là chiến tranh cướp bóc, chiến tranh phản động..."

Hiểu rõ ý nghĩa của cuộc chiến tranh đó, nên từ sáu năm qua, lao động Việt kiều chúng ta đã ủng hộ kháng chiến triệt để, đem hết năng lực tranh đấu chống với chiến tranh xâm lược của đế quốc..."

Anh Đông Vũ nhận định một phong trào mà chỉ căn cứ vào người cầm đầu chứ không

chịu phân tách tính chất xã hội của phong trào...

Quần chúng cách mạng không bao giờ công nhận được cái lý thuyết mơ hồ đó (của Đông Vũ) và bao nhiêu lời kêu gọi của anh chỉ làm cho họ phải xa lìa anh." ("Tiếng thợ" số 26, tháng 10 năm 1951).

Thái độ của *Hiệp đoàn*, tóm lại, trái hẳn thái độ của Đông Vũ. Từ "*Công nhân*" không nói rõ. Điều đó chẳng phải tình cờ. Mà chính là họ cố ý xuyên tạc sự thực che mắt công nhân, che mắt các Việt kiều để thực hành những âm mưu ám muội của họ.

Có người hỏi tại sao Đông Vũ chống với lập trường của *Hiệp đoàn* mà chúng tôi lại cho đăng bài của anh ta? Chúng tôi xin trả lời: từ "*Tiếng thợ*" có mục "*Tự do Diễn đàn*" mở cho hết thầy lao động bất kể xu hướng, bất kể đảng phái nào trao đổi ý kiến, chúng tôi đã có mấy lời giới thiệu, bộ biên tập "*Tiếng thợ*" không chịu trách nhiệm những bài đó, riêng chỉ tác giả chịu trách nhiệm. Đứng trên căn bản ấy, chúng tôi có thể nhận đăng hết thầy những bài của Việt kiều phản đế gửi đến, kể cả những bài của các ông lãnh tụ "*Văn hóa Liên hiệp*" hay *Công nhân Tương trợ*, dầu những bài đó tuyên truyền "*Hiệp ước hòa bình ký kết giữa năm cường quốc*" hay những bài "*Xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa có thể sống hòa hảo*". Chúng tôi nhận thấy phương pháp dân chủ đó là một khí giới tốt nhất đánh đổ những tà thuyết và làm cho đoàn viên *Hiệp đoàn* chóng giác ngộ chân lý hơn cả. Chúng tôi đăng những bài đó, vì chúng tôi tin ở sự hiểu biết, sự suy nghĩ của đoàn viên *Hiệp đoàn*. Chúng tôi không lấy sự vu cáo chống lại Đông Vũ. Chúng tôi chỉ lấy lý thuyết đối lập lại anh ta. Một bằng chứng cụ thể là các bài báo của Đông Vũ không có ảnh hưởng gì trong hàng ngũ *Hiệp đoàn*. Hầu hết các đoàn viên đều hiểu rõ thái độ của Đông Vũ là sai lầm không những về vấn đề Việt Nam mà về tất cả những vấn đề chiến lược, chiến thuật cách mạng vô sản. Nhưng những đoàn viên *Hiệp đoàn* không coi Đông Vũ là kẻ "*tay sai của đế quốc*" như "*Công nhân*" đã gán cho chúng tôi, chỉ vì một lẽ giản dị là những bài báo cùng thái độ của Đông Vũ đều chủ trương lật đổ chế độ tư bản. Ở đây cũng cần đính chính một điều là từ "*Công nhân*" đã làm xuyên tạc sự thật là bài báo nói trên của Đông Vũ không những chỉ hô hào quay súng bắn lại kháng chiến nhưng anh ta còn hô hào quay súng bắn lại thực dân Pháp, nghĩa là Đông Vũ tỏ thái độ làm "*thất bại chủ nghĩa*" cả hai mặt trận. Thái độ ấy của Đông Vũ là một thái độ cực đoan sai lầm, chống lại cách mạng của quần chúng. Nhưng khi phê bình thì phải vạch rõ hết sự thực. Từ "*Công nhân*" dối trá chỉ dùng một phần sự thực "*quay súng bắn lại kháng chiến*" nhưng lại dấu kín một phần sự thực khác "*quay súng bắn lại thực dân*" để lập luận vu cáo cho dễ.

Chúng tôi nhắc lại, chúng tôi vì nguyên tắc dân chủ nên đã đăng bài của Đông Vũ. Khi đăng bài của Đông Vũ, chúng tôi viết những bài đối lập đứng trên căn bản lý thuyết chứ không dùng sự xuyên tạc vu cáo. Hành động và thái độ đó không phải bây giờ người mác-xít mới có. Hồi cách mạng Nga, Lénine đã để lại gương dân chủ rất quý báu. Người ta còn nhớ trong thời kỳ cách mạng Nga gặp rất nhiều khó khăn nguy hiểm, nhất là thời kỳ Hiệp ước Brest-Litovsk, thế mà Lénine đã để chu xu hướng "*cộng sản tả phái*" do Boukharine đứng đầu xuất bản tờ báo "*Cộng sản*" công khai đối lập với Lénine. Lénine đã thắng Boukharine bằng lý thuyết cách mạng, bằng hành động và bằng sự giải thích với quần chúng chứ không bằng vu cáo, nhà tù hay trại giam.

Các ông lãnh tụ "*Công nhân*" không quen với lối dân chủ ấy nên các ông không hiểu nổi tại sao "*Tiếng thợ*" lại đăng bài của Đông Vũ. Các ông lại còn trộn thái độ của Đông Vũ là một cá nhân với thái độ của *Hiệp đoàn* là một tổ chức, *thứ nhất hai thái độ đó lại ngược hẳn nhau*. Chúng tôi mong anh em hội viên "*Công nhân*" dầu có người bất đồng ý kiến chính trị với chúng tôi cũng nên nhìn nhận sự thực nói trên.

VI- Tờ tạp chí "Cáo thom" của Hồ Hữu Tường.

Tờ "*Công nhân*" viết:

"Tháng 12 năm 1951 một tên lãnh tụ Tờ-rốt-kít-Tito Hồ Hữu Tường đứng ra xuất bản

tạp chí "Cáo thom". Tờ "Cáo thom" phần nhiều là tuyên truyền cho bọn tay sai Bảo Đại. Nếu chỉ tuyên truyền cho Bảo Đại thì tỏ rõ mặt phản bội của lãnh tụ Tờ-rốt-kýt - Tito Hồ Hữu Tường. Khôn khéo hơn, Tường lại nhét vào đấy một ít Việt kiều thật tâm ủng hộ kháng chiến để lừa gạt độc giả. "Công nhân" đã vạch rõ mặt nạ phản bội của Hồ Hữu Tường cho kiều bào. Để trả lời cho "Công nhân", tờ "Tiếng thợ" tháng 12 năm 1951 đã im hơi lặng tiếng không đá động gì đến chuyện Hồ Hữu Tường và tờ "Cáo thom", tỏ ra công nhận và ủng hộ việc làm của Tường. Tờ "Tiếng thợ" lại đâm ra vu cáo, nói xấu, xuyên tạc Chính phủ Hồ Chí Minh, Chính phủ đang lãnh đạo cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam. Lối vu cáo, nói xấu hay xuyên tạc của tờ "Tiếng thợ" không khác gì luận điệu của máy tờ thực dân, bù nhìn: "Tổ quốc", "Gió Việt..."

Tờ "Công nhân" viện cớ "Tiếng thợ" tháng 12 năm 1951 "im hơi lặng tiếng", "không đá động gì đến chuyện Hồ Hữu Tường" rồi bảo rằng như thế là "Tiếng thợ" công nhận và ủng hộ cho việc làm của Hồ Hữu Tường", như thế chẳng khác chi họ bảo "anh không nói đến thằng ăn cắp là anh công nhận và ủng hộ thằng ăn cắp!" Cái lối lý luận hình thức ấy không có căn bản gì cả.

Chúng tôi sợ dĩ chưa nói tới tờ "Cáo thom" vì chúng tôi còn nhiều việc khác đáng nói hơn. Tờ "Cáo thom" không có dính dáng liên lạc gì đến tổ chức Hiệp đoàn, không có một đoàn viên nào của Hiệp đoàn bị nêu tên trong tờ báo ấy, chúng tôi chưa "vội" lên tiếng cãi chính như những cơ quan "Văn hóa Liên hiệp" và "Công nhân" v.v...

Đối với chúng tôi, tờ "Cáo thom" là một tạp chí có mục đích thương mại, lợi dụng óc hiếu kỳ của người ta để "làm tiền". Ở xã hội tư bản chẳng thiếu gì cơ quan thương mại như thế. Nói về cơ quan thương mại thì hội SOVINA trước đây cũng là một cơ quan thương mại, mặc dầu những người sáng lập ra nó là các ông Trần Đức Thảo, Bửu Hội, Nguyễn Văn Thoại, Hoàng Xuân Mãn, Nguyễn Đắc Lộ, Đặng Chân Liêu... là những người xưa kia có chân trong "Trung ương Ban Đại diện Việt kiều". Khác một điều, SOVINA làm thuốc bán lấy hòa hồng; còn tờ "Cáo thom" đi lục các tranh ảnh người ta, viết thêm mấy bài vô nghĩa để kiếm lãi. Mục đích của "Cáo thom" là "làm tiền". Cũng vì nhắm mục đích đó nên nó định làm vừa ý hết thảy mọi người kể từ hạng phản động đến hạng không. Nhưng rút cuộc, nó chẳng làm được vừa lòng ai cả. Bởi lẽ vấn đề chính trị chi phối hết thảy mọi sự. Bằng chứng là có kẻ mang ảnh biêu nay vội vã chối là không phải biêu. Có kẻ giúp nó ra đời nay phải tìm đường cải chính. Sự thất bại của tờ "Cáo thom" là phản ánh cái tâm trạng suy đồi của Hồ Hữu Tường.

Chúng tôi không hoài công trách móc một cơ quan thương mại như tờ "Cáo thom" tại sao không nói đến kháng chiến như "Văn hóa Liên hiệp", "Công nhân" đã trách móc! Ví dầu như tờ "Cáo thom" đó có ca tụng kháng chiến đi nữa, cái tính chất thương mại của nó cũng không mất, trái lại càng tăng gia, vì lẽ nó lợi dụng kháng chiến để làm tiền (kinh nghiệm những việc như thế trong thực tế không thiếu).

Một cơ quan như "Cáo thom", lao động không thêm đọc và cũng không cần mong đợi ở nó có một thái độ gì cả.

Chúng tôi xin nhắc lại, trong tờ "Cáo thom", Hồ Hữu Tường không hề phô bày tên tuổi hay tranh ảnh một nhân viên nào của Hiệp đoàn, chỉ vì một lẽ giản dị các nhân viên của Hiệp đoàn không có liên lạc trực tiếp hay gián tiếp gì với Tường. Còn nếu Tường đã phô bày tên tuổi và tranh ảnh của những ông lãnh tụ "Văn hóa Liên hiệp", "Công nhân Tương trợ", v.v... bên cạnh những phần tử theo thực dân, Bảo Đại thì đó là việc riêng của hai cơ quan này cải chính, không phải việc của chúng tôi.

Riêng về Hồ Hữu Tường, xét cái quá khứ và hiện tại của y, chúng tôi chỉ coi y như một tay trí thức thối nát suy đồi, sách vở của y viết tượng trưng rõ rệt cái tinh thần đó. Mục đích của Tường chỉ là "tiền". Tường trước đây theo Việt Minh hay ngày nay theo Bảo Đại, chúng tôi không cho là điều kỳ lạ. Một trí thức như Tường có thể làm nhiều việc bất ngờ. Cho tới nay chưa thấy Tường viết tài liệu nào hoặc có hành động nào công khai theo Bảo

Đại. Căn cứ vào tờ "*Cáo thom*" chưa đủ. Song mặc dầu Tường theo Hồ Chí Minh hay theo Bảo Đại, Tường cũng vẫn là Tường: một trí thức suy đồi dựa theo óc hiểu kỳ của một đám người để "*làm tiền*".

Đời chiến sĩ trước đây của Tường đã chấm hết ngay từ hồi Tường bị đày ở Côn Đảo. Chính Tường đã tuyên bố công khai không còn là môn đồ của Trotsky và Marx - Lénine nữa. Căn cứ vào một cá nhân như Tường để lợi dụng tố cáo chủ nghĩa mà trước đây Tường theo đuổi, như thế là một thủ đoạn hèn nhát. Ai cũng biết giữa Tường và Tạ Thu Thâu có sự cách biệt một trời một vực. Tạ Thu Thâu theo chủ nghĩa tờ-rốt-kýt cho đến khi tắt thở. Còn Tường phản bội chủ nghĩa này ngay từ buổi đầu. Chính Tường cũng không chối cãi điều đó.

Nếu tờ "*Công nhân*" gọi Hồ Hữu Tường là tờ-rốt-kýt, thử hỏi có thể gọi Đỗ Đại Phước là staliniên được nữa không? Các độc giả còn nhớ khi chúng tôi chống vụ Đỗ Đại Phước, chúng tôi không lợi dụng Phước để chống chủ nghĩa staliniên. Chúng tôi chỉ vạch rõ hàng ngũ "*Liên Việt*" đã để một bọn mật thám trà trộn vào và chính bọn này lại chống "*Trung ương Công binh*" hơn cả (xem "*Tiếng thợ*" số 54 - loại cũ - tháng 3 năm 1950). Sau khi Đỗ Đại Phước đã bị lột mặt nạ, "*Tiếng thợ*" không bao giờ coi Phước là một đảng viên staliniên nữa. Tờ "*Công nhân*" trái lại, vì thiếu lý thuyết nên phải lợi dụng Hồ Hữu Tường để chống kẻ đối lập. Thái độ ấy không còn gì để hèn hơn.

VII- Lý luận "lừa gạt anh em trong Hiệp đoàn".

Tờ "*Công nhân*" viết:

"Chúng ta, ai cũng có thể kết luận được rằng các ông lãnh tụ Tờ-rốt-kýt-Tito chỉ làm lợi cho đế quốc. Luận điệu ủng hộ kháng chiến là chỉ che đậy một cách khôn khéo dã tâm của họ để lừa gạt anh em trong Hiệp đoàn. Vì phần đông anh em thật tâm ủng hộ kháng chiến. Nếu họ tuyên truyền chống lại kháng chiến sẽ bị anh em trong Hiệp đoàn tẩy chay. Vì thế nên "luận điệu ủng hộ kháng chiến" của các ông lãnh tụ Trótkýt - Tito chỉ là giả dối phỉnh phờ."

Tờ "*Công nhân*" nói: "*Phần đông anh em trong Hiệp đoàn ủng hộ kháng chiến*", trái lại những người điều khiển *Hiệp đoàn* "*dã tâm lừa gạt anh em*". Các ông đưa ra lý luận đó nhưng lại "*quên*" không tìm nguyên nhân vì sao "*người thực tâm*" lại bị người "*dã tâm*" lừa dối! Các ông cố ý "*quên*" rằng người mà các ông gọi là "*dã tâm*" ấy đã tranh đấu chống đế quốc từ sáu, bảy năm không ngừng. Các ông "*quên*" rằng những người ấy là những người đầu tiên đứng trong phong trào Công binh, Chiến binh. Các ông "*quên*" rằng những người ấy đã hô hào khẩu hiệu "*Việt Nam hoàn toàn độc lập*", trong lúc các ông còn đi theo khẩu hiệu "*Liên hiệp Pháp muôn năm*". Các ông "*quên*" rằng những người ấy đã tổ chức những lớp học mác-xít, xuất bản những sách vở mác-xít, trong lúc các ông mãi miết theo đuổi những chuẩn đích quốc gia. Các ông "*quên*" rằng những người ấy đã theo đuổi chủ nghĩa cộng sản, tranh đấu cho chủ nghĩa xã hội, trong lúc các ông còn bị ngập lụt trong những chính sách cộng tác giai cấp.

Bởi những lẽ nói trên nên những anh em đoàn viên *Hiệp đoàn* "*thật tâm*" mới tín nhiệm những người mà các ông gọi là "*dã tâm*" ấy, chứ không phải bùa mê thuốc thánh gì cả. Đoàn viên *Hiệp đoàn* nhận xét những người đại biểu của họ ở hành động và thái độ chính trị chứ không ở uy quyền cá nhân gì cả. Nếu các ông điều khiển "*Công nhân*", muốn lôi kéo "*phần đông anh em thật tâm*" ấy thì cũng nên dùng hành động và thái độ chính trị chứ chớ nên dùng những lời bịa đặt vu cáo, nó chỉ đưa đến kết quả đập lại các ông.

Tờ "*Công nhân*" công nhận "*phần đông anh em Hiệp đoàn thật tâm*", như thế là một điều đáng khen so với thái độ của họ trước đây bảo *Hiệp đoàn* là "*tay sai đế quốc*"? Nếu biết công nhận như thế, tại sao lại từ chối không làm chiến tuyến duy nhất với "*phần đông anh em thật tâm*" ấy chống đế quốc? Tại sao lại không tổ chức những cuộc biểu tình chung với họ dưới những khẩu hiệu mà đôi bên có thể thỏa thuận? Tại sao không mở rộng cửa Ái

hữu tiếp đón họ tới thảo luận trong những cuộc hội họp? Trái lại, mỗi lần có cuộc hội họp ở hội quán Ái hữu, ban Tổ chức lại tìm đủ mọi cách không cho đoàn viên *Hiệp đoàn* phát biểu tư tưởng khiến họ không thể tham dự các buổi hội họp ở hội quán Ái hữu nữa, chỉ vì họ thấy thiếu tự do dân chủ.

Các ông viện cớ vì bất đồng ý kiến với những người "*lãnh tụ*" *Hiệp đoàn* chăng? Chúng tôi cũng bất đồng ý kiến với các ông lãnh tụ "*Công nhân*" và "*Văn hóa Liên hiệp*", nhưng chúng tôi lúc nào cũng mở rộng cửa các cuộc hội họp cho các hội viên "*Công nhân*", "*Văn hóa Liên hiệp*". Kể cả các ông "*lãnh tụ*". Chúng tôi cam đoan sẽ bảo đảm thời gian cho các ông phát biểu tư tưởng. Hơn thế nữa, chúng tôi sẵn sàng mở các buổi nói chuyện đặc biệt, nhường diễn đàn cho các ông tha hồ đối lập với chúng tôi. Nếu các ông công nhận "*phần đông anh em Hiệp đoàn thật tâm*" thì còn chờ gì mà không lợi dụng những cơ hội tốt mà chúng đề nghị đăng tở cáo hạng cầm đầu mà các ông cho là "*dã tâm*".

Nhưng các ông không dám, và các ông đã tìm hết cách để cắt đứt sự liên lạc giữa đoàn viên "*Công nhân*" và *Hiệp đoàn*. Các ông không dám vì các ông không đủ lý luận để đối đáp. Nhường diễn đàn cho người ta, các ông cũng kinh. Mà nhận diễn đàn người ta hiến, các ông cũng sợ. Cái nhược điểm của các ông ở chỗ đó, nên các ông phải dùng tới lợi khí vu cáo xuyên tạc.

Chúng tôi là những người theo thuyết duy vật của chủ nghĩa Marx, chúng tôi không biết khoa tâm lý duy tâm như các ông đo lường bụng dạ "*thực tâm*" hay "*dã tâm*". Sự đo lường của chúng tôi căn cứ trên hành động, mà hành động của chúng tôi chứng tỏ rằng trải qua các phong trào công chiến binh, "Tổng Ủy ban Đại diện" cho đến nay lúc nào cũng duy nhất: triệt để chống đế quốc. Còn hành động của các ông xoay như chong chóng nào "*Liên hiệp Pháp muôn năm*", nào "*nước Pháp mới*", nào chống lại với sự tuyên truyền tranh đấu giai cấp của Marx, bảo là "*chia rẽ, làm cho người hữu sản nghi ngại người vô sản...*" Bây giờ các ông bị thời cuộc khách quan thúc đẩy đã chậm chạp tiến đến chỗ nói ít nhiều câu "*xã nghĩa*", viết ít nhiều bài mác-xít. Với những cử chỉ đó, các ông đã vô tình phủ nhận hầu hết những thái độ trước đây của các ông. Các ông không tin thử giờ tờ "*Công nhân*" hay "*Văn hóa Liên hiệp*" từ số 1, các ông sẽ thấy rõ. Các ông chẳng khác gì những hình nhân bị cơn gió khách quan thổi mạnh, lê chân được vài bước nhưng còn đoạn đường giữa các ông với chủ nghĩa chân chính của Marx còn xa lắm.

Chúng tôi nói xa lắm không phải là vô bằng chứng, bởi vì hiện nay trong lúc cao trào cách mạng quần chúng nổi lên khắp các nước, các ông còn tin tưởng "*có thể tạo lập hòa bình bằng sự ký kết với tư bản để đem lại hạnh phúc cho toàn cầu*" chỉ là một giấc mơ. Bởi vì trong lúc hệ thống của đế quốc đang bị lay chuyển sắp sửa sụp đổ, các ông còn chủ trương "*hai chế độ xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa có thể sống chung hòa hảo*".

Kháng chiến của quần chúng Việt Nam là một phong trào cách mạng. Mặc dầu các ông có "*thật tâm*" hay không, nhưng với chính sách "*Hiệp thương Ngũ cường*" của các ông thì các ông không ủng hộ thiết thực gì cho kháng chiến cả. Trái lại, các ông gieo một sự hoang mang trong hàng ngũ vô sản Pháp, cho họ tưởng lầm có thể thay thế cuộc tranh đấu cách mạng lật đổ tư bản bằng Hiệp ước Ngũ cường hòa bình với tư bản. Chúng tôi không phải thầy bói, nhưng căn cứ vào tình hình khách quan của thế giới hiện nay, chúng tôi có thể nói trước: Hiệp ước Ngũ cường chỉ là cái mộng nằm trong đầu óc các ông chứ không thể đạt tới mục đích trong thực tế. Đế quốc Mỹ sẽ gây chiến tranh thế giới trong những năm sắp tới. Quần chúng cách mạng hoàn cầu không thể tin tưởng ở Hiệp ước Ngũ cường đem lại hòa bình. Mà ngay từ bây giờ phải sửa soạn cuộc nội chiến chống đế quốc, tạo lập hòa bình bằng cách mạng, lật đổ chế độ tư bản. Giờ chết của tư bản đã đánh!, "chế độ tư bản không thể sống hòa hảo với chế độ xã hội chủ nghĩa chân chính".

Đó là cái viễn ảnh của tình hình thế giới. Cuộc kháng chiến Việt Nam chỉ là một bộ phận của tình hình thế giới. Vậy phải tranh đấu với cái viễn ảnh cách mạng đó và Việt kiều chúng ta ở Pháp ủng hộ kháng chiến cũng cần có những phương pháp thích hợp với viễn ảnh cách mạng ấy.

Trong giai đoạn này mà nêu ra khẩu hiệu "*Hiệp ước Ngũ cường, tạo lập hòa bình, tới nay chỉ là giấc mơ*" như thế tức là chống lại tinh thần và nguyện vọng của quần chúng kháng chiến Việt Nam. Dầu các ông "*thật tâm*" ủng hộ kháng chiến tới 90 hay 100 độ hay hơn nữa, cũng không thay đổi mây may hiệu quả tai hại của con đường chính trị mà các ông hiện nay đang tuyên truyền.

Đoàn viên *Hiệp đoàn* không có ống hàn thử biểu để đo nhiệt độ "*thật tâm*" của các ông bao nhiêu (có lẽ ít hơn lời nói của các ông), nhưng chỉ căn cứ vào thái độ và hành động chính trị của các ông. Họ thấy các ông chỉ là một hạng chính trị xu thời, một cái bánh xe thứ năm chạy lạch cạch bên phong trào cách mạng vĩ đại của quần chúng. Như thế, các ông dùng lạ "*phân đông anh em thực tâm*" của *Hiệp đoàn* lại tín nhiệm và ủng hộ những người hiện nay đang đối lập về chính trị với các ông.

VIII- Danh từ trót-kít, Tito, Hiệp đoàn:

Như chúng tôi nói trên, vì thiếu căn bản về lý luận chính trị nên những người điều khiển "*Công nhân*" chỉ có một khí giới cuối cùng là xuyên tạc sự thật để chống chọi với đối phương.

Họ thường đem ghép chung những danh từ, những tổ chức, những khuynh hướng có tính chất và nội dung khác hẳn nhau với mục đích gieo sự lầm lẫn hoang mang để lung lạc nhân tâm mặc dầu họ thừa hiểu không đúng sự thật. Chúng tôi cần phải vạch ra đây ít bằng chứng để độc giả biết thêm một thủ đoạn trà trộn, dối trá nữa của họ.

A- Một trong các danh từ mà tờ "*Công nhân*" thường dùng là danh từ Trótkít - Tito. Họ dùng danh từ đó để ám chỉ rằng phái cộng sản tờ-rót-kít cũng giống như phái cộng sản ti-tít, hai phái đó chỉ là một. Cái lối tuyên truyền trà trộn này chỉ lừa dối những ai không khảo sát chính trị mà thôi. Vì rằng ai đã am hiểu đôi chút chính trị đều biết giữa cộng sản tờ-rót-kít và ti-tít, có những sự nhận định và hành động khác hẳn nhau. Hơn thế nữa, hai khuynh hướng đó đối lập chống chọi nhau một cách rất gay gắt. Dưới đây là một vài bằng chứng:

Ngay sau khi đoạn tuyệt với Kominform, Tito ngày mùng 4 tháng 10 năm 1949 đã tuyên bố:

"Chúng ta đã biết sự tai hại mà Trotsky đã gây ra, chúng ta đã biết sự hành động chính trị của Trotsky về phương diện lý tưởng có hại nên chúng ta kết án rất đúng. Nhưng những sự xảy ra sau này là một chuyện khác hẳn. Đã biết bao nhiêu chiến sĩ vô sản bị kết án là tờ-rót-kít, tuy họ chẳng dính líu gì với Trotsky." (Tờ "*Tanjuz*" tháng 10 năm 1949).

Độc giả đều biết rõ, câu tuyên bố nói trên của Tito muốn chứng tỏ hai điều: một là y kết án lý tưởng tờ-rót-kít mà y cho là sai; hai là y cái chính y không phải là tờ-rót-kít.

Ngày 29 tháng 11 năm 1949, vào dịp kỷ niệm ngày dân chủ Nam Tư, lãnh tụ Vlahovitch, một nhân viên ban Trung ương Đảng Cộng sản Nam Tư tuyên bố:

"Lời người ta đồn ở ngoại quốc rằng Đảng Cộng sản Nam Tư đang chủ trương lập một quốc tế cộng sản, lời đồn đó chỉ là một chuyện bịa đặt vô nghĩa..."

"Có hạng người tụ tập chung quanh một tổ chức gọi là Đệ tứ Quốc tế, hạng người ấy tỏ thái độ "bệnh vực" Nam Tư, nhưng họ chỉ là hạng khả nghi là mật thám của đế quốc."

Câu tuyên bố của Vlahovitch nói trên chứng tỏ Đảng Cộng sản Nam Tư kịch liệt chống lại Đệ tứ Quốc tế (tờ-rót-kít) và chống với quan niệm lập một Quốc tế Cộng sản.

Báo "*Borba*", cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Nam Tư kết luận rằng:

"Quần chúng Nam Tư không bao giờ tin tưởng ở phái tờ-rót-kít. Cuộc Đại hội nghị của phái tờ-rót-kít gần đây đã vạch rõ con đường cho họ là phụng sự cho sự bành trướng của phái quan chế Nga..."

Trong những Quyết nghị về tình hình thế giới và nhiệm vụ của Đệ tứ Quốc tế, phái tờ-

rốt-kýt đã để rơi mặt nạ là kẻ bênh vực cho cái chính sách xâm lược của Nga đối với Nam Tư...

Thái độ của phái tờ-rốt-kýt đối với Nam Tư đã tỏ rõ trong bản hiệu triệu của họ gửi cho quần chúng các nước và gửi cho những đảng viên cộng sản Nam Tư. Họ kêu gọi đảng viên cộng sản Nam Tư "tổ chức trong đảng một phe đối lập theo chủ nghĩa Lénine để thay thế những người cầm đầu hiện thời và để nối dây liên lạc với các lực lượng cách mạng thế giới." Câu nói ấy của họ giống hệt từng chữ như lời tuyên bố của phái Kominform vậy."

(Tờ "Nouvelles Yougoslavies" của lãnh sự Nam Tư xuất bản ở Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1951 dưới nhan đề "Nói về cuộc Đại hội nghị Đệ tứ Quốc tế")

Về phần cộng sản tờ-rốt-kýt (Đệ tứ Quốc tế) đã đối lập với phái Tito đại khái như sau:

"Cuộc xung đột xảy ra giữa Tito và Staline không phải là cuộc xung đột cá nhân giữa Tito và Staline, cũng không phải là cuộc xung đột giữa hai ban điều khiển quan chế Nam Tư và Kremlin, nhưng là một hiện tượng khủng hoảng nội bộ của hàng ngũ stalinien do điều kiện bành trướng mới mẻ của họ..."

Tito và ban điều khiển Nam Tư cho đến nay tiêu biểu cho một khuynh hướng bình dân phân đế và cách mạng theo những hình thức biến dạng. Nhưng mai đây, nếu bị ở tình thế cô lập, ở trong xứ gặp nhiều điều kiện khó khăn không thể tránh khỏi và áp lực của đế quốc thì họ có thể trở nên một lực lượng phản động. Nếu muốn tránh cái viễn ảnh bị quan chế Kremlin đập gãy hoặc phải đầu hàng đế quốc thì chỉ có một giải pháp độc nhất là căn cứ vào động lực của cách mạng vô sản Nam Tư và vô sản hoàn cầu, kêu gọi vô sản hoàn cầu, áp dụng triệt để nguyên tắc dân chủ trong đảng và trong nước; đoạn tuyệt với chủ nghĩa stalinien; vận động cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Âu châu và hoàn cầu." (Tập chí "Đệ tứ Quốc tế" tháng 9 năm 1948 trong bài "Vấn đề Nam Tư").

"Cái quan niệm "xã hội chủ nghĩa trong một xứ" của những người cầm đầu Nam Tư nêu ra không phải là lý thuyết của Marx và Lénine. Chính Staline đã bày đặt ra nó từ năm 1924 trong Đảng Cộng sản Nga và trong Đệ Tam Quốc tế để che đậy cái chính sách quốc gia, phản ánh quyền lợi đám quan chế Nga đang mọc mầm. Cái chính sách đó chống lại cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên hoàn cầu.

Còn về quan niệm một đảng thống nhất của những người điều khiển các bạn, chính là do ở kho tàng chủ nghĩa stalinien mà ra, chứ không phải quan niệm của Marx và Lénine. Một đảng cách mạng theo đúng tinh thần của nó, là một đảng dân chủ, các khuynh hướng chính trị của đảng viên có được tự do phát biểu...

Nếu các bạn còn bảo thủ cái quan niệm đó, các bạn sẽ nhất định đi đến chỗ thủ tiêu cuộc cách mạng của các bạn và thủ tiêu đảng của các bạn." (Tập chí "Đệ tứ Quốc tế" tháng 9 năm 1948 trong bài "Thư gửi các đảng viên cộng sản Nam Tư").

"Xét thấy sự tiến hoá đại thể của Đảng cộng sản Nam Tư, ta thấy nó phát triển một khuynh hướng "trung tả phái"..."

Chúng ta nhắc lại rằng có sự ủng hộ trực tiếp của vô sản quốc tế thì trong tương lai khuynh hướng "Trung tả phái" đó mới có thể giữ được bản chất tốt và mới trở nên hoàn hảo cho cách mạng vô sản quốc tế." (Tập chí "Đệ tứ Quốc tế" tháng 11 năm 1949, trong bài "Sự tiến hóa của Đảng Cộng sản Nam Tư").

"Chúng tôi tố cáo cho hàng tiền phong cách mạng thế giới và những phần tử tiền tiến mà chúng tôi kêu gọi để ủng hộ cách mạng Nam Tư biết những thái độ không trọng sự thực của những người cầm đầu Nam Tư và những phương pháp tranh đấu họ lấy trong những kho tàng thối nát của Kremlin." (Tập chí "Đệ tứ Quốc tế", tháng 1 năm 1950 bài trả lời Vlahovitch).

"Từ ngày Kremlin phong tỏa xứ Nam Tư cắt đứt hẳn sự giao thương giữa Nam Tư và Nga Xô và các xứ Dân chủ Bình dân thì Nam Tư phụ thuộc vào kinh tế tư bản... Bọn đế

quốc tư bản đầu cơ tình thế đó bắt chính phủ Nam Tư phải nhượng bộ. Nhưng nếu những người cầm đầu Nam Tư trước đây không bị đào tạo ở trường học staliniên thì sự nhượng bộ của họ không bao giờ tới một giới hạn như hiện nay... Sự nhượng bộ đó, thật ra chỉ đi đến kết quả làm cho Nam Tư mất hết thiện cảm và sự ủng hộ của vô sản thế giới và những quần chúng thế giới là những lực lượng độc nhất sau này có thể bảo vệ chế độ Vô sản Nam Tư. Bởi vậy, sự nhượng bộ đó ta phải bài trừ." (Tạp chí "Đệ tứ" tháng 1 năm 1951, bài "Đoạn đường mới của những người cầm đầu Nam Tư").

"Chính trị của phái cầm đầu Nam Tư là một chính trị xu thời, liêu lĩnh, vô phương pháp...

Viện cố chống lại sự quan chế hoá, chống lại sự tập trung, gần đây họ chuẩn y nhiều biện pháp kinh tế và chính trị dần dần có thể đi đến chỗ tiêu diệt nền kinh tế công cộng và kế hoạch cùng chính quyền của những Ủy ban Bình dân Nam Tư...

Không lúc nào bằng lúc này, những người chiến sĩ mác-xít cách mạng ở Đảng Cộng sản Nam Tư phải lập một khuynh hướng theo chủ nghĩa Lénine và chống lại sự phản bội của hạng cầm đầu." (Báo "La Vérité" của Đảng tờ-rốt-kýt Pháp (P.C.I.) ngày 21 tháng 11 năm 1951).

"Những người tờ-rốt-kýt như chúng tôi, nhìn theo con mắt của những người cầm đầu ở Belgrade, bị liệt danh là tay sai của "Kominform", nhưng nhìn theo con mắt của Moscou, thì chúng tôi lại là "tay sai của Tito". Nguyên nhân sự mâu thuẫn đó là do thái độ của chúng tôi là thái độ của những người mác-xít cách mạng, thái độ xung khắc hết thảy những bọn cầm đầu quan chế trong phong trào thợ thuyền." (Báo "La Vérité" ngày 20 tháng 12 năm 1951).

Trong phạm vi khuôn khổ mục này, chúng tôi không thể trích dịch đầy đủ tài liệu của Cộng sản Tito và Cộng sản Tờ-rốt-kýt. Chúng tôi chỉ chứng tỏ giữa hai khuynh hướng Tito và trốt-kít có những sự chống chọi và bất đồng tư tưởng. Nhất là từ ngày xảy ra chiến tranh Cao Ly thì tài liệu báo chí của đôi bên bài bác nhau kịch liệt. Ai cũng biết rằng phái tờ-rốt-kýt ủng hộ Bắc Cao Ly và Trung Cộng, còn phái Tito đã công khai chống lại.

Các ông lãnh tụ "Công nhân" viện cố tờ-rốt-kýt ủng hộ cách mạng Nam Tư (cách mạng mà các ông không công nhận, lẽ tất nhiên) để ghép tờ-rốt-kýt với Tito, nhưng các ông lại "quên" phái tờ-rốt-kýt cũng ủng hộ cách mạng Việt Nam, Cao Ly, Trung Hoa. Tại sao các ông không ghép tờ-rốt-kýt với Hồ Chí Minh, với Mao Trạch Đông, v.v... Vì xét kỹ thái độ của tờ-rốt-kýt về vấn đề Nam Tư cũng không khác gì những vấn đề Việt Nam, Cao Ly, Trung Hoa.

Các ông sẽ viện cố khi tờ-rốt-kýt ủng hộ kháng chiến Việt Nam là họ "dĩ tâm", còn khi họ ủng hộ Nam Tư mới là "thật tâm". Căn cứ theo cái lý luận duy tâm đó thì người ta có thể gọi kẻ không vừa ý mình là gì cũng được. Nếu thiên hạ ai cũng dùng các lý luận như các ông thì xã hội sẽ đi đến chỗ không hiểu thực hư đâu cả.

Chúng tôi chỉ nhắc lại rằng Tito và Đảng Cộng sản Nam Tư từ khi cải tổ (kể từ năm 1936) tới 1948 rông rã hơn 10 năm đã đứng trong hàng ngũ staliniên do Staline lãnh đạo. Suốt trong thời kỳ đó và cho đến cả ngày nay nữa Tito hoặc những người cầm đầu đảng ấy chưa hề bao giờ tự xưng là tờ-rốt-kýt hay công khai tuyên bố bênh vực thuyết tờ-rốt-kýt. Trái lại, họ vẫn tiếp tục bài trừ triệt để.

Các ông đem ghép hai chữ trốt-kít và Tito là các ông cố ý xuyên tạc lịch sử, che mắt anh em công nhân và Việt kiều. Cái thủ đoạn ấy đôi khi đem lại kết quả cho các ông buổi đầu, nhưng rốt cuộc nó sẽ tai hại cho các ông, một khi anh em công nhân và Việt kiều có cơ hội nhận biết sự thực.

B- Một thủ đoạn thứ hai của các ông nữa là ghép thêm tổ chức Hiệp đoàn vào mấy chữ trốt-kýt Tito. Bằng thái độ đó các ông định gieo sự hoang mang để phân tán anh em

trong *Hiệp đoàn*. Nhưng anh em trong *Hiệp đoàn* đều hiểu sự phân biệt giữa tờ-rốt-ký và Tito là thế nào vì họ thấy rõ trên mặt tờ "*Tiếng thợ*" và trong các thái độ và hành động của *Trung ương Hiệp đoàn*. Các ông chỉ lừa được những ai không đọc báo chí của chúng tôi và chưa có dịp hiểu rõ lập trường của chúng tôi mà thôi.

Các đoàn viên *Hiệp đoàn* đều hiểu đảng tờ-rốt-ký là một đảng chính trị theo chủ nghĩa tờ-rốt-ký còn *Hiệp đoàn* là một tổ chức quần chúng có tính cách Nghiệp đoàn bao gồm các xu hướng của lao động, nghĩa là bao gồm những người tờ-rốt-ký lẫn những người không theo tờ-rốt-ký hay những người không ở một đảng phái nào.

Đoàn viên của *Hiệp đoàn* bất kể xu hướng chính trị nào hay không xu hướng đều hiểu trong hàng ngũ *Hiệp đoàn* và trong ban điều khiển đều có những phần tử tờ-rốt-ký sát cánh với các anh em khác. Hồi trước ở trong "Tổng Ủy ban Đại diện" và trong ban "Trung ương Công binh" cũng đều có những phần tử tờ-rốt-ký tham gia như thế. Điều quan trọng là những phần tử tờ-rốt-ký đó làm gì? Có hành động hợp với quyền lợi của lao động không? Đó là điều anh em đoàn viên *Hiệp đoàn* chú ý. Một khi họ đã có sự nhận định xác đáng thì những sự đe dọa của các ông lãnh tụ "*Công nhân*" chẳng làm cho họ rung chuyển chỉ vì một lẽ giản dị: họ không phải là những phần tử khiếp sợ đe dọa.

Chúng tôi khuyên các ông "*Công nhân*" hãy bỏ những thủ đoạn mảnh khóc ấy đi!

Hỡi các bạn hội viên "*Công nhân*"!

Chúng tôi đã viện những bằng chứng nói trên bác bỏ những lời vu cáo của tờ "*Công nhân*", các bạn hãy đọc kỹ và nhận xét công bằng. Các bạn thấy rõ những người điều khiển của tờ báo đó lợi dụng cơ quan của các bạn, thực hành chính sách ngu dân, che lấp các sự thật. Bọn người đó cũng là bọn người trước đây, vào tháng 3 năm 1951, đã viết trong "*Văn hóa Liên hiệp*" vu cáo chúng tôi. Họ đã được chúng tôi trả lời một cách đich đáng trong "*Tiếng thợ*" - số đặc biệt ra ngày 29 tháng 4 năm 1951. Từ ấy họ im hơi. Nay họ lợi dụng tờ "*Công nhân*" để tiếp tục công việc ám muội đó. Trước kia họ bảo tổ chức *Hiệp đoàn* là do "*thực dân tìm những mảnh khóc quí quyết lập ra*", thủ đoạn ấy họ thấy không hiệu quả vì nó chống lại sự thực một cách quá hiển nhiên. Bây giờ, họ thay đổi chiến thuật công nhận "*phần đông anh em trong Hiệp đoàn thật tâm ủng hộ kháng chiến*". Nhưng trước sau họ vẫn chưa bỏ được thủ đoạn bịa đặt và xuyên tạc. Khi trước họ dựa vào thế lực của kháng chiến định uy hiếp tổ chức *Hiệp đoàn* nhưng không nổi. Ngày nay họ dùng mảnh khóc xảo quyết ly gián các đoàn viên với tổ chức *Hiệp đoàn*.

Những kẻ đó thù hận chúng tôi hơn là thù hận Bảo Đại. Họ chống Bảo Đại thì ít mà chống chúng tôi thì nhiều, bởi lẽ họ sợ thái độ và hành động chính trị của chúng tôi có thể ảnh hưởng tới các bạn. Mục đích của họ là mau mau gây sự thù hận giữa các bạn đối với chúng tôi để tránh khỏi kết quả không hay cho họ. (Chúng tôi chỉ lấy một thí dụ: trong dịp Tết Nguyên đán vừa qua tại Paris họ sợ các bạn tới dự cuộc họp với chúng tôi cũng như chúng tôi tới dự cuộc họp với các bạn, họ liền ra một tờ truyền đơn hô hào các Việt kiều tỵ chạy Tết của *Hiệp đoàn*. Tờ truyền đơn đó họ chỉ nói tới Bảo Đại có hai chữ còn thì họ đem hết những lý luận để vu cáo chống chúng tôi. Các bạn đều biết rằng ngày Tết chúng tôi tổ chức không trùng với ngày Tết của "Liên Việt", chúng tôi cũng không hề hô hào ai đừng tới dự Tết của "Liên Việt").

Nhưng một điều thất bại cho họ là sự liên lạc giữa hội viên "*Công nhân*" và đoàn viên *Hiệp đoàn* vẫn tiếp nối, trái với sở nguyện của họ. Tại các tỉnh như Lyon, Dunkerque, hai tổ chức của "*Công nhân*" và *Hiệp đoàn* đã biết liên kết cùng nhau trong những cuộc biểu tình, những ngày kỷ niệm cuộc Tổng khởi nghĩa, Tuyên ngôn Độc lập và Tết Nguyên đán. Ở trong xưởng thợ hay trong các cuộc gặp gỡ, anh em chúng ta đã có dịp trao đổi ý kiến, tư tưởng, thảo luận với nhau về các vấn đề. Cố nhiên, chúng ta vẫn thân mật trò chuyện không coi nhau như một kẻ thù nghịch giai cấp. Không ai có thể dám cam đoan trong các hành động và thái độ chính trị lại không có sai lầm. Điều cốt yếu là phải có những cuộc trao đổi ý kiến, thảo luận với nhau để tìm ra chân lý. Điều cốt yếu là phải trọng ý kiến của nhau và nhất là phải trọng sự thật.

Những người điều khiển tờ "*Công nhân*" cố ý chôn vùi sự thật. Họ nói dối và họ biết họ nói dối. Họ nói dối để ly gián sự liên lạc giữa chúng ta, gây ra sự thù hận giữa chúng ta.

Các bạn cũng như chúng tôi, chúng ta đều nhận thấy Việt kiều ở Pháp cần gây dựng một phong trào mạnh mẽ chống đế quốc. Muốn đạt được điều đó trước hết phải chấm dứt những vụ cáo thóa mạ chỉ gây sự thù hận hoang mang chia rẽ. Chúng ta phải đi đến chỗ thành lập một chiến tuyến duy nhất đánh kẻ thù chung là đế quốc. Chiến tuyến đó sẽ bao gồm hết thảy mọi phần tử Việt kiều phản đế đủ mọi khuynh hướng, thỏa thuận với nhau trên một lập trường tối thiểu. Chúng tôi biết bọn người đơng vu cáo chúng tôi sẽ chống lại sự thống nhất lực lượng của Việt kiều chống đế quốc. Chúng tôi biết họ còn tiếp tục công cuộc vu cáo mãi. Nhưng chúng tôi kêu gọi các bạn là những phần tử lao động hăng hái, trọng sự thật, phần đông đã cùng chúng tôi sát cánh tranh đấu trong phong trào Công binh, hãy cùng chúng tôi phá đổ bức tường vu cáo ngăn cản lực lượng thống nhất của chúng ta. Trong các buổi hội họp, các bạn hãy yêu cầu những người điều khiển giải thích những điều chúng tôi đã nêu ra ở trên. Các bạn hãy đem so sánh sự giải thích của họ với những bằng chứng của chúng tôi. Như chúng tôi đã nói trong trang đầu, chúng tôi chỉ mong đem lại sự thật. Còn quyền phê bình và quyết định hoàn toàn do các bạn. Chúng tôi tuyên bố, mặc dầu những lời vu cáo của những người điều khiển, tình thân thiện giữa chúng tôi đối với các bạn vẫn duy nhất.

Đả đảo bọn vu cáo!

Đả đảo những âm mưu chia rẽ!

Việt kiều tiến đến sự thống nhất lực lượng chống đế quốc trong một chiến tuyến duy nhất!

KHI BÁO "QUYẾT THẮNG" LÀM "CHÍNH TRỊ"

(Hoàng Khoa Khôi)

Báo "Quyết thắng" ra đời trong vòng vài năm có lẻ¹. Từ những số in bằng rô-nê-ô tới những số in tại nhà in đẹp đẽ, đó ai biết "Quyết thắng" là cơ quan của tổ chức nào? Cơ quan của Phái đoàn chính phủ như hồi ông Trần Ngọc Danh ra tờ "Thông tin Việt Nam"? Không! Cơ quan của chi nhánh đảng Lao động Việt Nam? Không! Cơ quan của hội Liên hiệp Việt kiều? Cũng không nốt! Vì dưới nhãn hiệu "Quyết thắng", người ta chỉ thấy mấy dòng chữ: "Cơ quan tranh đấu của Việt kiều". Nêu ra một cách hàm hồ! Ta có thể hiểu "Quyết thắng" là sở quyền của một nhóm chính trị đội tên "Quyết thắng" nhưng mạo danh là "của Việt kiều". Ta cũng có thể hiểu nó không thuộc sở quyền ai cả mà là "của chung" mọi người (!?); nghĩa là nó vô chủ. Nhưng giờ trang cuối, ta được biết người chủ nhiệm là ông Nguyễn Khắc Viện. Vậy ta có thể tạm coi "Quyết thắng" là cơ quan của... ông Nguyễn Khắc Viện. Bài vở, dĩ nhiên, chỉ do mình ông Nguyễn Khắc Viện định đoạt. Không một tổ chức, một nhóm người nào trách nhiệm định đoạt! Câu chuyện về mặt công khai, dĩ nhiên là như thế! Còn về phương diện thâm kín, ai muốn hiểu thế nào thì hiểu!...

Nhưng (ta cần đặt chữ **NHUNG!**) đọc các bài vở "Quyết thắng" thì ta thấy gì? Ta thấy 90% là chép lại những bài vở của báo chí bên nhà. Đúng hơn, báo chí ở miền Bắc như những tờ "Văn nghệ", "Nhân dân", "Cứu quốc", v.v... Song một điều đáng chú ý là ông chủ nhiệm "Quyết thắng" không bao giờ chú thích đó là những bài đăng lại của các cơ quan khác. Có lẽ ông ta vô tình quên cái điều thường thức đó! Về phần Việt kiều, ai muốn "hiểu lầm" tùy ý, quý hồ "Quyết thắng" đạt mục đích "cống hiến Việt kiều tin tức nước nhà." Chắc là ông chủ nhiệm "Quyết thắng" nghĩ bụng như thế! Nhưng trong việc hoạt động chính trị, đôi khi một vài nguyên tắc cũng có tính cách quan trọng chẳng kém vấn đề tư tưởng. Mặc dầu chủ đích ra sao, ông chủ nhiệm "Quyết thắng" đã làm một việc thiếu phần minh bạch. Ông quên rằng trong việc chính trị sự minh bạch là điều cần thiết.

Nói rằng "Quyết thắng" chỉ đăng lại bài vở bên nhà thì cũng quá đáng! Đôi khi "Quyết thắng" cũng viết những bài của "Quyết thắng". Và những bài của "Quyết thắng", đại cương đây những mâu thuẫn và vẫn cái giọng xta-lin-nít, nghĩa là cái giọng xuyên tạc ý tưởng của kẻ khác để rồi chống chọi theo ý muốn. Thí dụ trong bài "Thực hiện thống nhất bằng phương pháp hòa bình", "Quyết thắng" viết:

"Chủ trương chiến tranh để giải quyết vấn đề thống nhất, tức là mắc mưu bọn khiêu khích tay sai của Mỹ. Có một bọn xảo quyết hơn để xướng ra: cách mạng vô sản, cách mạng thế giới, có chiến tranh mới có cơ phát triển; chúng bảo chủ trương gìn giữ hòa bình là mưu kế của bọn "quan liêu" muốn chặn tay quần chúng để củng cố địa vị của mình..."

"Chủ trương chiến tranh để thống nhất tức là muốn kìm hãm nhân dân đang mãnh liệt đấu tranh chính trị; gây ra tư tưởng khoanh tay chờ đợi chiến tranh để giải quyết những khó khăn hiện tại..." ("Quyết thắng" tháng 11-1955. Chúng tôi chú gạch).

Ài là "bọn xảo quyết hơn"? Ý hẳn "Quyết thắng" ám chỉ "Tiếng thợ" và Hiệp đoàn? Cái "can đảm" của "Quyết thắng" là không bao giờ nêu danh hiệu kẻ mà "Quyết thắng" muốn tranh luận. Cái "can đảm" của "Quyết thắng" còn ở chỗ họ gán cho phe đối lập những ý tưởng do họ bịa đặt. Ai đã nói cần phải có chiến tranh "cách mạng vô sản, cách mạng thế giới mới có cơ phát triển"? Ai đã nói cần phải "chiến tranh" để giải quyết vấn đề thống nhất? Riêng "Tiếng thợ" và Hiệp đoàn không bao giờ nói như thế cả. Riêng "Tiếng

¹ - Vừa đây, báo đổi tên là "Đất nước".

thợ" và Hiệp đoàn chỉ nói rằng: *vấn đề thống nhất nước Việt Nam rốt cục, là do cuộc vận động cách mạng của quần chúng miền Nam lật đổ chính quyền bù nhìn của Diệm mới có cơ thực hiện.* Vận động cách mạng có trăm ngàn hình thức, từ hình thức tuyên truyền tố cáo Diệm tới hình thức biểu tình, đình công, tùy theo trường hợp, tùy theo điều kiện. Vận động cách mạng còn kể cả vấn đề nổi dậy đoạt chính quyền, một khi có đủ lực lượng. Thái độ ấy khác hẳn thái độ của "Quyết thắng" cho rằng hình thức "duy nhất" của cuộc tranh thủ thống nhất là "phương pháp hòa bình"; nghĩa là phương pháp vận động lấy chữ ký, kêu nài chính quyền miền Nam hạ cố, nghĩa là phương pháp vận động ngoại giao giữa các chính phủ, nghĩa là phương pháp tránh mọi hành động "tố cáo" chính quyền của Diệm, tránh sự lật đổ Diệm. vì coi Diệm một ngày kia có thể thân thiện cùng chính quyền miền Bắc, mở của hiệp thương thi hành tổng tuyển cử.

Hai thái độ chính trị, bao gồm hai phương pháp tranh đấu khác nhau. Một đảng tố cáo Diệm, coi Diệm là kẻ thù bất cộng đái thiên. Một đảng coi Diệm, bị "áp lực ngoại giao", có thể thay đổi thái độ, vậy phải có thái độ lịch sự, nhũn nhặn đối với Diệm. Một đảng coi phương pháp ngoại giao là cần thiết, nhưng phụ thuộc. Một đảng coi đó là giải pháp "duy nhất"¹.

Nếu "Quyết thắng" cho rằng chính sách tố cáo Diệm, vận động quần chúng theo phương pháp cách mạng để chống Diệm là chính sách "gây chiến tranh", "mắc mưu bòn khiêu khích, tay sai của Mỹ" thì "Quyết thắng" cứ nói trắng ra. Hà có gì phải xuyên tạc, và như thế "Quyết thắng" sẽ đi tới lý luận của Pierre Hervé cho rằng quần chúng các nước chủ trương cướp chính quyền của tư bản tức là mắc mưu đế quốc, sinh ra thế giới chiến tranh thứ ba². Như thế quần chúng chỉ cần tranh đấu nghị trường, tranh đấu cầm chừng để tư bản tự chúng đi vào chỗ chết. Như thế cần sửa đổi lại học thuyết cách mạng của Marx - Lenin. Pierre Hervé có "can đảm" đánh dấu vào chữ "i". Còn cái "can đảm" của "Quyết thắng" là đặt chệch vấn đề, đổi hai chữ "chủ trương cách mạng" ra hai chữ "chủ trương chiến tranh" và gán cho kẻ đối lập cái danh hiệu "bòn xảo quyết"; nghĩa là bòn "tay sai đế quốc." Với cái thủ đoạn xuyên tạc đó, Stalin đã bêu đầu hàng ngàn chiến sĩ, Rákosi đã chém cổ Rajk, Thorez đã trục xuất Marty, Trần Văn Giàu đã ám sát Tạ Thu Thâu. Cũng may "Quyết thắng" không có chính quyền ở Pháp, nếu không tòa soạn "Tiếng thợ" sẽ khôn tránh khỏi máy chém.

"Quyết thắng" nói:

"Chủ trương chiến tranh để thống nhất tức là muốn kìm hãm nhân dân đang mãnh liệt tranh đấu chính trị, gây ra ý tưởng khoan tay chờ đợi chiến tranh để giải quyết những khó khăn hiện tại." (Chúng tôi chú gạch).

Phải chăng "Quyết thắng" muốn ám chỉ "Tiếng thợ" và Hiệp đoàn đã đề xướng ra thuyết "quân đội miền Bắc phải tiến xuống miền Nam để gây chiến tranh với Diệm", như lời ông Nguyễn Khắc Viện đã nói trong một vài cuộc hội họp?

Hay "Quyết thắng" muốn ám chỉ Hiệp đoàn và "Tiếng thợ" mong đợi "chiến tranh thế giới xảy ra" để tác thành cách mạng, như lời ông Trần Thanh Xuân đã phát biểu trong tờ "Văn hóa Liên hiệp"?

Cả hai ý tưởng mà ông Viện và ông Xuân gán cho "Tiếng thợ" và Hiệp đoàn đều không đúng sự thực.

Hiệp đoàn và "Tiếng thợ", hoặc trên tài liệu hoặc trong lời nói, không bao giờ nêu ra ý tưởng nói trên cả. Trái lại, Hiệp đoàn và "Tiếng thợ" nhận định trong tình thế Việt Nam và thế giới hiện nay, sự kéo quân đội của chính phủ Hồ Chí Minh miền Bắc xuống giải phóng miền Nam là một điều thất sách. Thất sách nghĩa là không hợp thời cơ chứ không phải vấn đề nguyên tắc. Vì ở trong một hoàn cảnh khác, với những điều kiện khác (thí dụ như trong thời kỳ kháng chiến, hai cuộc chiến tranh thế giới sắp xảy ra), một hành động như thế

¹- Coi bài diễn văn của đại tướng Võ Nguyên Giáp do "Đất nước" xuất bản.

²- Coi cuốn "Révolution et les fétiches" của Pierre Hervé.

không có gì là trái lý.

Vậy chỗ mà *Hiệp đoàn* phê bình chính phủ Hồ Chí Minh không phải là vấn đề kéo quân miền Bắc xuống "*chiến tranh*" với miền Nam. Chỗ mà chúng tôi phê bình là trong vòng hai năm nay, chính phủ Hồ Chí Minh và đảng Lao động Việt Nam không vạch viễn đồ thiết thực và phương pháp tích cực cho quần chúng miền Nam tranh đấu chống Diệm. Vì thế, Diệm đã được rảnh tay diệt trừ những trào lưu đối lập, củng cố chính quyền một cách dễ dàng. Từ hai bàn tay trắng từ Hoa Thịnh Đốn bước về, Diệm ngày nay đã thành lập nổi một chính thể độc tài trên lưng quần chúng. Chỗ mà chúng tôi phê bình là "*phương pháp hòa bình*" của chính phủ. Trong vòng hai năm nay, phương pháp ấy đã đem lại những gì? Một sự hoang mang giữa các tầng lớp nhân dân đứng trước vấn đề thống nhất. Một sự phân chia mỗi ngày mỗi kéo dài giữa hai miền Nam - Bắc. Một phong trào khủng bố tàn nhẫn của Diệm đối với những chiến sĩ cách mạng.

Một sự im bất của dư luận thế giới đối với Hiệp ước Genève. Trong lúc hai nước chủ tịch Anh - Nga công nhận sự hòa hoãn lui thời hạn tổng tuyển cử.

Người ta sẽ nói: nhưng trong lúc ấy, chính quyền miền Bắc được củng cố, chế độ miền Bắc nỗ lực tăng gia kiên thiết, v.v... Điều ấy có. Nhưng sự kiên thiết miền Bắc hỏi có bảo đảm gì, nếu một nửa phần nước Việt, mà tài nguyên sung túc nhất, còn lọt vào tay địch? Ngày nào miền Nam chưa được giải phóng, ngày ấy miền Nam vẫn là pháo đài của Mỹ, ngày ấy mỗi học chiến tranh để quốc vẫn còn. Mà chiến tranh tái diễn (chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra) thì tất cả những sự kiên thiết hiện nay có gì là vĩnh viễn? Ấy là chưa kể sự kiên thiết miền Bắc, thiếu các tài nguyên miền Nam bổ túc, sẽ không khỏi không lệ thuộc kinh tế và chính trị Trung Hoa và Nga. Miền Bắc sẽ tránh sao cái địa vị "*chư hầu*" như các xứ dân chủ bình dân ở Đông Âu?

Tất cả những điều nói trên "*Quyết thắng*" khó lòng trả lời. Cho nên "*Quyết thắng*" cần trả trộn, đem những điều tự mình bịa đặt gán cho kẻ khác. Để rồi "*Quyết thắng*" đi đến kết luận *Hiệp đoàn* và "*Tiếng thợ*" "*khoanh tay chờ đợi chiến tranh để giải quyết những khó khăn hiện tại.*" Tranh đấu theo phương pháp cách mạng, tranh đấu theo đường lối của Marx - Lenin như *Hiệp đoàn* đã vạch ra không phải là "*khoanh tay chờ đợi chiến tranh*" mà chính là vận động quần chúng chống lại chiến tranh một cách tích cực. "*Khoanh tay chờ đợi chiến tranh*" xây tới, thực ra, là những kẻ nêu cái lý thuyết "*hòa bình*" trong lúc cao trào cách mạng quần chúng đang lan rộng toàn thế giới. "*Khoanh tay chờ đợi chiến tranh*" xây tới, thực ra, là những kẻ đem thuyết "*hai chế độ sống chung hòa hảo*", "*tranh đấu nghị trường thay cho tranh đấu cách mạng*", những kẻ đem ra những lý thuyết hàm hồ ru ngủ quần chúng trong lúc đế quốc vẫn chuẩn bị chiến tranh, và chiến tranh để quốc không tránh khỏi.

Hiệp đoàn và "*Tiếng thợ*" đã từng giải thích tính chất của thời đại hiện nay không phải là thời đại "*hòa bình*", thời tư bản còn đủ lực lượng duy trì lâu dài chế độ hủ bại của chúng. Tính chất của thời đại hiện nay là thời đại "*cách mạng*", nghĩa là thời đại cáo chúng của tư bản chủ nghĩa. Trước khi dấy chết, tư bản cần thiết và bắt buộc gây ra chiến tranh chỗ này hay chỗ khác¹ và sau cùng sẽ gây cuộc chiến tranh toàn thế giới để cứu vãn chế độ. "*Chiến tranh sẽ do đế quốc gây ra, cách mạng sẽ do vô sản làm lấy*"². Nếu tư bản tạm thời thực hiện chính sách "*bớt căng thẳng*" không phải vì chúng bỗng trở nên hiền lành, yêu chuộng hòa bình (như "*Quyết thắng*" mong đợi) mà chỉ là chiến thuật nhất thời trong con đường đi tới chiến tranh của chúng. *Hiệp đoàn* đồng thời vạch rõ tương quan lực lượng giữa vô sản và tư bản vẫn thuận lợi và càng trở nên thuận lợi cho vô sản. Bất cập mà đế quốc sinh ra chiến tranh, chúng sẽ tự đào mồ chôn chúng.

Nhận định tính chất của thời đại, vạch rõ tương quan lực lượng giữa giai cấp, tìm hiểu những yếu tố gây cuộc thắng lợi cho vô sản. Đó là nguyên lý A, B, C của chủ nghĩa mác-

¹- Thí dụ ở Algeria hiện nay.

²- Khẩu hiệu này "*Tiếng thợ*" đã nêu ra từ sáu năm nay.

xít. Nhận định chiến tranh của đế quốc gây ra sẽ đào mồ chôn chúng, không phải là mong đợi chiến tranh mau mau xảy tới. Trước cuộc thế giới chiến tranh 1914-1918, Lenin đã vạch rõ cuộc chiến tranh đó "có thể đổi thành nội chiến cách mạng", đem lại chính quyền cho vô sản. Phải chăng Lenin "mong chờ" cuộc chiến tranh đó mau tới "để giải quyết các khó khăn hiện tại"? Lenin chỉ vạch rõ bước tiến triển của thời cuộc để cho lao động chuẩn bị sẵn sàng trong cuộc tranh đấu.

Báo "*Quyết thắng*", thực ra, có ý tưởng khác với học thuyết lê-nin-nít; nghĩa là ý tưởng mà Khrushchev đã trình bày ở Đại hội thứ XX của đảng Cộng sản Nga. Nhưng họ đui lý, chạy quanh và phải đặt lệch vấn đề ra chỗ khác.

Ý tưởng của Khrushchev về chiến tranh cho rằng thuyết của Lenin nhận định "*chiến tranh để quốc không thể tránh khỏi*" là thuyết không còn đúng nữa. Theo Khrushchev, trong thời kỳ hiện tại, nhờ sự phát triển lực lượng của các xứ "*xã nghĩa*" và các xứ yêu chuộng hòa bình, *chiến tranh có thể tránh khỏi*. Vậy thì vô sản ở nhiều nước (như nước Ý, nước Pháp chẳng hạn) không cần làm cách mạng lật đổ tư bản nữa, mà chỉ cần tranh đấu nghị trường cũng có thể biến đổi một xứ tư bản thành một xứ xã hội chủ nghĩa. Ý tưởng này đã cải đổi hẳn nguyên lý căn bản của chủ nghĩa mác-xít - lê-nin-nít: ấy là vấn đề lật đổ chính quyền tư bản.

Tranh luận với *Hiệp đoàn* và "*Tiếng thợ*", báo "*Quyết thắng*" không đủ can đảm đặt vấn đề rành mạch. Không những họ đã chạy quanh mà còn úp mở gán cho người bất đồng chính kiến cái ý tưởng "*chủ trương chiến tranh*", "*chờ đợi chiến tranh*", v.v..., một phương pháp mà Stalin thường dùng để bài trừ những kẻ đối lập.

Muốn biết lập trường rõ rệt của "*Quyết thắng*", kẻ cũng là một vấn đề khó khăn. Vì "*Quyết thắng*" thường hay xuyên tạc. Và nếu họ không xuyên tạc thì họ lại dùng những giọng lờ mờ, khiến cho độc giả khó hiểu biết tường tận.

Mặc dầu mảnh khỏe đó của "*Quyết thắng*", độc giả nào chú ý cũng có thể nhìn nhận bản sắc chính trị thực sự của họ. Ấy là chính trị của chủ nghĩa xta-lin-nít mà hiện nay đeo thêm màu sắc của Khrushchev. Một chủ nghĩa quay lưng lại cuộc cách mạng vô sản, không tin tưởng ở động lực quần chúng, xuyên tạc ý kiến của kẻ đối lập, lấy bộ máy chính phủ và việc ngoại giao của chính phủ làm gốc. Chủ nghĩa đá mác-xít, đá cải lương, cộng thêm một tính chất quốc gia cuối mùa¹.

Tất cả lập trường của "*Quyết thắng*" có thể gồm ở mấy câu này của họ: "***Bao giờ những người cách mạng chân chính cũng nhận lấy nhiệm vụ đầu tiên là giữ gìn hòa bình***" (Chúng tôi chú gach).

Những người cách mạng chân chính, đó là ông chủ bút báo "*Quyết thắng*". Đó là ông Thorez, ông Duclor (?), chắc rằng muốn "*nhận lấy nhiệm vụ đầu tiên giữ gìn hòa bình*" cho tư bản nên đã bỏ phiếu tăng gia ngân quỹ chiến tranh Đông Dương (1946-47) và hồi tháng Ba vừa qua, đảng Cộng sản Pháp bỏ phiếu chuẩn y "*chính quyền đặc biệt*" cho chính phủ ... (?) tiếp tục cuộc chiến tranh phản động ở Algeria. Đó là ông Rákosi, ông... (tiếc rằng quần chúng Hung vừa mới cách chức Rákosi và tổng giam ...). Đó là ông Togliati. Đó là ông Stalin (tiếc tăng lao động các nước hiện nay lại muốn lật đổ tượng đồng Stalin). Đó là ông Khrushchev, ông Bulganin, v.v... vì các ông này đã "*nhận lấy nhiệm vụ đầu tiên là giữ gìn hòa bình*" (!) Còn Marx, Engels, Lenin và các nhà tiền bối mác-xít thành lập Đệ tam Quốc tế Cộng sản vạch ra "*nhiệm vụ đầu tiên của vô sản là làm cách mạng lật đổ chính quyền tư bản*", theo báo "*Quyết thắng*", ắt hẳn phải liệt những người này vào hạng "*cách mạng giả danh*" chẳng?

¹- Vừa đây, "*Quyết thắng*" đòi ra "*Đất nước*" để bớt phần mác-xít, thêm phần cải lương và quốc gia cho hợp với "*trào lưu mới*". Một bước "*tiền bộ*" nữa của ông chủ bút báo "*Quyết thắng*"!

BÀN VỀ HAI CUỘC CÁCH MẠNG BA LAN VÀ HUNG GIA LỢI*
(Hoàng Khoa Khôi)

* Bài này, khi đăng trên báo, tác giả ký tên Hoàng Giang.

BUỚC NHẢY CỦA NHÀ TRIẾT LÝ TRẦN ĐỨC THẢO*

(Hoàng Khoa Khôi)

Việt kiều ai đã ở Pháp từ 1945-46-47 đều biết tiếng ông Trần Đức Thảo.

Trước hết, người ta biết ông Thảo vì ông ta đã đỗ thạc sĩ triết học số một. Người Việt ở Pháp thi đỗ thạc sĩ và nhất là thạc sĩ số một, hỏi ai không chú ý? Người ta đồn đó là một "thiên tài", đặc biệt hơn nữa, "thiên tài" triết học, một khoa học mà chỉ có "những bậc uyên bác lắm mới hiểu nổi" (người ta đồn thế).

Việt kiều còn biết ông Thảo vì ông đã có chân trong *Tổng Ủy ban Đại diện* gồm hơn 20.000 Việt kiều, một cơ quan tranh đấu chống đế quốc đã từng nổi danh cả một thời kỳ. Ông Thảo đã giữ một trách nhiệm quan trọng và do đó, đã đóng một vai trò quan trọng.

Nhưng điều mà ít ai biết đến là con đường "tiến hóa" của ông Thảo về khoa triết học cũng như khoa chính trị.

Thì đây, tôi xin hiến các bạn đọc.

Ta hãy bắt đầu từ năm 1944-45. Ông Thảo cấp sách ra khỏi nhà trường giữa lúc phát-xít Đức bại trận, Đồng minh Anh-Mỹ đổ bộ ở Pháp, một phong trào mạnh mẽ của Công, Chiến binh và Việt kiều tại Pháp nổi lên chống thực dân đế quốc, đồng nhịp với phong trào bùng bột của quần chúng Pháp. Vào lúc đó, tại Paris có một số Việt kiều cách mạng gồm những phần tử quốc gia và Đệ tứ (tranh đấu trong vòng bí mật từ hồi Đức thuộc) nhân cơ hội đứng ra chủ trương thành lập phong trào *Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều*. Do sự vận động của đám người này, ông Trần Đức Thảo và một số trí thức quốc gia tham gia. Từ một nhà triết học, ông Thảo lần đầu tiên nhảy vào trường hoạt động chính trị.

Chính trị của ông Thảo, hồi đó, là chính trị quốc gia tiểu tư sản. Ông tranh đấu cho sự "giải phóng quốc gia". Nhưng ông không ưa gì chủ nghĩa cộng sản. Oái oăm thay cho ông Thảo, trong ban điều khiển *Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều*, ông lại phải chung đụng hàng ngày với những phần tử Đệ tứ, theo chủ nghĩa quốc tế vô sản, tranh đấu giai cấp. Thành ra đối với một số dư luận, nhất là dư luận của đảng Cộng sản Đệ tam Pháp, ông bị "mắc oan" là Đệ tứ.

Ông Thảo vẫn âm ức với sự mắc oan đó. Nhưng khôn thay, ông lại biết rằng không có Đệ tứ thì phong trào *Tổng Ủy ban Đại diện* khó lòng đứng vững. Vì lúc đó, Đệ tam ở Pháp hoàn toàn bỏ rơi vấn đề độc lập Việt Nam¹. Còn những phần tử trí thức quốc gia thì không có cơ sở ảnh hưởng trong quần chúng - hồi đó đại đa số Việt kiều là công binh và chiến binh ở trong các căng trại.

Ông Thảo là người thông minh, lại hiểu thời cơ, nên ông ép mình "thân thiện" với Đệ tứ!

Đối với những phần tử quốc gia khác, sự cộng tác với Đệ tứ trong phong trào *Tổng Ủy ban Đại diện* là một hành động tự nhiên, không có gì ản ý. Những người này, trong giai đoạn ấy, thấy Đệ tứ hay Đệ tam hành động hợp với ý tưởng họ thì họ tranh đấu chung, với một tinh thần bằng hữu. Ông Trần Đức Thảo lại khác, ngay trong khi ông "thân thiện" với Đệ tứ, ông đã âm ức nhiều điều! Ông âm ức vì bị "mắc oan" là Đệ tứ. Ông âm ức còn vì lẽ

* "*Tiếng thợ*" số 66, tháng 4-1957 (trên số báo này, tác giả ký tên Thanh Bằng)..

¹- Đảng Cộng sản có chân trong chính phủ De Gaulle. Ở Quốc hội, họ chuẩn y ngân khố chiến tranh Đông Dương, khen tặng quân đội Leclerc đổ bộ ở Việt Nam. Thượng thư cộng sản Tillon gửi máy bay sang Việt Nam cho quân đội Viễn chinh Pháp. Sơn và Điều là hai đại diện của Đệ tam phản đối Tổng Ủy ban Đại diện, hô hào Liên hiệp Pháp. Magnien trong báo "*L'humanité*" yêu cầu chính phủ "mặc binh phục" cho Công binh, gửi họ về nước gia nhập quân đội Viễn chinh Pháp để... chống Nhật, đầu lúc ấy Nhật đã đầu hàng.

ông thấy Đệ tứ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, tranh đấu giai cấp trong lúc ông nhận xét chỉ có vấn đề "*giải phóng quốc gia*" là quan trọng hơn cả. Ông không đồng ý khi thấy những phần tử đệ tứ mới các lớp huấn luyện mác-xít trong các trại Công binh. Ông viện cớ là "*sớm quá*".

Thật ra, ông Trần Đức Thảo không tin xứ Việt Nam có vô sản và trường giả. Ông không tin xứ đó có tranh đấu giai cấp. Đối với ông, Việt Nam chỉ có một hạng người (kể từ quan chí dân, người giàu cho tới người nghèo) đều bị bọn Tây sang cai trị áp chế. Trong nhiều bài đăng ở tạp chí Pháp "*Thời mới*", ông giải thích ngược xuôi rằng xứ Việt Nam "*không có phong kiến*". Ngay trước thời Pháp thuộc, phong kiến đã bị thủ tiêu rồi¹. Theo ông, thời đó Việt Nam đã từng có một nền "*dân chủ*" kiểu mẫu. Một anh bạch đình chẳng hạn có thể thi đỗ leo lên chức quan lớn. Những nạn cho vay bóp cổ mổ hầu không phải là sản phẩm người Việt mà do bọn "*chà và*" dựa vào lưỡi lê Pháp nhập cảng. Tóm lại, giữa người Việt với người Việt không có sự áp chế bóc lột. Sự bóc lột và áp chế là hoàn toàn do bọn thực dân Pháp. Cho nên đã là người Việt, *ai ai cũng bị áp chế, bóc lột như nhau*. Ai ai cũng muốn đánh đuổi đế quốc thực dân ra khỏi nước².

Bởi tin chắc Việt Nam không có phong kiến, không có trường giả, không có sự đấu tranh giai cấp, nên mỗi khi ông nghe thấy Đệ tứ nói tới hai chữ "*vô sản*", ông liền bĩu cái môi dưới ra, đọc thành "*vô xá...n*". Gặp những đảng viên Đệ tứ thì ông vỗ vai một cách "*huynh đệ*", hỏi: "*Cách mạng vô xá...n đã tới đâu rồi?*" Ông tỏ ý thương hại (!) cho mấy người Đệ tứ đang đi mò trăng đáy nước. Có ai hỏi ông về chủ nghĩa mác-xít thì ông trả lời bằng câu tiếng Pháp: "*Marx est un petit philosophe*" (Marx là nhà triết lý tí hon).

Cần phải nói thêm rằng, trong giai đoạn này, ông Thảo cũng chống với Đệ tam vì Đệ tam bỏ rơi vấn đề độc lập.

Chống Đệ tam, bắt bớ Đệ tứ, ông Thảo muốn theo đuổi một chính sách "*quốc gia thuần túy*". Nhưng khôn thay, ông không nắm giữ quyền chúng. Bởi vậy, xin độc giả hiểu cho, ông Thảo chỉ công phần ngầm ngầm và phát biểu trong các cuộc hội họp đôi ba người hoặc bằng giọng đứng đắn, hoặc bằng giọng trào phúng. Về mặt công khai, ông không hề lên tiếng.

Tới thời kỳ Phái đoàn Việt Nam sang Pháp, phong trào *Tổng Ủy ban Đại diện* chấm dứt, ông Thảo nhận thấy sự liên minh với Đệ tứ không giúp ích gì cho ông nữa, ông ta liền nhảy... sang phía Việt Minh. Mặc dầu bước nhảy khá dài, nhưng ông vẫn có nhiều điều "*bất phục*" Việt Minh vì Việt Minh đã ký kết Hiệp định Sơ bộ mừng 6 tháng 3, mở cửa cho quân đội Leclerc đổ bộ. Ông "*bất phục*" Việt Minh vì vấn đề Liên hiệp Pháp. Ông "*bất phục*" Việt Minh còn vì lẽ các thủ đoạn độc đoán của Việt Minh đối với phái trí thức tư sản. Ông thường nói "*Việt Minh là Đệ tam*" mà Đệ tam thì ông đã thừa hiểu là thế nào rồi.

Ông Thảo "*đi*" với Đệ tam bây giờ cũng như ông "*đi*" với Đệ tứ hồi trước. Ông "*đi*" để làm cái đà cho bước nhảy. Ông "*đi*" mà trong thâm tâm chứa giữ những giận hờn.

Chả ai trách ông Thảo "*đi*" với Đệ tam và chối từ Đệ tứ. Người làm chính trị biến chuyển là thường. Nhưng ít ra sự biến chuyển phải dựa trên căn bản nguyên tắc nào đó. Ít ra phải có sự thành tâm làm gốc. Nhà thực sĩ số một của chúng ta hình như chỉ nhìn đám "*đông*" và cái "*mạnh*"!

Người ta còn nhớ khi đảng Xã hội Pháp (S.F.I.O.) có cuộc thay đổi "*cánh tả*" của Guy Mollet thắng "*cánh hữu*" của Daniel Mayer³, ông Thảo hỏi đó cũng tập tễnh lập nhóm *Xã hội Việt Nam* dựa vào "*cánh tả*" Xã hội Pháp. Ông đem ý kiến ngó cùng ông Nguyễn Đắc Lộ và một số cựu nhân viên *Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều*. Nhưng không may cho ông

¹- Hồi đó ông Thảo chưa được đọc báo "*Nhân dân*" gần đây, lẽ tất nhiên!

²- Ở bài "*Vấn đề Việt Nam dưới mắt phái trối-kít*" đăng trong tạp chí Pháp "*Thời mới*" và dịch đăng trong "*Văn hóa Liên hiệp*" số 15 (tháng 7-1949), ông Thảo viết: "*Dưới chế độ thực dân, giữa người Việt Nam, dù giàu nghèo tới đâu cũng không có sự chênh lệch về chính trị, vì các quyền chính trị dành cho công dân Pháp.*" Dựa vào lý tưởng này, ông Thảo chống lại vấn đề cải cách điền địa. (Chú gach của "*Tiếng thợ*").

³- Daniel Mayer phải nhường chức tổng thư ký cho Guy Mollet.

Thảo, bói bầy ngày ở Pháp không có một người Việt nào hưởng ứng đảng Xã hội. Một điều đáng chú ý là thời này, về mặt công khai, ông đã lên tiếng tán thành Việt Minh. Có người nghi ông "hai lòng", ngoài mặt "đi" với Việt Minh, nhưng trong bụng lại muốn ngấm theo một lực lượng khác. Điều này chỉ ông Thảo mới hiểu nổi (người ta cũng còn nhớ hồi cuộc "chiến tranh lạnh" giữa Nga - Mỹ bắt đầu chớm nở, ông Thảo thường tỏ ý thiên về nền "dân chủ Mỹ" hơn "chế độ độc tài" của Nga. Ông ưa Mỹ hơn Nga vì ông nhận định Mỹ "mạnh" hơn Nga. Mỹ sẽ thắng Nga. Ông Thảo thường lấy thí dụ ở xứ Mỹ người ta trồng cà chua trong một thùng "ton nô" mà được hàng mấy tấn quả, trong lúc ấy người Nga chưa biết hình dáng cái xe đạp (Dĩ nhiên ông Thảo không có ý nói Mỹ đánh giặc bằng cà chua, ông chỉ muốn chứng tỏ kỹ nghệ Mỹ không ai bì kịp!)

Nhưng cuộc thắng trận của Mao Trạch Đông và tiếp theo cuộc chiến tranh Cao Ly đã làm ông Thảo bưng mắt. Bây giờ ông lại nhìn thấy cái "mạnh" ở phía Nga chứ không phải ở phía Mỹ. Ông khám phá khỏi Nga gồm "800 triệu dân... từ Bắc Kinh tới Tiệp Khắc". Ông khám phá Stalin là "nhà triết học" đại tài xứng đáng nối cơ đồ của Marx¹. Dĩ nhiên thời kỳ này ông không gọi Marx là "tí hon" nữa. Trái lại, trong cuốn "*Phénoménologie et Matérialisme dialectique*", ở bài tựa, ông thanh minh, cho ta biết ông đã bỏ cách suy luận theo chủ nghĩa Hiện tượng để bước sang học thuyết mác-xít.

Từ đó, nghĩa là từ cuộc thắng trận của Mao tướng quân, nhà thực sĩ số một của chúng ta tự vươn mình thành tay "mác-xít". Sự biến chuyển về lý thuyết ấy của ông Thảo có lẽ là sự biến chuyển to tát nhất. Nhưng "mác-xít" của ông vẫn không rời bỏ tinh thần các triết thuyết trường giả mà ông được hấp thụ ở nhà trường. Nó vẫn nhuộm thêm màu sắc duy tâm mà Kant, Hégel, Bergson, v.v... là đại diện. Nói cách khác, ông Thảo vẫn không rời bỏ hoàn toàn lối suy luận "tu tưởng" làm nguyên nhân chủ lực. Đối với ông, cái luật "giai cấp đấu tranh", một trong những căn bản cốt yếu của học thuyết mác-xít, hầu như không có. Nhận xét về lịch sử chẳng hạn, ông chỉ nhận xét những phát hiện bề ngoài, hiện tại, chóc lát, mà quên hẳn cái phần nội dung sâu sắc, quên hẳn những động lực tiềm tàng chỉ định. Một thí dụ: trong bài "*Việt Nam dưới mắt phái trốt-kít*" đăng ở "*Văn hóa Liên hiệp*" số 15 tháng 7-1949, ông nhận định cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng tiểu tư sản do dân chủ tiểu tư sản lãnh đạo. Giai cấp vô sản chỉ là phụ động lực. Vì nếu vô sản đứng ra lãnh đạo, cách mạng Việt Nam nhất định bị hủy hoại. Ông trách phái trốt-kít nêu ra vai trò của vô sản và muốn "lập lại hình thức của cách mạng Nga" năm 1917. Theo ông, các xứ Á Đông khác với xứ Nga. Ở các xứ Á Đông không thể nào có những cuộc cách mạng do dân chủ vô sản lãnh đạo mà có thể tới sự thành công. Ông viết: "**Từ Maroc đến Nam Dương, trừ Algérie ra, không có một đảng vô sản nào đáng kể. Lời kêu gọi của vô sản Việt Nam nếu làm cách mạng sẽ mất đi trong bãi sa mạc.**" (Chúng tôi chú gạch).

Bên vực tuyệt đối quan niệm cách mạng Việt Nam phải là cách mạng tiểu tư sản do giai cấp tiểu tư sản lãnh đạo, ông trách cứ trốt-kít "khinh thường cuộc cách mạng tiểu tư sản [Việt Nam] như thế kết cục là ủng hộ gián tiếp những mưu mô của thực dân." Và ám chỉ trốt-kít, ông kết luận: "Rõ ràng là cái bản năng đế quốc cũ đã lộ ra dưới cái mặt nạ cách mạng"².

Dĩ nhiên, ông Thảo không quên khen tặng "Việt Minh" đã biết "ngừng cuộc tranh đấu giai cấp" (!?), vì đã giải tán Đông Dương Cộng sản đảng để gây khối liên hiệp toàn dân đoàn kết!

Nhưng tới tháng 3-1951, sau khi Đông Dương Cộng sản đảng tái lập dưới hình thức đảng Lao động Việt Nam, khi một mớ tài liệu ở Việt Nam tràn qua Pháp, nhà triết lý số một của chúng ta, không một lời phân tích, điềm nhiên viết:

"*Cách mạng vô sản có nhiệm vụ tích cực là kiến thiết đời sống toàn thể xã hội. Ý nghĩa đó biểu lộ đặc biệt trong cách mạng Tàu và ta. Chứng tỏ rằng chủ nghĩa mác-xít là*

¹- Coi cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" của Trần Đức Thảo.

²- Tất cả những đoạn trích trên đây coi báo "*Văn hóa Liên hiệp*" số 15, tháng 7-1949.

giây [dây] liên hiệp toàn dân phản đế, kiến quốc"¹.

Bạn đọc thấy chưa? Năm 1949, chỉ vì bốn chữ "*cách mạng vô sản*", ông Thảo tặng cho phái trót-kít những câu chua chát: " *ủng hộ gián tiếp những muru mô của thực dân*", " *rõ ràng là cái bản năng đế quốc cũ đã lộ ra dưới cái mặt nạ cách mạng*." Năm 1951, mặc dầu vẫn bài trừ trót-kít, ông ta điềm nhiên nhận định: "*Cách mạng Tàu và ta*" biểu bộ đặc biệt ý nghĩa một cuộc "*cách mạng vô sản*"!

Vì sao có sự biến chuyển sâu xa ấy? Phải chăng do sự giác ngộ thực tâm hay chỉ do mảnh khoke ngoại diện? Điều này chỉ ông Thảo mới hiểu nổi ông Thảo. Điều chúng ta biết là sự biến chuyển ấy đi đôi với sự biến chuyển thời cuộc. Bước nhảy của ông Thảo là bước nhảy của một tay trí thức tiểu tư sản "*thức thời*", biết "*đi sát thực tế*". Khi Đông Dương Cộng sản đảng giải tán và Việt Minh chủ trương chính sách "*đại đoàn kết*" không phân biệt giai cấp... thì ông Thảo theo hòa bằng thái độ "*không có giai cấp đấu tranh*". Khi Đông Dương Cộng sản đảng tái lập, và chủ trương chính sách có phân biệt giai cấp bằng cách "*phát động*" cuộc tranh đấu chống địa chủ ở nông thôn,... thì ông Thảo nêu ra quan niệm cách mạng Việt Nam "*biểu lộ... ý nghĩa cách mạng vô sản*". Không một lời giải thích. Triết lý của ông Thảo có khác nào một nhãn hiệu muốn gắn (dán) vào món hàng nào cũng được, quí hồ món hàng đó đang thịnh trong công chúng.

Bây giờ nói đến hai chữ "*vô sản*", ông Thảo không bịu môi kéo dài giọng và đọc thành "*vô xá...n*" nữa. Trái lại, ông nói và viết chữ đó trơn tru lắm. Bây giờ ông không đem thí dụ "cà chua" để chứng thực sự giàu mạnh của Mỹ nữa. Trái lại, khi nói tới Mỹ, ông biết nhìn những nạn ổ chùng, những cái tội bại. Bây giờ ông không chê trách Đệ tam, dù trong phòng kín. Trái lại, ông gọi Stalin là nhà lãnh tụ tối cao, đáng làm gương mẫu cách mạng (!) (Chả biết từ ngày có tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin, thái độ của ông Thảo biến chuyển ra sao? Điều chúng tôi biết là trong trang đầu tờ tạp chí mà ông là chủ bút, vẫn còn nêu khẩu hiệu "*Stalin nói rằng...*").

Bước nhảy của ông Thảo, khách quan mà nói, có tiến bộ, có thoái bộ, có phân tích cực, có phân tiêu cực. Phân tiêu cực biểu lộ không những ở thái độ biến chuyển lung tung mà nó còn thể hiện ở nội dung tư tưởng. Bề ngoài tưởng như ông Thảo đã tiến gần chủ nghĩa mác-xít. Thực ra, ông còn phải tiến thêm trăm dặm.

Nhưng bước nhảy của ông đã giúp ông chiếm một vai trò quan trọng. Ấy là việc chính phủ Dân chủ Cộng hòa và đảng Lao động Việt Nam đã cử ông làm chức giáo sư triết học ở trường Đại học và giao phó cho ông trách nhiệm chủ bút tờ tạp chí lý thuyết dành cho các sinh viên trí thức.

Chính vai trò quan trọng đó, những ai quen biết ông ta không thể không băn khoăn đặt câu hỏi: "*Tương lai sự huấn luyện mác-xít ở Việt Nam có thể giao phó cho số người có thái độ triết chung như ông Thảo được chăng?*"

Có người bảo: dù sao sự biến chuyển của ông Thảo cũng là bước tiến bộ cần được khuyến khích. Điều ấy đúng. Nhưng phải chăng là một đảm bảo chắc chắn để có thể giao cho ông vai trò đào tạo thanh niên về khoa triết học? Thật ra ông Thảo cần được đào tạo thêm về khoa mác-xít.

Viết bài này, chúng tôi không có ý mạt sát cá nhân ông Thảo mà chỉ muốn trình bày một "*trường hợp*" trí thức tiểu tư sản trong phong trào vô sản. Một kinh nghiệm mà vô sản cần suy xét. Dù sao, ta phải công nhận, sự biến chuyển của ông Thảo còn hơn một đảm người, trước đã hướng về vô sản trong một thời kỳ, nay lại cấp khăn gói nhảy theo đế quốc.

¹- Cõi cuốn "*Triết lý đã đi đến đâu?*" của Trần Đức Thảo, Nhà xuất bản Minh Tân. (Chúng tôi chú gạch).



Sách của Tủ sách Nghiên cứu

Đã xuất bản:

- Quan liêu ở Việt Nam (Nhóm Đệ tứ Việt Nam tại Pháp, 1976)
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản (Vũ Gia Minh, 1980; tái bản có sửa chữa năm 1999)
- Vấn đề Ba Lan (Hà Cương Nghị, 1981)
- Cuộc cách mạng bị phản bội (Leon Trotsky, 1993)
- Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin (1994)
- Người Việt ở Pháp 1940 - 1954 (Đặng Văn Long, 1997)
- Về nạn sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó (Nikita Khrushchev, phát hành trên mạng Internet, 1998)
- Đời tôi (Leon Trotsky, hai tập, 1998-1999)
- Lenin, con người, cuộc đời và sự nghiệp (Nguyễn Văn Liên, 1998)
- Văn học và cách mạng (Leon Trotsky, 2000)
- Hồ sơ Đệ tứ Quốc tế Việt Nam tập 2 (2000)
- Việt Nam 1920 - 1945 (Cách mạng và phản cách mạng dưới chế độ thuộc địa) [tiếng Pháp và tiếng Việt] (Ngô Văn, 2000)
- Hồ sơ Đệ tứ Quốc tế Việt Nam tập 1 (2000, tái bản có sửa chữa và bổ sung)

Sắp xuất bản:

- Lịch sử cách mạng Nga (Leon Trotsky, hai tập)
- Quốc tế Cộng sản sau thời Lenin (Leon Trotsky, hai tập)
- Cách mạng thường trực (Leon Trotsky)

Địa chỉ liên hệ:

**Tủ sách Nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11
France**

Mục lục

<i>Mấy lời nói đầu</i> _____	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<input type="checkbox"/> <i>Về phong trào Đệ tứ Việt Nam (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	5
<input type="checkbox"/> <i>Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người trót-kít Việt Nam? (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	21
<input type="checkbox"/> <i>Sinh hoạt của kiều dân Việt Nam tại Pháp trong những năm 1940-1950 (Đặng Văn Long)</i> _____	31
<input type="checkbox"/> <i>Vì đâu? (Nguyễn Khắc Viện)</i> _____	33
<input type="checkbox"/> <i>Vấn đề Việt Nam dưới con mắt trót-kít (Trần Đức Thảo)</i> _____	35
<input type="checkbox"/> <i>Tiểu tư sản và cách mạng (Nguyễn Khắc Viện)</i> _____	41
<input type="checkbox"/> <i>Trả lời một ông trí thức tiểu tư sản (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	43
<input type="checkbox"/> <i>Phê bình cuốn "Triết lý đã đi đến đâu?" của Trần Đức Thảo (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	49
<input type="checkbox"/> <i>Trả lời tờ báo "Công nhân" (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	59
<input type="checkbox"/> <i>Khi báo "Quyết thắng" làm "chính trị" (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	75
<input type="checkbox"/> <i>Bàn về hai cuộc cách mạng Ba Lan và Hung Gia Lợi (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	79
<input type="checkbox"/> <i>Bước nhảy của nhà triết lý Trần Đức Thảo (Hoàng Khoa Khôi)</i> _____	81
<i>Sách của Tủ sách Nghiên cứu</i> _____	85
<i>Mục lục</i> _____	87

